UNITED NATIONS
VIET NAM

Bản dịch không chính thức để tham khảo

BẢN TÓM TẮT
PHÂN TÍCH QUỐC GIA CỦA LIÊN HỢP QUỐC
TẠI VIỆT NAM

Hà Nội, Việt Nam
2026

MỤC LỤC

Mục lục 2

Danh mục từ viết tắt 3

1. Giới thiệu 5
1.1 Bối cảnh và mục tiêu 5
1.2 Tiến trình và tầm nhìn phát triển quốc gia 5
1.3 Bối cảnh phát triển thay đổi nhanh chóng 6

2. Đánh giá tiến độ phát triển bền vững 8
2.1 Thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững: Tiến độ và thách thức 8
2.2 Thay đổi về nhân khẩu học và xã hội 11
2.3 Phát triển xã hội và nguy cơ bị bỏ lại phía sau 13
2.4 Chuyển đổi kinh tế 17
2.5 Ba cuộc khủng hoảng của hành tinh 21
2.6 Quản trị và pháp quyền 24
2.7 Bức tranh tài chính phát triển 28
2.8 Phân tích quan hệ đối tác và các bên liên quan 30

3. Kết luận và đề xuất 32
3.1 Tóm tắt các thách thức phát triển chính 32
3.2 Khuyến nghị 35

Phụ lục I: Báo cáo về phương pháp luận 37

Phụ lục II: Tóm tắt kết quả tham vấn đa bên 39

Chú thích cuối 42

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
AI	Trí tuệ nhân tạo
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
BEAPA	Đa dạng sinh học và thích ứng dựa trên hệ sinh thái trong nông nghiệp (bối cảnh Việt Nam)
BRICS	Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi
CA	Phân tích quốc gia
CEDAW	Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ
CPTPP	Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
CRPD	Công ước về quyền của người khuyết tật
CSO	Tổ chức xã hội
DRR	Giảm thiểu rủi ro thiên tai
EAF	Quỹ tiếp cận năng lượng
EPR	Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất
ESCAP	Ủy ban Kinh tế Xã hội châu Á Thái Bình Dương của Liên Hợp Quốc
ESG	Môi trường, Xã hội và Quản trị
EU	Liên minh châu Âu
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FPIC	Nguyên tắc đồng thuận trước, tự nguyện, với đầy đủ thông tin
GBF	Khung Đa dạng sinh học toàn cầu
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GEWE	Bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ
KNK	Khí nhà kính
HIV	Virus gây suy giảm miễn dịch ở người
HRW	Tổ chức Theo dõi Nhân quyền
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế
IMF	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
IPCC	Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi Khí hậu
ISEAS	Viện Nghiên cứu Đông Nam Á – Yusof Ishak
CNTT	Công nghệ thông tin
ITA	Cục Quản lý Thương mại Quốc tế
IWGIA	Nhóm Công tác Quốc tế về Vấn đề Người bản địa
JETP	Quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng
LGBTQI	Đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới, queer và liên giới tính
LMIS	Hệ thống thông tin thị trường lao động
Bộ NN&MT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Bộ NN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Bộ KH&ĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
MVA	Giá trị gia tăng ngành chế biến, chế tạo
QH	Quốc hội
NAP	Kế hoạch hành động quốc gia
NBSAP	Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về đa dạng sinh học

BKLN	Bệnh không lây nhiễm
NDC	Đóng góp do quốc gia tự quyết định
NEET	Không có việc làm, không tham gia học tập, đào tạo
NQ-CP	Nghị quyết Chính phủ
NQ-TW	Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
NTA	Hiệp hội lâm sản ngoài gỗ
ODA	Vốn hỗ trợ phát triển chính thức
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
OHCHR	Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp Quốc
PAPI	Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh
PDP8	Quy hoạch điện VIII
PFES	Chi trả dịch vụ môi trường rừng
CSSKBĐ	Chăm sóc sức khỏe ban đầu
PM2	Bụi mịn có đường kính nhỏ hơn 2,5 micromet
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
SKSS & SKTD	Sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục
STEM	Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật và Toán học
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
TW	Trung ương
LHQ	Liên Hợp Quốc
UNAIDS	Chương trình phối hợp của Liên hợp quốc về HIV và AIDS
UNDP	Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
UNDRR	Văn phòng Liên Hợp Quốc về Giảm nhẹ rủi ro thiên tai
UNEP-WCMC	Trung tâm Giám sát Bảo tồn Thế giới thuộc Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc
UNESCAP	Ủy ban Kinh tế Xã hội châu Á Thái Bình Dương của Liên Hợp Quốc
UNFPA	Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc
UNICEF	Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc
UNIDO	Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hợp Quốc
UNSDCF	Khung chiến lược hợp tác phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc
UPR	Rà soát định kỳ phổ quát toàn cầu
USD	Đô la Mỹ
USDS	Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ
VCCI	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
TLĐLĐVN	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
CTTCP	Cổng Thông tin điện tử Chính phủ Việt Nam
VNM	Việt Nam (mã quốc gia 3 ký tự ISO)
VNR	Rà soát quốc gia tự nguyện
BHXHVN	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
WASH	Nước sạch và vệ sinh
WEO	Báo cáo triển vọng kinh tế thế giới
WGAD	Nhóm Công tác về Giam giữ tùy tiện
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới
WPS	Phụ nữ, Hòa bình và An ninh
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới
WWF	Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên

© UNICEF Viet Nam/Luu Thu Huong

1 GIỚI THIỆU

1.1 Bối cảnh và mục tiêu

Báo cáo phân tích quốc gia (CA) là một công cụ chẩn đoán và định hướng chiến lược của hệ thống Liên Hợp Quốc (LHQ), nhằm cung cấp các phân tích độc lập, đáng tin cậy và hỗ trợ tư vấn chính sách cho quá trình phát triển bền vững của quốc gia. Báo cáo đặt nền tảng cho việc xây dựng Khung chiến lược hợp tác phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (gọi tắt là Khung hợp tác) của chu kỳ tiếp theo, trong đó xác định các ưu tiên hợp tác giữa Hệ thống phát triển Liên Hợp Quốc và Việt Nam nhằm thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững (SDG) đến năm 2030, đồng thời phù hợp với ưu tiên phát triển quốc gia. Mục tiêu của CA bao gồm:

1. Đánh giá tổng thể tiến độ, xu hướng và thách thức trong thực hiện ưu tiên phát triển quốc gia, bao gồm cam kết của Việt Nam đối với Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững và nghĩa vụ theo cơ chế công ước của Liên Hợp Quốc; đồng thời phân tích bối cảnh phát triển tổng thể của Việt Nam trong mối liên hệ với các xu hướng lớn ở khu vực và toàn cầu, cũng như tác động của các xu hướng này đối với Việt Nam.

2. Xác định nguyên nhân gốc rễ và yếu tố thúc đẩy rủi ro và tình trạng dễ bị tổn thương, bao gồm cả các yếu tố làm kéo dài tình trạng bị tụt hậu và phân biệt đối xử; đồng thời nhận diện cơ hội và tiềm năng cho những chuyển đổi cần thiết có thể định hình quỹ đạo phát triển của Việt Nam trên các trụ cột then chốt của phát triển bền vững.

3. Đưa ra các khuyến nghị nhằm phục vụ xây dựng Khung hợp tác mới, trong đó trọng tâm là xác định những chuyển đổi cần ưu tiên, qua đó nâng cao vai trò và hiệu quả đóng góp của Liên Hợp Quốc trong việc hỗ trợ Việt Nam thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững và định hướng phát triển quốc gia.

1.2 Tiến trình và tầm nhìn phát triển quốc gia

Trong ba thập kỷ qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu phát triển rất ấn tượng, chuyển mình từ một quốc gia thu nhập thấp lên nhóm thu nhập trung bình thấp, đồng thời cải thiện đáng kể mức sống và giảm nghèo một cách rõ rệt. Nền kinh tế phục hồi nhanh sau đại dịch COVID-19, với tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/người) tiệm cận ngưỡng của nhóm quốc gia thu nhập trung bình cao.[1] Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm xuống khoảng 1,3% vào năm 2025.[2] Tuy nhiên, tình trạng nghèo vẫn còn cao hơn tại các khu vực đồng bào dân tộc thiểu số.[3]

Hướng tới việc hoàn thành các mục tiêu SDG vào năm 2030 và trở thành quốc gia thu nhập cao vào năm 2045, Việt Nam đang điều chỉnh quỹ đạo phát triển trong bối cảnh ngày càng phức tạp, nhằm tránh rơi vào bẫy thu nhập trung bình. Đồng thời, Việt Nam cũng cam kết đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Việt Nam đã đặt ra ra các mục tiêu đầy tham vọng, bao gồm duy trì tốc độ tăng trưởng GDP hai con số hằng năm đến năm 2030, giảm nghèo từ 1-1,5 điểm phần trăm mỗi năm và nâng mức phát triển con người lên nhóm "rất cao" (HDI > 0,80). Thông qua những nỗ lực thực hiện các mục tiêu này, Việt Nam đã sẵn sàng bước vào một giai đoạn phát triển mới, "kỷ nguyên vươn mình của dân tộc".[4]

Bảng 1. Chỉ tiêu phát triển quốc gia chủ yếu của Việt Nam đến năm 2030

Chỉ tiêu phát triển chủ yếu	2030
Tốc độ tăng trưởng GDP	10%/năm
GDP bình quân đầu người	8.500 USD/năm
Tốc độ tăng năng suất lao động	8,5%
Tỷ lệ đầu tư so với GDP	40%
Đóng góp của TFP vào tăng trưởng GDP	>55%
Tỷ trọng ngành chế biến, chế tạo trong GDP	28%
Tỷ trọng kinh tế số trong GDP	>30%
Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu	>21%
Tỷ lệ nghèo (mức giảm hàng năm)	1-1,5 điểm phần trăm
Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,80
Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng lực lượng lao động	35-40%
Số kỹ sư được đào tạo cho ngành bán dẫn	50
Số lượng tốt nghiệp ngành CNTT	100
Tỷ lệ đô thị hóa	>50%
Tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp	25-30%
Mức giảm phát thải KNK	8-9%

Nguồn: Tổng hợp từ các Nghị quyết của Đảng (Nghị quyết Bộ Chính trị số 57, 59, 66, 68 và 70).

1.3 Bối cảnh phát triển thay đổi nhanh chóng

Quỹ đạo phát triển của Việt Nam đang chịu tác động ngày càng rõ nét từ một loạt xu hướng lớn trên toàn cầu, bao gồm: gia tăng căng thẳng địa chính trị và các xung đột có ảnh hưởng lan rộng; xu hướng phân mảnh kinh tế và bất định trong chính sách thương mại; chuyển dịch cơ cấu dân số; tiến bộ công nghệ nhanh và quá trình chuyển đổi số; cùng với áp lực ngày càng gia tăng từ biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường.

Là một nền kinh tế có độ mở cao, Việt Nam phụ thuộc đáng kể vào xuất khẩu như một động lực tăng trưởng chủ yếu. Các ngành sản xuất định hướng xuất khẩu không chỉ đóng góp vào tăng trưởng mà còn tạo việc làm cho lực lượng lao động trẻ dồi dào.[5] Tuy nhiên, căng thẳng địa chính trị và thương mại leo thang trên toàn cầu, cùng với những gián đoạn trong chuỗi cung ứng, có thể gây ra tác động bất lợi đối với nền kinh tế.[6] Những diễn biến này có nguy cơ làm suy giảm nhu cầu và dòng vốn từ bên

ngoài, từ đó ảnh hưởng đến đà tăng trưởng, đồng thời tác động mạnh hơn đến các nhóm dễ bị tổn thương, đặc biệt là lao động nữ.

Việt Nam đã chính thức bước vào giai đoạn già hóa dân số từ năm 2011 và dự kiến sẽ trở thành quốc gia có dân số già vào khoảng năm 2036.[7] Đây là một thách thức mang tính cấu trúc trong dài hạn, nhất là khi Việt Nam có mức chênh lệch giới tính ở nhóm người cao tuổi thuộc hàng cao nhất trong ASEAN, khiến phụ nữ cao tuổi dễ đối mặt hơn với nguy cơ nghèo đói, sức khỏe suy giảm và bị cô lập về mặt xã hội.[8]

Việt Nam đã xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là một trong những trụ cột chiến lược để hiện thực hóa mục tiêu trở thành quốc gia thu nhập cao vào năm 2045.[9] Việc ứng dụng nhanh chóng các công nghệ số đã góp phần thúc đẩy hoạt động kinh tế. Trong 5 năm qua, kinh tế số của Việt Nam tăng trưởng bình quân khoảng 20% mỗi năm, vượt tốc độ tăng trưởng chung của GDP.[10] Tuy vậy, bên cạnh những tham vọng phát triển, vẫn còn tồn tại nhiều thách thức. Sự chênh lệch về trình độ, kỹ năng và hạ tầng số đang hạn chế khả năng khai thác hết tiềm năng, đồng thời có nguy cơ dẫn đến phân bổ lợi ích không đồng đều từ kinh tế số và khiến các nhóm dễ bị tổn thương bị bỏ lại phía sau.[11] Bên cạnh đó, quá trình chuyển đổi số cũng tiềm ẩn rủi ro làm gia tăng các bất bình đẳng hiện hữu hoặc tạo ra những hình thức lạm dụng và "bỏ lại phía sau" mới.[12]

Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia dễ bị tổn thương nhất trước biến đổi khí hậu, với những tác động tiềm tàng đến năng suất, tích lũy vốn và tăng trưởng kinh tế. Các tác động này không phân bổ đồng đều mà ảnh hưởng nặng nề hơn đến những nhóm dễ bị tổn thương. Để hiện thực hóa cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, Việt Nam cần thúc đẩy nhanh hơn quá trình chuyển đổi xanh và chuyển dịch năng lượng.[13]

Khu vực tư nhân đã có bước phát triển đáng kể cả về quy mô lẫn chất lượng, ngày càng khẳng định vai trò là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Khu vực này đóng góp tích cực vào tăng trưởng, tạo việc làm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất và giảm nghèo. Tuy nhiên, phần lớn doanh nghiệp vẫn còn hạn chế về vốn, năng lực quản trị chưa cao, cũng như trình độ công nghệ và đổi mới sáng tạo còn yếu. Mối liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn lỏng lẻo, hạn chế khả năng lan tỏa về năng suất và nâng cao năng lực cạnh tranh trong nước.

Những rào cản đối với phát triển khu vực tư nhân chủ yếu còn do hạn chế trong khuôn khổ thể chế và môi trường pháp lý, đặc biệt là trong tiếp cận vốn, đất đai, công nghệ và nguồn nhân lực có kỹ năng. Nghị quyết số 68-NQ/TW ban hành ngày 4/5/2025 hướng tới tháo gỡ các điểm nghẽn này, qua đó phát huy đầy đủ vai trò của khu vực tư nhân như một trụ cột quan trọng của tăng trưởng và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Năm 2025 đánh dấu việc khởi động công cuộc "Đổi Mới" lần thứ hai, với trọng tâm là cải cách toàn diện khu vực công, tinh gọn bộ máy nhà nước và hệ thống chính quyền ở cả cấp trung ương và địa phương. Số lượng bộ và cơ quan ngang bộ được giảm từ 22 xuống còn 17, đồng thời 13 tổng cục được giải thể. Mục tiêu đặt ra là cắt giảm 10% biên chế khu vực công vào năm 2030.[14]

Trong khuôn khổ tái cơ cấu, đến ngày 1/7/2025, Việt Nam đã sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp tỉnh, giảm từ 63 xuống còn 34 (gồm 28 tỉnh và 6 thành phố trực thuộc trung ương). Đồng thời, đơn vị hành chính cấp huyện được bãi bỏ, chuyển sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp (cấp tỉnh và cấp xã).[15] Những cải cách này được kỳ vọng sẽ giúp bộ máy nhà nước vận hành linh hoạt và hiệu quả hơn, tinh giản thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công, đồng thời đưa quá trình ra quyết định đến gần hơn với người dân.[16]

Với việc tinh giản các cấp hành chính, việc cung cấp dịch vụ công có thể hiệu quả hơn, đồng thời cho phép phân bổ lại nguồn lực nhiều hơn cho phát triển ở cấp địa phương. Thay đổi này cũng mở ra cơ hội để đẩy mạnh quản trị số, qua đó cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ công, đặc biệt với người dân ở các vùng sâu, vùng xa.[17] Tuy nhiên, nhiều xã, đặc biệt ở các khu vực kém phát triển và vùng sâu, vùng xa, đang phải đảm nhận nhiều trách nhiệm hơn trong khi năng lực vẫn còn hạn chế. Điều này có thể dẫn đến gián đoạn tạm thời trong cung cấp dịch vụ, nhất là trong các lĩnh vực thiết yếu như an sinh xã hội, bảo vệ trẻ em, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, cũng như y tế công cộng, từ đó có nguy cơ làm gia tăng bất bình đẳng.[18]

© UNICEF Viet Nam/Luu Thu Huong

2 ĐÁNH GIÁ TIẾN ĐỘ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2.1 Thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững: Tiến độ và thách thức

Mặc dù chịu tác động kéo dài và đáng kể của đại dịch COVID-19, Việt Nam vẫn duy trì được đà tiến bộ trong nhiều lĩnh vực phát triển chủ chốt, đồng thời tiếp tục cam kết mạnh mẽ thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững và các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG), đã được thể chế hóa thông qua Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (NAP-SDG) từ năm 2017.

Tiến độ hoàn thành các mục tiêu về cơ sở hạ tầng, an sinh xã hội và quản trị

Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực ở một số mục tiêu, bao gồm SDG 6 (nước sạch và vệ sinh), SDG 9 (công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng), SDG 10 (giảm bất bình đẳng), SDG 11 (các thành phố và cộng đồng bền vững) và SDG 16 (hòa bình, công lý và các thể chế mạnh mẽ). Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại khoảng cách ở nhiều chỉ số. Việc thiếu dữ liệu tiếp tục là một thách thức lớn trong việc đánh giá đầy đủ tiến độ thực hiện các mục tiêu SDG. Đặc biệt, SDG 13 (hành động về khí hậu) và SDG 17 (quan hệ đối tác) hiện chưa thể đánh giá do hạn chế về dữ liệu.

Đối với SDG 6 (nước sạch và vệ sinh), Việt Nam đã ghi nhận những thành tựu rất quan trọng.[19] Các khoản đầu tư mở rộng vào hạ tầng, quá trình công nghiệp hóa dựa trên dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) định hướng xuất khẩu, cùng với môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo, đã góp phần thúc đẩy tiến độ thực hiện SDG 9 (công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng). Tiến bộ trong SDG 10 (giảm bất bình đẳng) được thể hiện thông qua tạo việc làm, mở rộng độ bao phủ của hệ thống an sinh xã hội và tăng cường hỗ trợ đối với các nhóm dễ bị tổn thương. Tuy vậy, bất bình đẳng thu nhập vẫn còn là một thách thức dai dẳng, với sự chênh lệch đáng kể giữa các vùng, giữa các

nhóm dân tộc và giữa các nhóm thu nhập. Các khu vực nông thôn và miền núi, nơi tập trung đông đồng bào dân tộc thiểu số, tiếp tục là những khu vực gặp nhiều bất lợi nhất.

Việt Nam đã đạt được những tiến bộ rất đáng ghi nhận trong thực hiện SDG 11 (các thành phố và cộng đồng bền vững), được xem là một trong những mục tiêu có khả năng cao hoàn thành vào năm 2030.[20] Tiến bộ tích cực cũng được ghi nhận đối với SDG 16 (hòa bình, công lý và các thể chế mạnh mẽ), khi nhiều chỉ tiêu đã tiệm cận hoặc đạt các mốc đề ra cho năm 2024. Chẳng hạn, Việt Nam đã đạt được bước tiến đáng kể hướng tới mục tiêu phổ cập định danh pháp lý cho toàn dân vào năm 2030.[21] Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về Phụ nữ, hòa bình và an ninh (WPS NAP).[22] Tuy nhiên, các chỉ tiêu liên quan đến chất lượng cung ứng dịch vụ công vẫn còn chậm so với mục tiêu đề ra.[23]

Hình 1. Tổng quan về tiến độ thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững tại Việt Nam

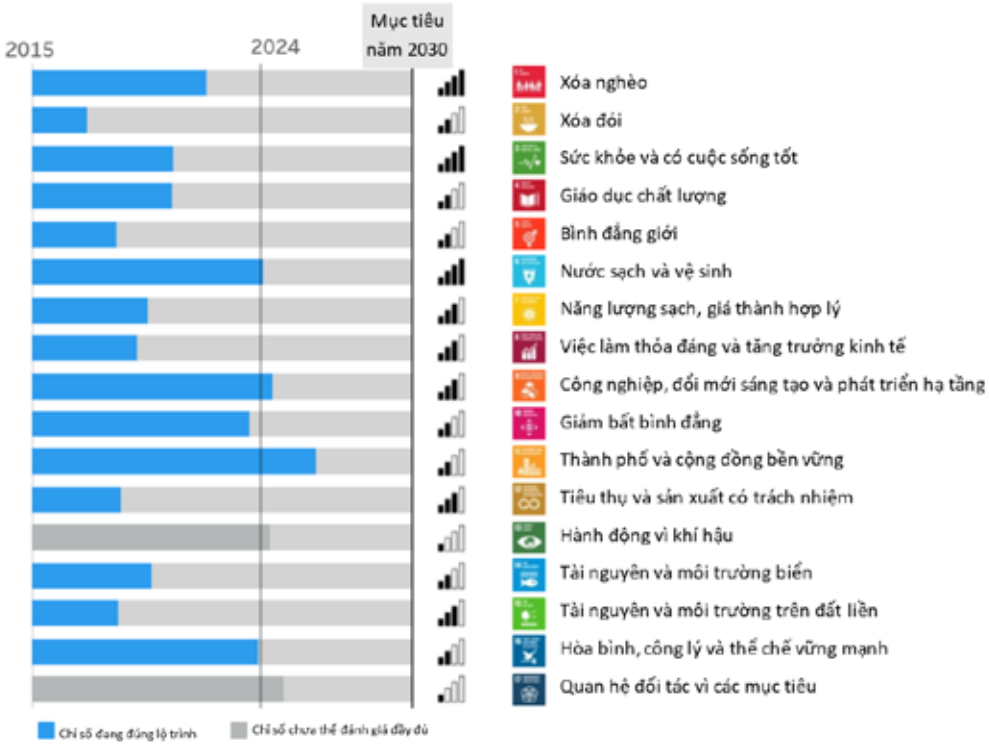

Nguồn: Phân tích của UNESCAP và Bộ KH&ĐT phục vụ Báo cáo đánh giá giữa kỳ quá trình triển khai Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững

Khắc phục các khoảng cách còn tồn tại trong các lĩnh vực nghèo đói, an ninh lương thực, y tế, giáo dục và bình đẳng giới

Đối với SDG 1 (xóa nghèo), Việt Nam đã đạt được những tiến bộ rất đáng kể. Nhiều chỉ số cho thấy xu hướng giảm nghèo tiếp tục được duy trì.[24] Tuy nhiên, tình trạng nghèo kéo dài vẫn còn phổ biến trong một số nhóm đồng bào dân tộc thiểu số và yếu thế khác.[25]

SDG 2 (xóa đói) vẫn còn là một trong những mục tiêu cần được tiếp tục đẩy nhanh tiến độ. Tình trạng thiếu an ninh lương thực tại Việt Nam có xu hướng gia tăng kể từ sau đại dịch COVID-19. Mặc dù tỷ lệ suy dinh dưỡng chung trên toàn quốc tương đối ổn định, các cú sốc ngắn hạn và khoảng cách bất bình đẳng gia tăng đã làm gia tăng mức độ dễ bị tổn thương, đặc biệt đối với khu vực nông thôn và các nhóm yếu thế.[26] Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi – được đo lường qua các chỉ số thấp

còi, nhẹ cân và gầy còm – nhìn chung đang giảm. Tuy nhiên, tỷ lệ thấp còi trong nhóm trẻ em dân tộc thiểu số vẫn còn cao.[27]

Đối với SDG 3 (sức khỏe và có cuộc sống tốt), Việt Nam đã đạt được những tiến bộ ở một số lĩnh vực như kiểm soát HIV, mở rộng tiếp cận chăm sóc sức khỏe toàn dân, cũng như giảm tỷ lệ tử vong mẹ và trẻ em. Tuy nhiên, nhiều chỉ số khác vẫn còn chậm cải thiện hoặc chưa đúng với lộ trình đề ra. Những thách thức đáng chú ý bao gồm tỷ lệ tử vong có thể phòng tránh được do các bệnh không lây nhiễm (BKLN), tỷ lệ mắc bệnh lao, hiệu quả can thiệp đối với các bệnh nhiệt đới còn bị sao nhãng, tình trạng tử vong sớm và bệnh tật liên quan đến ô nhiễm không khí, cũng như năng lực sẵn sàng ứng phó với các tình huống y tế khẩn cấp.[28] Bên cạnh đó, tiến bộ đạt được cũng còn chưa đồng đều. Cụ thể, tỷ lệ tử vong mẹ vẫn còn cao tại các vùng miền núi và khu vực có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, đặc biệt là Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên.[29]

Việt Nam cũng đã đạt được nhiều tiến bộ đáng kể trong thực hiện SDG 4 (giáo dục có chất lượng), đặc biệt là trong việc nâng cao tỷ lệ phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Những thành tựu tích cực cũng được ghi nhận ở cả giáo dục chính quy và không chính quy, số lượng lao động được đào tạo, cũng như năng lực về đọc hiểu, toán học và kỹ năng công nghệ thông tin. Tuy nhiên, cần có những nỗ lực mạnh mẽ hơn nữa để đưa tất cả các chỉ tiêu đi đúng lộ trình nhằm đạt các mục tiêu đến năm 2030. Đáng chú ý, đã xuất hiện dấu hiệu tụt giảm về bình đẳng giới trong tiếp cận giáo dục cơ bản và tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn.

SDG 5 (bình đẳng giới) vẫn là một trong những mục tiêu còn thiếu dữ liệu để có thể đánh giá đầy đủ tiến bộ. Một số cải cách gần đây cũng tiềm ẩn nguy cơ làm chậm lại tiến trình cải thiện vai trò và vị thế của phụ nữ. Mặc dù đã có những thành tích nhất định, cơ cấu lãnh đạo và quản trị ở cả khu vực công và tư vẫn chủ yếu do nam giới nắm giữ. Chính phủ đặt mục tiêu đến năm 2030 có 70% cơ quan quản lý nhà nước có ít nhất một phụ nữ giữ vị trí lãnh đạo. Tuy nhiên, khoảng cách giới vẫn còn rõ nét trong khu vực doanh nghiệp. Những khoảng trống này cho thấy cần triển khai các biện pháp can thiệp có trọng tâm và mang tính thúc đẩy mạnh hơn nhằm đạt được SDG 5.[30]

Các rào cản dai dẳng đối với bình đẳng giới bao gồm bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em, bất bình đẳng trong thị trường lao động và thu nhập, tảo hôn, buôn bán người, gánh nặng của việc chăm sóc không được trả lương, cũng như hạn chế trong tiếp cận an sinh xã hội và cơ hội tham gia vào các vị trí lãnh đạo.[31]

Tăng trưởng bền vững và áp lực môi trường

Đối với SDG 7 (năng lượng sạch, giá thành hợp lý), một số chỉ tiêu như tỷ lệ hộ gia đình tiếp cận điện năng và cường độ năng lượng đang đi đúng lộ trình để đạt mục tiêu. Tuy nhiên, vẫn còn những thách thức lớn, đặc biệt là trong việc nâng tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng cơ cấu năng lượng. Các cam kết của Chính phủ về đạt phát thải ròng bằng 0, được thể hiện trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) 3.0 đang được hoàn thiện, cùng với định hướng chuyển dịch năng lượng, được kỳ vọng sẽ thúc đẩy tiến độ thực hiện không chỉ SDG 7 mà cả các mục tiêu liên quan khác.

Đối với SDG 8 (việc làm thỏa đáng và tăng trưởng kinh tế), Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực, với nền kinh tế thuộc nhóm tăng trưởng tốt. Bên cạnh tăng trưởng GDP, các lĩnh vực khác cũng ghi nhận kết quả tích cực, với tỷ lệ tham gia lực lượng lao động trên 68%, tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống 2,2% vào năm 2024, cùng mức đầu tư vào các lĩnh vực số và xanh ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, khu vực việc làm phi chính thức vẫn còn chiếm tỷ lệ lớn, khoảng 64,6% lực lượng lao động (năm 2024), và chênh lệch về năng suất vẫn còn tồn tại.[32]

Những thách thức vẫn tồn tại trong việc khắc phục các hạn chế về việc làm bền vững, cũng như nâng cao năng suất các nhân tố tổng hợp, năng suất lao động, mức độ phù hợp giữa kỹ năng và nhu cầu

thị trường, và khả năng chuyển đổi việc làm cho lao động kỹ năng thấp. Bên cạnh đó, liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), năng lực sản xuất trong nước, tạo việc làm có kỹ năng cao trong các ngành có giá trị gia tăng lớn, và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế vẫn cần được cải thiện. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ ước đạt 29,2% vào năm 2025.[33]

Đối với SDG 12 (tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm), cần có những nỗ lực mạnh mẽ hơn. Mặc dù đã có một số tiến bộ nhất định trong phát triển bền vững của doanh nghiệp và quản lý chất thải, Việt Nam vẫn cần thúc đẩy sử dụng tài nguyên hiệu quả, giảm trợ cấp nhiên liệu hóa thạch và nâng cao hiệu quả quản lý chất thải, mua sắm công và thực hành phát triển bền vững.

Đối với SDG 14 (tài nguyên và môi trường biển), một số tiến bộ đã được ghi nhận, đặc biệt trong giám sát chất lượng nước biển và phòng, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, khai thác không được báo cáo và không theo quy định (IUU). Tuy nhiên, các thách thức lớn vẫn đang tồn tại, bao gồm ô nhiễm rác thải nhựa, xâm nhập mặn và bảo tồn hệ sinh thái ven biển. Đồng thời, cần tăng cường hệ thống dữ liệu để theo dõi tình trạng sức khỏe hệ sinh thái biển và hoạt động khai thác thủy sản bền vững.

Mặc dù đã có một số tiến bộ đáng kể về chính sách, SDG 15 (tài nguyên và môi trường trên đất liền) vẫn cần được thúc đẩy mạnh mẽ hơn. Mục tiêu này tập trung vào bảo vệ hệ sinh thái trên cạn và nước ngọt, quản lý rừng bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học. Do đó, cần tăng cường hành động và đầu tư, đặc biệt trong việc đảo ngược xu hướng suy thoái đất.

Tóm lại, mặc dù có khả năng đạt được một số mục tiêu vào năm 2030, vẫn còn tồn tại sự chênh lệch đáng kể giữa các vùng miền và nguy cơ bỏ lại phía sau của các nhóm dễ bị tổn thương như đồng bào dân tộc thiểu số, người di cư, người khuyết tật, phụ nữ và lao động phi chính thức. Trong khi thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tốc độ phát triển nhanh cũng tạo ra áp lực lớn lên môi trường. Để bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau, Việt Nam cần chuyển đổi sang mô hình phát triển bao trùm, bền vững và có khả năng thích ứng cao hơn, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng và quá trình già hóa dân số diễn ra nhanh chóng.

2.2 Thay đổi về nhân khẩu học và xã hội

Việt Nam đang trải qua quá trình chuyển đổi nhân khẩu học sâu rộng, với đặc điểm nổi bật là quy mô dân số trẻ lớn (chiếm khoảng 21% tổng dân số), mức sinh thay đổi, tuổi thọ ngày càng tăng và quá trình già hóa dân số diễn ra nhanh. Tổng tỷ suất sinh (TFR) đã giảm mạnh từ khoảng 5 con/phụ nữ vào những năm 1950 xuống còn 3,83 vào năm 1989 và 1,91 vào năm 2024.[34] Trong cùng giai đoạn, tuổi thọ trung bình tiếp tục tăng, đạt 74,8 tuổi, trong đó phụ nữ sống lâu hơn nam giới khoảng 5 năm. Việt Nam chính thức bước vào giai đoạn già hóa dân số từ năm 2011[35] và được dự báo sẽ trở thành quốc gia có dân số già vào khoảng năm 2036.[36]

Tận dụng cơ hội dân số vàng

Quá trình chuyển đổi nhân khẩu học của Việt Nam mở ra nhiều cơ hội. Quy mô dân số tiếp tục tăng, đạt gần 102 triệu người vào năm 2025,[37] tạo nên một thị trường nội địa lớn, đồng thời là lợi thế trong thu hút FDI, nhờ lực lượng lao động ngày càng gia tăng. Các dự báo cho thấy dân số Việt Nam sẽ tiếp tục tăng đến khoảng năm 2060, dù với tốc độ chậm dần,[38] sau đó ổn định và bắt đầu suy giảm từ khoảng năm 2069.

Việt Nam hiện đang trong giai đoạn "cơ cấu dân số vàng", với trung bình mỗi người phụ thuộc được hỗ trợ bởi khoảng hai người trong độ tuổi lao động.[39] Tỷ trọng dân số trong độ tuổi lao động (15-64 tuổi) đang ở mức cao nhất và được dự báo sẽ bắt đầu giảm từ năm 2030.[40] Thời kỳ dân số vàng này dự kiến sẽ chấm dứt vào năm 2039.

Số lượng người cao tuổi tăng nhanh đang thúc đẩy sự hình thành "nền kinh tế bạc", bao gồm các hoạt động sản xuất và tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ đáp ứng nhu cầu của dân số già. Đồng thời, người cao

tuổi vẫn giữ vai trò xã hội quan trọng, không chỉ trong việc gắn kết cộng đồng mà còn trong truyền thụ tri thức và kinh nghiệm giữa các thế hệ. Tuy vậy, già hóa dân số cũng đặt ra những thách thức đáng kể đối với hệ thống chăm sóc sức khỏe, bảo đảm thu nhập và an sinh xã hội.

Những thay đổi về nhân khẩu học có thể làm trầm trọng thêm sự mất cân đối có tính cấu trúc, khi mô hình tăng trưởng dựa vào lao động trẻ, chi phí thấp và xuất khẩu dần trở nên kém bền vững trong bối cảnh dân số già hóa. Điều này cho thấy yêu cầu cấp thiết phải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo hướng bao trùm.[41]

Quá trình già hóa nhanh cũng đặt ra thêm nhiều thách thức, đặc biệt trong bối cảnh tỷ lệ bao phủ lương hưu còn thấp.[42] Khoảng 40% người cao tuổi vẫn tham gia hoạt động kinh tế, song phần lớn làm việc trong các hình thức việc làm dễ bị tổn thương.[43] Những hạn chế về sức khỏe cũng làm giảm khả năng duy trì tham gia thị trường lao động. Thực trạng này càng rõ nét tại khu vực nông thôn và miền núi, nơi người cao tuổi phải đối mặt với gánh nặng các BKLN, hạn chế trong tiếp cận dịch vụ sức khỏe tâm thần và chi phí y tế phải chi trả từ tiền túi còn cao.

Các dạng bất bình đẳng và nguy cơ bị bỏ lại phía sau

Việt Nam đã gần đạt được mức độ tiếp cận phổ cập đối với các dịch vụ thiết yếu.[44] Tuy nhiên, vẫn còn những khoảng cách trong tiếp cận một số lĩnh vực như dịch vụ vệ sinh, trình độ giáo dục và sử dụng internet. Trong giáo dục, mặc dù tỷ lệ hoàn thành trung học phổ biến hơn so với giáo dục đại học, chênh lệch về tỷ lệ hoàn thành trung học giữa các nhóm có điều kiện thuận lợi nhất và kém thuận lợi nhất còn cao.[45]

Các yếu tố bất lợi này thường không tồn tại riêng rẽ mà có xu hướng chồng lấn, làm gia tăng mức độ thiệt thòi trong tiếp cận dịch vụ. Các hộ gia đình ở khu vực nông thôn chịu bất lợi rõ rệt hơn, đặc biệt về dinh dưỡng và giáo dục. Nam giới thuộc nhóm thu nhập thấp cũng có nguy cơ tụt lại phía sau về trình độ học vấn và chủ yếu làm việc trong khu vực phi chính thức.

Tình trạng khuyết tật kết hợp với yếu tố giới tạo ra những dạng bất lợi đặc thù, đặc biệt đối với phụ nữ và trẻ em gái. Nhóm này phải đối mặt với nhiều rào cản, bao gồm trình độ học vấn thấp hơn, hạn chế trong tiếp cận dịch vụ y tế và nguy cơ bạo lực gia đình cao hơn.[46]

Tính dễ bị tổn thương theo giới và kinh tế chăm sóc

Mặc dù đã có những thành tựu, bất bình đẳng mang tính cấu trúc giữa nam và nữ trong việc làm và thu nhập vẫn còn hiện hữu. Phụ nữ tập trung nhiều ở các ngành có mức lương thấp và thâm dụng lao động, qua đó làm gia tăng chênh lệch thu nhập theo giới. Ước tính cho thấy thu nhập của phụ nữ thấp hơn nam giới khoảng 7–11%.[47] Năm 2024, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của phụ nữ đạt 69,1%, thấp hơn so với 78,6% ở nam giới.[48] Đáng chú ý, dù mức độ tham gia thị trường lao động và thời gian làm việc tương đương, phụ nữ vẫn thường nhận thu nhập thấp hơn. Theo phân tích của ILO, khoảng cách tiền lương theo giới trong nhiều ngành nghề có thể cao gấp đôi mức trung bình của cả nước.[49]

Chất lượng việc làm giữa nam và nữ cũng có sự khác biệt đáng kể. Số liệu quốc gia cho thấy tình trạng phân tách theo giới khá rõ trong nhóm lao động gia đình không lương, với tỷ lệ phụ nữ chiếm 15,4% so với 6,9% ở nam giới. Nhóm lao động này thường làm việc trong khu vực phi chính thức, thiếu điều kiện làm việc đảm bảo, không được đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ và thường còn hạn chế trong tham gia đối thoại xã hội.[50]

Bên cạnh đó, phụ nữ vẫn phải chịu gánh nặng kép giữa công việc có thu nhập và công việc chăm sóc không lương. Dù ngày càng tham gia nhiều hơn vào các hoạt động tạo thu nhập và có vai trò lớn hơn trong quyết định tài chính của gia đình, phụ nữ vẫn là người chịu trách nhiệm chính đối với công việc nội trợ, chăm sóc con cái và các quyết định liên quan đến sinh sản. Điều này làm hạn chế đáng kể cơ hội tham gia xã hội của họ. Ngược lại, tỷ lệ nam giới tham gia vào các công việc này thấp hơn nhiều; gần 20% nam giới cho biết không dành thời gian cho các hoạt động chăm sóc và nội trợ.[51]

2.3 Phát triển xã hội và nguy cơ bị bỏ lại phía sau

Nghèo đa chiều: giảm nhưng tiến bộ đạt được chưa đồng đều

Tỷ lệ nghèo đa chiều đã giảm đáng kể, từ 5,3% năm 2019 xuống còn khoảng 1,3% vào năm 2025. Tuy nhiên, tiến bộ này còn chưa đồng đều giữa các nhóm dân cư và các vùng miền.[52] Tình trạng nghèo kéo dài vẫn tập trung ở một số nhóm dễ bị tổn thương, đặc biệt là đồng bào một số dân tộc thiểu số, trong đó có trẻ em và người cao tuổi, người khuyết tật và người di cư không đăng ký cư trú.[53]

Cải cách an sinh xã hội và những khoảng còn trống

Vào tháng 11/2023, Việt Nam ban hành Nghị quyết số 42-NQ/TW, đặt ra tầm nhìn dài hạn hướng tới hệ thống an sinh xã hội toàn dân. Tiếp đó, Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi (Luật số 41/2024/QH15), có hiệu lực từ tháng 7/2025, đã mở rộng diện bao phủ và bổ sung các quy định có tính nhạy cảm giới, như chế độ thai sản tự nguyện. Đến tháng 6/2024, Chính phủ tiếp tục điều chỉnh tăng mức trợ cấp xã hội tối thiểu thêm 39% thông qua Nghị định số 76/2024/NĐ-CP.[54]

Nhằm thúc đẩy tính bao trùm, Việt Nam cũng đã triển khai Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021–2030, đồng thời ban hành hướng dẫn quốc gia (tháng 10/2024) nhằm cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản và tình dục cho nhóm dân số này.[55] Mặc dù những cải cách trên đánh dấu những bước tiến quan trọng hướng tới một hệ thống an sinh xã hội bao trùm và công bằng hơn, vẫn còn tồn tại những khoảng trống cần được tiếp tục hoàn thiện.[56]

Mặc dù đã triển khai nhiều chính sách và chương trình, tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội vẫn còn thấp, đặc biệt là trong khu vực việc làm phi chính thức. Trong khi 35,5% lao động làm công hưởng lương có tham gia bảo hiểm xã hội, thì còn khoảng 97,8% lao động phi chính thức vẫn chưa được bảo hiểm xã hội bao phủ. Năm 2024, tỷ lệ việc làm phi chính thức ước tính ở mức 64,6%. Trong bối cảnh các hình thức việc làm nền tảng và kinh tế gig (mô hình làm việc tự do, linh hoạt theo dự án hay nhiệm vụ ngắn hạn) phát triển nhanh, cần sớm hoàn thiện khung pháp lý nhằm bảo đảm việc làm bền vững và bảo vệ người lao động trong khu vực kinh tế số. Khung này cần bao gồm các nội dung như mở rộng bao phủ an sinh xã hội cho lao động gig, bảo đảm tính minh bạch của thuật toán và thiết lập các cơ chế giải quyết tranh chấp phù hợp với thông lệ quốc tế.

Đối với trợ cấp xã hội, các chương trình hiện hành mới chỉ tiếp cận được một bộ phận nhỏ trẻ em, chủ yếu do điều kiện thụ hưởng còn chặt chẽ và danh sách hộ nghèo còn chưa được cập nhật kịp thời. Dù gần đây mức trợ cấp đã được điều chỉnh tăng, mức chi trả bình quân khoảng 20 USD/tháng vẫn thấp hơn đáng kể so với chuẩn nghèo và chưa đáp ứng được các nhu cầu cơ bản.[57] Nguồn lực ngân sách dành cho trợ cấp xã hội hướng tới trẻ em hiện vẫn còn hạn chế, chưa đủ để bảo đảm bao phủ toàn diện.[58]

Hệ thống an sinh xã hội cũng đang phải đối mặt với những hạn chế về tính linh hoạt và khả năng ứng phó. Sự phối hợp giữa các chương trình thường xuyên và chương trình ứng phó khẩn cấp còn thiếu chặt chẽ; quy mô triển khai còn nhỏ và chưa đủ năng lực phản ứng nhanh trước các cú sốc như khủng hoảng kinh tế, đại dịch hay thiên tai. Việc chưa có đủ cơ sở dữ liệu tập trung về đối tượng thụ hưởng, cùng với việc vẫn phụ thuộc nhiều vào quy trình thủ công, hồ sơ giấy, làm giảm hiệu quả việc xác định đúng đối tượng và chi trả kịp thời. Điều này dẫn đến nguy cơ bỏ sót các nhóm dễ bị tổn thương, đặc biệt là người di cư trong nước, lao động phi chính thức và người khuyết tật.[59]Ví dụ, phần lớn trợ giúp xã hội hiện vẫn được chi trả qua hệ thống bưu điện, trong khi đó, chỉ khoảng 3,5% khoản chi được thực hiện qua tài khoản ngân hàng, dù nhu cầu chuyển khoản số đang gia tăng.60 Bên cạnh đó, sự liên kết còn hạn chế giữa trợ giúp xã hội và các dịch vụ thiết yếu khác cũng làm giảm hiệu quả tổng thể đối với phúc lợi của người dân, khiến nhiều hộ gia đình khó có thể thoát nghèo một cách bền vững.[61]

Giáo dục và kỹ năng cho tăng trưởng bao trùm

Việt Nam đã đạt được nhiều tiến bộ rất đáng kể trong lĩnh vực giáo dục và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt trong việc thúc đẩy SDG 4 về giáo dục có chất lượng. Trong giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ nhập học thuần tăng ở tất cả các cấp học,[62] đồng thời đã đạt được bình đẳng giới ở bậc tiểu học và trung học cơ sở. Từ năm học 2025-2026, chính sách miễn học phí cho học sinh trường công lập từ mầm non đến trung học phổ thông cũng đã được triển khai.

Mặc dù đã có tiến bộ, những bất bình đẳng đáng kể vẫn tồn tại. Năm 2021, khoảng 12% trẻ em gái vị thành niên không được đi học; tỷ lệ này cao hơn trong các nhóm dân tộc thiểu số (29% ở người Khmer và 71% ở người Mông), làm gia tăng nguy cơ tảo hôn, bạo lực, quấy rối và hạn chế cơ hội kinh tế. Khoảng một phần ba số trường học trên toàn quốc, đặc biệt ở khu vực nông thôn, vẫn chưa được tiếp cận đầy đủ các công trình vệ sinh đạt chuẩn.[63] Điều này ảnh hưởng nhiều hơn đến học sinh nữ.64 Bên cạnh đó, bất bình đẳng trong phát triển trẻ mầm non vẫn còn tồn tại, khi nhiều trẻ em – nhất là ở vùng dân tộc thiểu số và nông thôn – thiếu cơ hội tiếp cận các hoạt động kích thích phát triển sớm, tài liệu học tập và sự chăm sóc, tương tác phù hợp.[65]

Việt Nam đặt mục tiêu đạt 1 triệu sinh viên theo học các ngành STEM vào năm 2030, trong khi hiện nay tỷ lệ sinh viên thuộc các ngành này mới đạt khoảng 28-30%. Tuy nhiên, định kiến giới vẫn là rào cản, khi nhiều giáo viên còn hoài nghi về năng lực công nghệ của nữ sinh và cho rằng các ngành STEM không phù hợp với họ.[66]

Giáo dục nghề nghiệp (GDNN) vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh nền kinh tế đang thay đổi.[67] Lĩnh vực này cũng tồn tại khoảng trống đáng kể về giới và tình trạng khuyết tật, khi tỷ lệ phụ nữ khuyết tật tham gia đào tạo chỉ đạt 5,8%, thấp hơn nhiều so với 13,2% ở nam giới.68 Những hạn chế này làm thu hẹp cơ hội tiếp cận việc làm có chất lượng, đồng thời góp phần gia tăng tình trạng thất nghiệp trong thanh niên. 69 Theo chia sẻ từ các doanh nghiệp, sinh viên tốt nghiệp thường thiếu các kỹ năng số, kỹ năng mềm và kỹ năng xanh cần thiết trên thị trường lao động đang thay đổi nhanh chóng hiện nay.[70]

Trước làn sóng chuyển đổi số và chuyển đổi xanh đang diễn ra nhanh chóng, được thúc đẩy bởi công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ xanh, hệ thống giáo dục và GDNN cần được nâng cấp theo hướng phát triển các bằng cấp và kỹ năng phù hợp với tương lai, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng thay đổi của doanh nghiệp và thị trường lao động. Quá trình này bao gồm việc điều chỉnh chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, tăng cường ứng dụng công nghệ số, thu hẹp khoảng cách về tiếp cận thiết bị số, thúc đẩy liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp, đồng thời tăng cường công tác hướng nghiệp cho người học.[71]

Tiến bộ của hệ thống y tế và tình trạng bất bình đẳng còn tồn tại

Việt Nam đã đạt được nhiều tiến bộ rất đáng khích lệ trong lĩnh vực y tế công cộng trong hai thập kỷ qua. Tỷ lệ tử vong mẹ và tử vong trẻ em dưới 5 tuổi đều giảm gần một nửa trong giai đoạn 2000-2020.[72] Tuy nhiên, tình trạng bất bình đẳng vẫn còn tồn tại, khi tỷ lệ tử vong mẹ ở các tỉnh miền núi phía Bắc và khu vực Tây Nguyên – nơi tập trung đông đồng bào dân tộc thiểu số – còn cao gấp 3–4 lần so với mức trung bình. Bệnh sốt rét cũng đã giảm mạnh, với số ca mắc giảm hơn 95% trong giai đoạn 2010-2022.[73] Đồng thời, mức độ bao phủ dịch vụ y tế – một cấu phần của bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân – đã tăng từ 60% lên 68% trong giai đoạn 2011-2021 và tuổi thọ trung bình cũng tăng từ 68,9 lên 74,5 tuổi.[74]

Công tác phòng chống HIV đã đạt được những tiến bộ đáng kể, với 90% người nhiễm HIV biết về tình trạng bệnh của mình và 71% đạt ức chế tải lượng vi-rút.[75] Nhờ các nỗ lực trên phạm vi toàn quốc, số ca nhiễm mới đã giảm 57% so với năm 2010.[76] Tuy nhiên, khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ vẫn còn chưa đồng đều. Một số bằng chứng cho thấy tỷ lệ nhiễm HIV đang có xu hướng gia tăng trong các nhóm nguy cơ cao như nam quan hệ tình dục đồng giới, phụ nữ chuyển giới và người sử dụng ma túy. Hiện nay, vẫn còn nhiều thách thức, bao gồm các khoảng trống trong tiếp cận và duy trì sử

dụng PrEP, tiếp cận Doxy-PEP, điều trị methadone, các biện pháp giảm tác hại dành cho nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới, cũng như tính bền vững của nguồn tài chính cho các dịch vụ xét nghiệm và chăm sóc do cộng đồng cung cấp.

Sau đại dịch COVID-19, Việt Nam cũng đã tăng cường năng lực giám sát bệnh truyền nhiễm; năng lực điều trị, quản lý và chẩn đoán xét nghiệm; cũng như năng lực sản xuất thuốc và vật tư y tế. [77] Năng lực phòng chống, chuẩn bị và ứng phó dịch bệnh trong các lĩnh vực y tế, nông nghiệp và môi trường đang được củng cố ở cả cấp trung ương và địa phương trong khuôn khổ Khung đối tác Một sức khỏe về phòng chống bệnh dịch từ động vật sang người tại Việt Nam.[78]

Các biện pháp chính sách gần đây như tăng cường an toàn giao thông đường bộ, ban hành lệnh cấm thuốc lá điện tử và thuốc lá nung nóng, cùng với việc áp thuế đối với đồ uống có đường, thuốc lá và rượu bia cho thấy cam kết chính trị cao trong việc xây dựng môi trường sống lành mạnh hơn.[79] Việt Nam đã đạt được một số kết quả rất đáng ghi nhận, tiêu biểu là số ca tử vong do tai nạn giao thông đường bộ giảm khoảng 40% trong giai đoạn 2010–2021.[80] Tuy vậy, tình trạng bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ y tế có chất lượng và nguy cơ bị bỏ lại phía sau ở một số nhóm dân cư vẫn là những vấn đề cần tiếp tục được quan tâm và xử lý.

Mặc dù Việt Nam đã đạt được nhiều tiến bộ rất đáng kể trong lĩnh vực y tế ở cấp quốc gia, kết quả về sức khỏe vẫn còn chênh lệch đáng kể giữa các vùng địa lý, nhóm dân tộc, giới tính và nhóm tuổi. Ví dụ, tỷ lệ tử vong mẹ vẫn ở mức cao đáng báo động tại khu vực miền núi và trong cộng đồng dân tộc thiểu số, dao động từ 100-150 ca/100.000 trẻ sinh sống.[81] Sự chênh lệch này bắt nguồn từ nhiều yếu tố như cơ sở hạ tầng y tế còn hạn chế, rào cản ngôn ngữ, phân biệt và việc cung cấp dịch vụ y tế chưa phù hợp với nhu cầu của các nhóm dễ bị tổn thương.

Việt Nam đã đạt được một số tiến bộ ở cấp quốc gia về sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục (SKSS&SKTD).[82] Tuy nhiên, khoảng cách bất bình đẳng vẫn còn lớn. Chỉ 25,5% nữ thanh thiếu niên từ 15-19 tuổi cho biết có quyền tự quyết trong việc sử dụng biện pháp tránh thai và chỉ 42,6% phụ nữ dân tộc Mông có quyền tự quyết về quan hệ tình dục. Trong nhóm thanh thiếu niên chưa kết hôn nhưng có hoạt động tình dục, có tới 40,7% chưa được đáp ứng nhu cầu tránh thai.[83] Những thực trạng này phản ánh tác động của kỳ thị xã hội, chuẩn mực giới mang tính hạn chế, thiếu dịch vụ thân thiện với thanh thiếu niên, cũng như việc giáo dục giới tính toàn diện chưa được triển khai đầy đủ trong trường học và ngoài nhà trường.

Các quyết định liên quan đến sinh sản cũng là một thách thức đáng lưu ý. Việc tiếp cận thông tin và dịch vụ còn chưa đồng đều, ảnh hưởng đến khả năng đưa ra quyết định có đầy đủ thông tin của người dân. Bên cạnh đó, chi phí sinh hoạt ở đô thị tăng cao, thiếu dịch vụ hỗ trợ chăm sóc trẻ em và việc phân chia trách nhiệm chăm sóc trong gia đình chưa hợp lý đang làm thu hẹp cơ hội việc làm của phụ nữ, khiến việc sinh con trở nên khó khăn hơn và dẫn đến xu hướng trì hoãn hoặc giảm mức sinh.

Mặc dù năng lực ứng phó và công tác chuẩn bị sau đại dịch COVID-19 đã được tăng cường, những hạn chế kéo dài vẫn cho thấy hệ thống y tế còn chịu nhiều tác động. Các nguy cơ từ dịch bệnh truyền nhiễm hiện nay cũng ngày càng nghiêm trọng hơn do tác động của biến đổi khí hậu gia tăng. Ví dụ, cơn bão Yagi vào tháng 9/2024 đã gây thiệt hại cho khoảng 550 cơ sở y tế.[84]

Trong khi các cải cách nhằm tăng cường chăm sóc sức khỏe ban đầu (CSSKBĐ) vẫn đang được triển khai, những hạn chế kéo dài của hệ thống y tế vẫn làm giảm khả năng bao phủ dịch vụ đối với các bệnh không lây nhiễm (BKLN). Hiện nay, BKLN chiếm khoảng 80% gánh nặng bệnh tật tại Việt Nam và liên quan đến tình trạng tử vong sớm. Tuy nhiên, việc điều trị vẫn còn chưa đồng đều.[85] Ô nhiễm không khí là một trong những vấn đề gây ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe và ước tính dẫn tới khoảng 70.000 ca tử vong mỗi năm.[86]

Các chương trình thí điểm đã cho thấy hiệu quả trong việc mở rộng hệ thống CSSKBĐ nhằm quản lý BKLN và kế hoạch trong thời gian tới là nhân rộng các mô hình này tới tất cả trạm y tế xã trên toàn quốc.[87] Tuy nhiên, các mô hình này vẫn chỉ giới hạn ở một khu vực nhất định. Mặc dù đã có những cải cách trong lĩnh vực CSSKBĐ, nguy cơ gia tăng khoảng cách trong tiếp cận dịch vụ vẫn hiện hữu, đặc biệt đối với người cao tuổi.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế, bao gồm cả việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), mang lại cơ hội để cải thiện dữ liệu y tế và chất lượng dịch vụ. Tuy nhiên, sự chênh lệch trong khả năng tiếp cận công nghệ và kỹ năng số có thể làm gia tăng các bất bình đẳng y tế hiện có.[88]

Sức khỏe và chất lượng sống của người chưa thành niên và thanh niên

Thanh niên Việt Nam là một nguồn lực nhân khẩu học quan trọng với nhiều cơ hội rộng mở nhưng cũng đang phải đối mặt với không ít thách thức. Trong những năm qua, Việt Nam đã có nhiều bước tiến đáng kể trong việc mở rộng tiếp cận giáo dục có chất lượng, tạo việc làm thỏa đáng và cung cấp các dịch vụ y tế, xã hội theo hướng bao trùm hơn.

Tuy nhiên, thanh thiếu niên phải đối mặt với gánh nặng kép do hạn chế trong tiếp cận các dịch vụ sức khỏe tình dục và sức khỏe tâm thần, đồng thời thiếu thông tin và dịch vụ về SKSS&SKTD phù hợp với lứa tuổi.[89] Sức khỏe tâm thần là một vấn đề ngày càng được quan tâm nhưng vẫn chưa được chú trọng đúng mức, khi chỉ một tỷ lệ nhỏ thanh thiếu niên thực sự tiếp cận được hỗ trợ.[90] Bên cạnh đó, giới trẻ ngày càng chịu ảnh hưởng từ môi trường thực phẩm không lành mạnh, dẫn đến gia tăng tình trạng thừa cân, béo phì ở lứa tuổi chưa thành niên và gia tăng các sản phẩm liên quan đến thuốc lá. Những xu hướng này phản ánh sự thiếu hụt của khung pháp lý phù hợp và các chính sách dinh dưỡng, thực phẩm được điều phối hiệu quả, hướng tới thanh thiếu niên.

An ninh lương thực, dinh dưỡng, nước sạch và vệ sinh môi trường (WASH)

Việt Nam đã thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với chuyển đổi hệ thống lương thực, thể hiện qua việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về chuyển đổi hệ thống lương thực năm 2023 và thiết lập cơ chế hợp tác đa ngành vào năm 2024. Tuy nhiên, tình trạng an ninh lương thực chưa được đảm bảo đã gia tăng ở một số khu vực kể từ năm 2018, đặc biệt tại vùng trung du và miền núi phía Bắc, do tác động của các cú sốc khí hậu, hạn chế về đa dạng thực phẩm và sinh kế còn bấp bênh.[91]

Suy dinh dưỡng vẫn là một vấn đề đáng lo ngại, với 32% trẻ em dưới 5 tuổi thuộc các dân tộc thiểu số bị thấp còi.[92] Mỗi năm ước tính có khoảng 200.000 trẻ em bị suy dinh dưỡng cấp tính nặng, trong đó phần lớn chưa được tiếp cận điều trị hiệu quả. Trong khi đó, khoảng 20% trẻ em từ 5-19 tuổi lại rơi vào tình trạng thừa cân. Tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng cũng vẫn còn phổ biến.[93]

Các thảm họa liên quan đến khí hậu ảnh hưởng đến khoảng 2 triệu người mỗi năm và tác động nhiều hơn tới phụ nữ và trẻ em, gây ra tình trạng thiếu lương thực ngắn hạn, khan hiếm nước và làm gia tăng tình trạng suy dinh dưỡng. Tuy nhiên, các chiến lược ứng phó thiên tai hiện nay thường chưa chú trọng đầy đủ đến nhu cầu dinh dưỡng theo độ tuổi và giới tính.[94]

Các dịch vụ nước sạch và vệ sinh môi trường (WASH) đã được cải thiện đáng kể, đặc biệt ở khu vực nông thôn.[95] Tuy nhiên, các dịch vụ cơ bản này còn thiếu tính bền vững, dễ bị gián đoạn trong các tình huống khẩn cấp và trước các cú sốc khí hậu. Việc tiếp cận dịch vụ nước sạch được quản lý an toàn vẫn còn hạn chế tại các khu vực nông thôn và vùng sâu, vùng xa, đặc biệt đối với các nhóm dân tộc thiểu số và người thu nhập thấp. Tỷ lệ tiếp cận ở nông thôn vẫn dưới 50%, thấp nhất tại khu vực trung du, miền núi phía Bắc và Tây Nguyên.[96]

2.4 Chuyển đổi kinh tế

Hiệu suất tăng trưởng và chuyển đổi cơ cấu

Nền kinh tế Việt Nam đã thể hiện khả năng thích ứng và năng động ngoạn mục. Trong bối cảnh suy thoái kinh tế do đại dịch, Việt Nam vẫn đạt tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 6% trong giai đoạn 2011–2024. Sự tăng trưởng này đi kèm với những thay đổi về cơ cấu. Tính đến Q1/2025, khu vực dịch vụ đóng góp 41,62% GDP, tiếp theo là công nghiệp và xây dựng với 37,04%, và nông, lâm nghiệp và thủy sản với 11,56% (giảm so với mức hơn 18% vào năm 2010).[97]

Động lực chính thúc đẩy tăng trưởng vẫn là ngành sản xuất định hướng xuất khẩu, được củng cố bởi dòng vốn FDI mạnh mẽ và xu hướng hội nhập sâu rộng hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm hơn 73% tổng kim ngạch xuất khẩu.[98]

Trong nước, ngành dịch vụ đã phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch. Doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 9,6% trong năm 2023, và lượng khách quốc tế đạt 12,6 triệu người, gấp gần ba lần so với năm 2022, góp phần vào sự phục hồi của ngành khách sạn, giao thông vận tải và các lĩnh vực liên quan. Ngành nông nghiệp ghi nhận những cải thiện khiêm tốn về năng suất.[99]

Mô hình tăng trưởng ở Việt Nam vẫn tồn tại một số hạn chế cấu trúc. Tốc độ tăng trưởng năng suất đã chậm lại, trong đó năng suất các nhân tố tổng hợp chỉ đóng góp khoảng 32% vào tăng trưởng GDP năm 2022, giảm so với mức hơn 40% trong thập kỷ trước. Ngành sản xuất tập trung vào các phân khúc có giá trị gia tăng thấp, với hàm lượng nội địa hạn chế và hiệu ứng lan tỏa còn yếu tới các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) trong nước.[100]

Sau khi triển khai các chính sách cải cách hành chính đầy tham vọng, số lượng công chức và các vị trí trong khu vực công đã giảm khoảng 100.000 người. Chênh lệch vùng miền và xã hội có thể sẽ gia tăng nếu không có các chiến lược hiệu quả để đào tạo lại kỹ năng, cải thiện an sinh xã hội và đa dạng hóa kinh tế địa phương.[101]

Những thách thức đối với tăng trưởng năng suất và bẫy thu nhập trung bình

Để tránh bẫy thu nhập trung bình, cần đẩy mạnh tăng trưởng dựa trên kỹ năng, công nghệ và các hoạt động kinh tế mang lại giá trị gia tăng cao hơn.[102] Để đạt mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045, Việt Nam cần duy trì mức tăng trưởng năng suất tối thiểu 4,5% mỗi năm.[103]

Năng lực của doanh nghiệp trong nước vẫn chưa được phát huy tối đa do những rào cản cấu trúc, đặc biệt là mối liên kết yếu với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Đáng chú ý, trong giai đoạn 2009–2023, tỷ lệ doanh nghiệp trong nước tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu đã giảm từ 35% xuống còn 18%, cho thấy mức độ khai thác giá trị gia tăng trong sản xuất xuất khẩu ở Việt Nam còn hạn chế. Những diễn biến này góp phần khiến Việt Nam tiếp tục phụ thuộc vào các phân khúc sản xuất có giá trị gia tăng thấp và làm gia tăng những đặc điểm dễ bị tổn thương mang tính cấu trúc của nền kinh tế.[104]

Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, cùng với Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, mở ra cơ hội để tái thiết nền kinh tế thông qua chuyển đổi xanh và chuyển đổi số, đa dạng hóa thương mại và đầu tư, cũng như khai thác lợi tức nhân khẩu học.

Khả năng tận dụng hiệu quả các cơ hội này của doanh nghiệp trong nước phụ thuộc vào các yếu tố như hoạt động giáo dục, đào tạo, phát triển kỹ năng và các chính sách trong thị trường lao động, cùng với những cải cách và phát triển hạ tầng. Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng nhưng chưa được đại diện đầy đủ.[105] Cải thiện môi trường kinh doanh, với trọng tâm là tạo ra việc làm thỏa đáng, là yếu tố then chốt để thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước hoạt động hiệu quả và thu hút, duy trì dòng vốn FDI chất lượng cao.

Đổi mới, đa dạng hóa và nâng cấp chuỗi giá trị công nghiệp

Việt Nam đã đạt được những bước tiến rất quan trọng trong việc đa dạng hóa nền kinh tế trong hai thập kỷ qua, chuyển dịch từ một nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp sang một nền kinh tế hội nhập ngày càng sâu rộng vào chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu.[106]

Việc đa dạng hóa thị trường xuất khẩu cũng ghi nhận sự cải thiện. Bên cạnh các đối tác thương mại truyền thống, khu vực ASEAN và các thị trường mới nổi hiện chiếm hơn 25% tổng kim ngạch xuất khẩu, cho thấy xu hướng hội nhập khu vực đã được cải thiện qua các hiệp định như Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) và Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).[107]

Tuy nhiên, bên cạnh những xu hướng tích cực này, nền tảng công nghiệp vẫn tập trung vào một phạm vi hẹp các ngành sản xuất ứng dụng công nghệ thấp đến trung bình, thâm dụng lao động, phụ thuộc nhiều vào các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.[108] Thách thức này còn kìm hãm việc lan tỏa tri thức và chuyển giao công nghệ, làm suy giảm năng lực của quốc gia trong việc nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị hoặc ứng phó với các cú sốc bên ngoài.

Quá trình đa dạng hóa bị hạn chế do hoạt động nghiên cứu và phát triển chưa được đẩy mạnh, thiếu hụt lao động có trình độ và mối liên kết yếu giữa doanh nghiệp FDI với các nhà cung cấp trong nước. Bên cạnh đó, DNVVN, chiếm hơn 97% tổng số doanh nghiệp nhưng đóng góp chưa đến 40% GDP, gặp khó khăn trong việc mở rộng quy mô do các chính sách rời rạc, khung quy định thiếu nhất quán và khả năng tiếp cận nguồn tài chính và công nghệ còn hạn chế.[109]

Hợp tác xã đóng vai trò quan trọng đối với nền kinh tế và xã hội, thể hiện qua số lượng thành viên đông đảo và những đóng góp đáng kể cho nền kinh tế.[110] Tuy nhiên, nhóm này lại gặp phải nhiều thách thức như khả năng tiếp cận thị trường còn hạn chế, hạ tầng không đảm bảo, tác động của biến đổi khí hậu, các vấn đề về quản trị, cũng như nhu cầu chuyển đổi số để duy trì năng lực cạnh tranh.

Việt Nam đang hướng tới một mô hình kinh tế đa dạng và có khả năng thích ứng cao hơn. Các giải pháp chính sách tập trung vào củng cố nền kinh tế số, đặt mục tiêu nâng mức đóng góp từ 14,3% GDP vào năm 2023 lên 20% vào năm 2025. Xếp hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam đã tăng từ vị trí 59 năm 2017 lên 46 vào năm 2024.[111] Các chính sách công nghiệp quốc gia hiện tại hướng tới nâng cấp công nghệ, tăng cường hội nhập chuỗi cung ứng, mở rộng nguồn nhân lực và cải thiện an sinh xã hội, phù hợp với mục tiêu chuyển đổi xanh và chuyển đổi số. Các chương trình đào tạo lại kỹ năng trang bị đầy đủ cho lao động kiến thức, kỹ năng để sẵn sàng làm việc trong lĩnh vực xanh, logistics và số hóa. Việc ứng dụng công nghệ đã giúp nâng cao hiệu quả và an toàn, chủ yếu trong các doanh nghiệp xuất khẩu quy mô lớn. Tuy nhiên, năng lực của khu vực tư nhân trong nước, mức độ đổi mới sáng tạo và sự phối hợp liên vùng vẫn cần cải thiện thông qua hoạt động đầu tư và hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm.[112]

Chuyển đổi thị trường lao động và việc làm bao trùm

Mục tiêu của Việt Nam trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045 phụ thuộc vào khả năng tạo ra nhiều việc làm có năng suất cao hơn và mang tính bao trùm hơn, đặc biệt trong bối cảnh tốc độ tăng trưởng dân số trong độ tuổi lao động đang dần chậm lại. Tính đến Q4/2024, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động đạt 68,5%, với sự chênh lệch đáng kể theo giới, vùng miền và dân tộc.

Tỷ lệ lao động phi chính thức vẫn tương đối cao, chiếm 64,6% tổng số lao động vào năm 2024. Những thách thức trong quá trình chuyển dịch từ việc làm phi chính thức sang chính thức, đặc biệt đối với hộ kinh doanh và doanh nghiệp siêu nhỏ, trở nên phức tạp hơn do những khoảng trống còn tồn tại dai dẳng trong khung pháp lý cũng như công tác thực thi trên thị trường lao động.[113] Theo đó, việc giảm tỷ lệ lao động phi chính thức vẫn gặp nhiều khó khăn.[114]

Mặc dù trình độ học vấn ngày càng được nâng cao, kết quả đầu ra trên thị trường lao động vẫn chưa tối ưu. Chênh lệch thu nhập giữa lao động tốt nghiệp đại học so với lao động chỉ có trình độ tiểu học

đã giảm từ 127,6% năm 2016 xuống còn 68,6% năm 2022, cho thấy lợi tức đầu tư vào giáo dục đại học suy giảm và nguy cơ dư thừa lao động có trình độ cao trong các ngành không có nhu cầu.[115]

Hệ thống giáo dục nghề nghiệp (GDNN) cũng ghi nhận sự suy giảm lợi ích về thu nhập, phản ánh tình trạng không tương thích ngày càng gia tăng về kỹ năng giữa cung và cầu trên thị trường lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực chuyển đổi số, lĩnh vực xanh và chăm sóc. Mặc dù đã có những tiến bộ trong phát triển kỹ năng, Việt Nam vẫn ghi nhận khoảng trống trong việc xây dựng hệ sinh thái học tập suốt đời, mở rộng GDNN theo hướng đáp ứng nhu cầu thị trường và tăng cường phối hợp công – tư.[116]

Ngày 16/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Việc làm sửa đổi, mở rộng bảo hiểm thất nghiệp cho lao động làm việc bán thời gian (part-time) và lao động có hợp đồng ngắn hạn, đồng thời tăng cường dịch vụ việc làm và hệ thống thông tin thị trường lao động. Luật dự kiến có hiệu lực từ tháng 1/2026, góp phần chính thức hóa các cơ chế hỗ trợ phát triển kỹ năng. Những cải cách này tiếp nối quá trình sắp xếp lại bộ máy quản lý vào tháng 3/2025, đặt nền tảng cho một hệ thống quản trị thị trường lao động tích hợp và có trách nhiệm giới hơn.

Hòa nhập toàn diện về xã hội trong cơ cấu nguồn nhân lực: Phụ nữ, thanh niên và người khuyết tật

Với tỷ lệ tham gia lực lượng lao động cao, phụ nữ là động lực then chốt của nền kinh tế và thị trường lao động ở Việt Nam. Tuy nhiên, bất bình đẳng giới vẫn còn tồn tại, thể hiện ở chất lượng việc làm, thu nhập và mức độ đại diện trong các vị trí ra quyết định.[117]

Phụ nữ chiếm tỷ lệ cao trong các phân khúc dễ bị tổn thương hơn của thị trường lao động, bao gồm công việc ở khu vực nông thôn, công việc chăm sóc cũng như các vai trò có mức độ an toàn và bảo vệ hạn chế, chẳng hạn như công việc cho lao động lớn tuổi, lao động trẻ hoặc lao động tìm việc ở nước ngoài. Những rào cản về giới trở nên phức tạp hơn do các yếu tố bất lợi khác, làm gia tăng mức độ dễ bị tổn thương của phụ nữ. Một yếu tố then chốt góp phần thúc đẩy bất bình đẳng là gánh nặng từ công việc chăm sóc không lương mà phụ nữ phải đảm nhận trong gia đình.[118]

Thanh niên trong độ tuổi 15–24 đang phải đối mặt với nhiều thách thức trên thị trường lao động, với tỷ lệ thất nghiệp ở mức 7,93% (Q1/2025) – gấp hơn ba lần so với mức trung bình quốc gia. Khoảng 1,35 triệu thanh niên, tương đương 10,4% tổng dân số thanh niên cùng độ tuổi, không có việc làm và không tham gia học tập, đào tạo, tập trung nhiều hơn ở nông thôn và trong nhóm nữ thanh niên,[119] cho thấy tiềm năng của thị trường lao động vẫn chưa được khai thác tối đa.[120]

Việt Nam đã phê chuẩn các công ước lao động quốc tế then chốt, tuy nhiên hỗ trợ việc làm cho người khuyết tật vẫn còn hạn chế và chỉ được triển khai theo từng dự án. Tính đến năm 2023, tỷ lệ người khuyết tật trong độ tuổi lao động đang làm việc trong nền kinh tế chỉ ở mức 23,9%, thấp hơn đáng kể so với người không khuyết tật là 77,4%, cho thấy những rào cản và bất bình đẳng kéo dài trong tiếp cận việc làm thỏa đáng.[121] Khả năng tiếp cận giáo dục và đào tạo hạn chế khiến nhiều người khuyết tật chỉ có thể tham gia các công việc có mức lương thấp. Mức trợ cấp cho người khuyết tật hiện tại vẫn thấp hơn chuẩn nghèo, và tỷ lệ khuyết tật ở phụ nữ cao hơn so với nam giới.[122] Người khuyết tật gặp phải nhiều rào cản trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp do hạ tầng chưa đáp ứng nhu cầu và thiếu đội ngũ nhân sự được đào tạo bài bản để cung cấp hỗ trợ phù hợp.[123]

Di cư lao động ra nước ngoài và di cư an toàn để phát triển

Việc lao động Việt Nam di cư ra nước ngoài vừa phản ánh, vừa thúc đẩy quá trình chuyển đổi kinh tế, góp phần giải quyết tình trạng thiếu việc làm thỏa đáng và thực trạng cung cầu kỹ năng không tương thích trong nước. Chính phủ quản lý hoạt động di cư thông qua các thỏa thuận với hơn 40 thị trường tiếp nhận, chủ yếu đối với các công việc đòi hỏi kỹ năng thấp và trung bình, và di cư lao động có thể thúc đẩy tăng trưởng thông qua làm giảm thất nghiệp, tăng kiều hối và nâng cao kỹ năng.

Tuy nhiên, những khoảng còn trống về pháp lý và việc còn thiếu các con đường di cư an toàn làm hạn chế những lợi ích này. Lao động di cư, đặc biệt là phụ nữ và nhóm yếu thế, đang phải đối mặt với những rủi ro như lạm dụng, quấy rối, bóc lột và chi phí tuyển dụng cao. Các kênh di cư hợp pháp còn hạn chế cũng làm gia tăng mức độ dễ bị tổn thương trước nạn mua bán người và tội phạm có tổ chức.

Nhìn chung, việc thiếu cơ chế bảo vệ toàn diện cùng mức phí tuyển dụng luôn duy trì ở mức cao làm suy giảm tác động tích cực của di cư lao động và gia tăng bất bình đẳng.[124] Điều này làm giảm tác động phát triển của di cư lao động, đặc biệt đối với phụ nữ và thanh niên có thu nhập thấp.

Điều này cũng nêu bật nhu cầu tăng cường quản lý và giám sát các hoạt động tuyển dụng, nâng cao tính minh bạch về chi phí và triển khai biện pháp bảo vệ có trọng tâm cho các nhóm có nguy cơ cao. Mở rộng khả năng tiếp cận thông tin trước khi xuất cảnh và các dịch vụ hỗ trợ, cùng với xây dựng các hệ thống dữ liệu quốc gia vững chắc về di cư lao động, là yếu tố thiết yếu cho công tác hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng.

Bảo vệ người lao động trong quá trình chuyển đổi kinh tế ở Việt Nam

Một khảo sát năm 2021 cho thấy lao động di cư nội địa tại các khu công nghiệp chế biến, chế tạo của Việt Nam phải đối mặt với nhiều rủi ro hơn so với lao động địa phương. Họ có mức lương và phúc lợi thấp hơn, khả năng tiếp cận nhà ở hạn chế và chịu nhiều áp lực hơn, đặc biệt ở các tỉnh đang đẩy mạnh công nghiệp hóa như Bắc Ninh, Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh, với nhiều lao động di cư từ nông thôn có việc làm không ổn định.[125]

Bộ luật Lao động năm 2019 và các sửa đổi, bổ sung đánh dấu một bước tiến bộ đáng kể hướng tới thúc đẩy tăng trưởng bao trùm và bảo vệ người lao động, bao gồm cả lao động phi chính thức, lao động tự do và lao động trên nền tảng số. Việc mở rộng thương lượng tập thể và đối thoại xã hội theo Bộ luật Lao động năm 2019 dự kiến sẽ giúp nâng cao tiếng nói của người lao động, cải thiện quan hệ lao động và cơ chế giải quyết tranh chấp. Các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, như CPTPP và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), yêu cầu Việt Nam tuân thủ các tiêu chuẩn lao động quốc tế, qua đó thúc đẩy việc làm công bằng và thỏa đáng.[126]

Tuy nhiên, việc triển khai hoạt động của các tổ chức đại diện người lao động vẫn còn chậm. Điều này hạn chế khả năng của người lao động trong việc thực hiện quyền đại diện và thương lượng, đặc biệt tại các khu công nghiệp và khu vực kinh tế phi chính thức. Bước tiếp theo mang tính then chốt là đẩy nhanh việc ban hành các nghị định hướng dẫn thi hành và đảm bảo năng lực thể chế cho công tác thực thi. Đồng thời, cần tăng cường năng lực của cơ quan thanh tra lao động ở cấp địa phương, đặc biệt trong công tác giám sát hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và việc làm trên nền tảng số.

2.5 Ba cuộc khủng hoảng của hành tinh

Việt Nam nằm trong số các quốc gia dễ bị tổn thương nhất từ ba cuộc khủng hoảng của hành tinh gồm biến đổi khí hậu, suy giảm đa dạng sinh học và ô nhiễm. Vị trí địa lý, nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào khí hậu và các yếu tố dễ bị tổn thương về kinh tế - xã hội làm trầm trọng thêm tác động của suy thoái môi trường và hạn chế năng lực thích ứng.

Suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu tiếp tục đặt ra những thách thức đáng kể cho các mục tiêu phát triển dài hạn của quốc gia. Tình trạng nước biển dâng tại Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng, cùng với sự gia tăng về tần suất và cường độ bão lũ, đe dọa đến sinh kế, hạ tầng và năng suất, đặc biệt ở các vùng nông thôn và ven biển. Theo ước tính, các thiệt hại liên quan đến khí hậu ở Việt Nam vào khoảng 10 tỷ USD trong năm 2020, tương đương khoảng 3,2% GDP.[127]

Tình trạng gia tăng rủi ro khí hậu, mất đa dạng sinh học và mối đe dọa do ô nhiễm

Chỉ số đánh giá hiệu quả ứng phó biến đổi khí hậu năm 2025 của Việt Nam xếp thứ 21 trên 67 quốc gia, cho thấy mức độ hiệu quả trung bình, cùng với những thách thức kéo dài liên quan đến phát thải khí nhà kính (KNK) và sử dụng năng lượng.[128] Tổng mức phát thải khí nhà kính của Việt Nam đã tăng đáng kể và được đưa vào tốp 20 quốc gia phát thải khí nhà kính nhiều nhất.[129]

Đầu năm 2024, nhiệt độ trung bình trên toàn quốc cao hơn mức bình thường từ 0,5°C đến 1,5°C, với mức chênh lệch nhiệt độ lên tới 3,1°C - 3,6°C tại khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.[130] Theo các dự báo, đến cuối thế kỷ 21, nhiệt độ trung bình năm tại Việt Nam có thể tăng từ 1,0°C đến 3,4°C so với mức cơ sở ở giai đoạn 1986–2005.[131] Việt Nam chịu ảnh hưởng ngày càng nặng nề bởi các đợt nắng nóng, hạn hán, bão, xâm nhập mặn và tình trạng nước biển dâng. Những thay đổi khí hậu này tiềm ẩn những rủi ro đáng kể liên quan đến năng suất nông nghiệp, sức khỏe cộng đồng, năng lực cung ứng dịch vụ hệ sinh thái và khả năng thích ứng tổng thể của nền kinh tế quốc gia.

Bão Yagi đổ bộ vào tháng 9/2024 là minh chứng cho mức độ nghiêm trọng ngày càng gia tăng của các hiện tượng thời tiết cực đoan, cụ thể, bão ảnh hưởng đến hơn 3,6 triệu người trên 26 tỉnh thành, khiến ít nhất 320 người tử vong và gây thiệt hại ước tính hơn 81,5 nghìn tỷ đồng (khoảng 3,3 tỷ USD).[132]

Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực đặc biệt dễ bị tổn thương. Đây là nơi sinh sống của hơn 20 triệu người và đóng góp hơn 50% sản lượng lúa của cả nước. Tuy nhiên, khu vực này đang phải đối mặt với hạn hán, xâm nhập mặn và sụt lún đất. Nếu hiện tượng nóng lên toàn cầu tiếp diễn mà không được kiểm soát, 40% diện tích khu vực có thể bị ngập vào năm 2100.

Việt Nam là một trong những quốc gia có mức độ đa dạng sinh học cao nhất thế giới [133]và nằm trong điểm nóng về đa dạng sinh học Indo-Burma. Tuy vậy, dù diện tích các khu bảo tồn và tỷ lệ che phủ rừng có tăng, tình trạng mất đa dạng sinh học vẫn ngày càng trầm trọng tại Việt Nam.[134] Số lượng loài bị đe dọa đã tăng từ 836 loài vào năm 2007 lên 1.398 loài vào năm 2024.[135]

Ô nhiễm không khí là một trong những thách thức cấp bách nhất đối với sức khỏe môi trường ở Việt Nam. Năm 2024, Việt Nam xếp thứ 23 trên toàn cầu về nồng độ PM2.5, với mức độ tiếp xúc khói bụi trung bình cao hơn đáng kể so với ngưỡng khuyến nghị của quốc gia và WHO.[136]

Ô nhiễm rác thải nhựa cũng vẫn đang gia tăng, đặc biệt ở khu vực dọc các vùng ven biển và trong các hệ sinh thái biển, và Việt Nam là một trong những quốc gia thải rác nhựa ra đại dương nhiều nhất thế giới.[137] Để giải quyết vấn đề rác thải nhựa, Việt Nam đã ban hành một số chính sách như Quyết định số 687 (2022) nhằm tái sử dụng, tái chế và xử lý 85% lượng chất thải nhựa phát sinh, đồng thời giảm 50% rác thải nhựa trên biển và đại dương vào năm 2030.[138]

Ô nhiễm nước cũng là một vấn đề ngày càng đáng lo ngại.[139] Nước thải công nghiệp, đặc biệt từ ngành dệt may, da giày và chế biến thực phẩm, thường được xả trực tiếp ra môi trường mà không qua xử lý. Tại các vùng sản xuất nông nghiệp, việc lạm dụng phân bón và thuốc trừ sâu làm suy thoái chất lượng đất và nước, ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm và sức khỏe cộng đồng.

Tác động từ ba cuộc khủng hoảng của hành tinh tại Việt Nam không phân bổ đồng đều. Mặc dù chỉ chiếm khoảng 15% dân số, các dân tộc thiểu số lại chiếm hơn 70% số người nghèo và chịu ảnh hưởng nặng nề bởi lũ lụt, sạt lở đất và các hiện tượng thời tiết cực đoan, đặc biệt là các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa.[140] Bên cạnh đó, phụ nữ, đặc biệt ở khu vực nông thôn và các khu định cư đô thị phi chính thức, có mức độ dễ bị tổn thương cao hơn đáng kể.[141]

Các nguyên nhân mang tính cấu trúc của suy thoái môi trường

Những nguyên nhân cơ bản của các thách thức về môi trường tại Việt Nam có mối liên hệ mật thiết với nhau và bắt nguồn từ những áp lực mang tính hệ thống và cấu trúc. Hệ thống năng lượng quốc gia vẫn chủ yếu phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, và đây là một trong những nguyên nhân chính góp phần làm tăng lượng phát thải khí nhà kính. Tính đến năm 2023, nhiên liệu hóa thạch chiếm khoảng 80% tổng tiêu thụ năng lượng sơ cấp ở Việt Nam.[142]

Việc áp dụng các công nghệ và cách tiếp cận mới để thúc đẩy nền kinh tế xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và kinh tế tuần hoàn vẫn còn hạn chế do thiếu định nghĩa rõ ràng, mức độ hiểu biết còn hạn chế và thiếu năng lực kỹ thuật cũng như hướng dẫn cụ thể, đặc biệt trong các cơ quan quản lý.[143]

Những khoảng trống kéo dài trong công tác thực thi, đầu tư, nhận thức của người dân và hệ thống dữ liệu làm chậm tiến bộ trong việc cải thiện môi trường ở Việt Nam.[144] Tình trạng phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, chậm trễ trong việc áp dụng các thực hành xanh và hệ thống dữ liệu hạn chế, đặc biệt là dữ liệu về tính công bằng, làm suy giảm hiệu quả và tính bao trùm của những nỗ lực phát triển bền vững.[145]

Cam kết chính sách và cơ hội chuyển đổi hệ thống

Nghị quyết 70-NQ/TW 2025 của Bộ Chính trị vạch ra khung chiến lược nhằm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Các mục tiêu của khung chiến lược này tập trung vào đảm bảo nguồn cung năng lượng tin cậy, cải cách thị trường, mở rộng năng lượng tái tạo và cân bằng tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững. Nghị quyết này cũng tái khẳng định cam kết của Việt Nam về mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, bao gồm các cam kết trong khuôn khổ Quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP). Kế hoạch huy động nguồn lực thực hiện JETP công bố tại COP28 năm 2023 và những sửa đổi gần đây đối với Quy hoạch điện 8 (QHĐ8) năm 2025, trong đó nêu rõ lộ trình loại bỏ dần điện than[146], tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy năng lượng tái tạo và hiệu quả sử dụng năng lượng hướng tới đảm bảo an ninh năng lượng tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, các chiến lược và kế hoạch phát triển ngành cũng đề ra các mục tiêu và biện pháp cụ thể để giảm thiểu tác động đến môi trường và khí hậu. Ví dụ, Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng với tầm nhìn đến năm 2050 xác định mục tiêu then chốt là giảm mức phát thải khí nhà kính của ngành.[147] Chiến lược, kế hoạch và các báo cáo quốc gia về Đánh giá tính trọng yếu và môi trường (MEA) cũng xác định các lĩnh vực ưu tiên chung để mở rộng quy mô hành động của chính phủ và các đối tác phát triển.

Một cơ hội lớn khác nằm ở việc chuyển đổi hệ thống nông nghiệp - thực phẩm của Việt Nam, cung cấp các giải pháp tích hợp cho hành động về khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học và kiểm soát ô nhiễm. Trong một diễn biến tích cực khác vào tháng 1/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP, xác định các ưu tiên hàng đầu của Việt Nam về tăng trưởng kinh tế, cải cách thể chế và bảo vệ môi trường. Nghị quyết kêu gọi thực hiện các biện pháp khẩn cấp nhằm giảm ô nhiễm không khí đô

thị, thúc đẩy chuyên canh lúa phát thải thấp và triển khai các quy định liên quan đến khí hậu, bao gồm vận hành thí điểm thị trường các-bon.

Việt Nam đã thực hiện một bước chuyển đổi chiến lược hướng tới quản trị môi trường toàn diện, hiệu quả hơn. Ví dụ, Quyết định số 1662/QĐ-TTg (2021) đặt mục tiêu phục hồi 20.000 ha rừng ngập mặn vào năm 2030, hỗ trợ cả việc lưu trữ các-bon và bảo vệ bờ biển, là minh chứng cho một giải pháp dựa vào tự nhiên giúp giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu, đồng thời tăng cường khả năng thích ứng của hệ sinh thái.[148]

Luật Bảo vệ môi trường năm 2022, cùng với các nghị định như Nghị định số 05/2025/NĐ-CP (tăng cường Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất) và Nghị định số 153/2024/NĐ-CP (quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải), nhằm tăng cường thực thi pháp luật và nâng cao trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp. Việc phê duyệt Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021–2030 cũng góp phần tăng cường hiệu quả quản lý tổng hợp và bền vững các hệ sinh thái biển.[149]

Phù hợp với các cam kết theo Khung đa dạng sinh học toàn cầu Côn Minh – Montreal (GBF), được thông qua tại COP15 của Công ước về Đa dạng sinh học, Việt Nam dự kiến sẽ triển khai Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về đa dạng sinh học. "Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050" đã được ban hành năm 2022. Trong khi diện tích các khu bảo tồn trên đất liền đã được mở rộng, công tác bảo tồn biển vẫn còn hạn chế khi mới chỉ khoảng 1% vùng biển quốc gia hiện đang được bảo vệ.[150] Do đó, chiến lược đặt mục tiêu mở rộng các khu bảo tồn trên đất liền và trên biển, duy trì tỷ lệ che phủ rừng, phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái, xác định các vùng đất ngập nước quan trọng, đồng thời thúc đẩy các giải pháp dựa vào tự nhiên và chia sẻ công bằng lợi ích từ đa dạng sinh học.[151]

Để đạt được mục tiêu toàn cầu 30x30, tức là bảo vệ 30% diện tích đất liền và biển vào năm 2030, cần mở rộng đáng kể các khu bảo tồn trên đất liền và trên biển. Điều này bao gồm xác định Các biện pháp bảo tồn khu vực hiệu quả khác (OECM), nhằm bảo tồn ít nhất 9% diện tích đất liền và 3-5% diện tích biển và ven biển vào năm 2030.[152]

Những tiến bộ trong công tác phục hồi hệ sinh thái vẫn còn hạn chế, do vẫn thiếu các chính sách ưu đãi để thúc đẩy đầu tư vào phục hồi hoặc quỹ đất phân bổ cho mục đích này chưa đáp ứng nhu cầu. Việc thúc đẩy các giải pháp dựa vào tự nhiên thông qua quy hoạch tích hợp không gian biển và đất liền, đồng thời tăng cường phối hợp liên ngành là nội dung quan trọng để đạt được các mục tiêu có mối liên hệ lẫn nhau rất mật thiết này.[153]

Song song đó, Việt Nam cần thực hiện các cải cách toàn diện nhằm giảm ô nhiễm và chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn. Điều này bao gồm tăng cường hạ tầng quản lý chất thải, thực thi hiệu quả trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) và thúc đẩy các mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững. Quy định bắt buộc phân loại rác thải sinh hoạt, được triển khai từ tháng 1/2025, là một bước tiến nền tảng hướng tới phát triển ngành công nghiệp tái chế vững mạnh. Những nỗ lực này được thúc đẩy bởi Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đã phê duyệt.[154]

Tuy nhiên, việc triển khai các cam kết về kinh tế tuần hoàn trong thực tiễn vẫn gặp nhiều thách thức. Năng lực kỹ thuật và tài chính tại nhiều địa phương còn hạn chế, đồng thời khung pháp lý vẫn đang trong quá trình hoàn thiện. Các DNVVN – trụ cột của nền kinh tế Việt Nam – thường thiếu khả năng tiếp cận công nghệ xanh, thị trường và thông tin.[155] Bên cạnh đó, nhận thức của người dân về các thực hành kinh tế tuần hoàn vẫn còn hạn chế.

Hỗ trợ chuyển đổi công bằng và toàn diện, bao trùm

Việc thực hiện các cam kết về chuyển đổi công bằng đòi hỏi quá trình triển khai toàn diện, công bằng và bảo vệ hiệu quả các nhóm dễ bị tổn thương. Theo đó, cần bảo đảm các quyền về môi trường, các biện pháp đảm bảo an toàn xã hội bao gồm thúc đẩy việc làm thỏa đáng, phát triển kỹ năng, an sinh xã hội và đối thoại xã hội, đồng thời vận động sự tham gia của các tổ chức bảo vệ môi trường trong

vai trò đối tác, thông qua nâng cao khả năng tiếp cận thông tin, cơ hội tham gia và công lý.

Tài chính vẫn là yếu tố then chốt thúc đẩy quá trình chuyển đổi hướng tới nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững về môi trường ở Việt Nam. Mặc dù đầu tư công hỗ trợ một phần khoản chi liên quan đến khí hậu với giá trị ước tính khoảng 1,5–2% GDP mỗi năm, nhưng mức hỗ trợ này vẫn chưa đủ để đáp ứng quy mô hành động cần thiết.[156] Đóng góp của khu vực tư nhân cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học, kiểm soát ô nhiễm và nâng cao khả năng thích ứng vẫn còn hạn chế.[157] Do đó, cần tăng cường sự phối hợp giữa các chủ thể thúc đẩy phát triển và điều chỉnh các dòng tài chính cho phù hợp. Việt Nam đang chuẩn bị ban hành khung trái phiếu xanh quốc gia, tuy nhiên, khung này hiện vẫn chưa hoàn thiện.[158] Các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính đã phát hành trái phiếu xanh, tuy nhiên mức độ triển khai sử dụng vẫn còn hạn chế.

2.6 Quản trị và pháp quyền

Việt Nam đang trải qua quá trình cải cách sâu rộng về chính trị, tư pháp và hành chính. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV xác định Việt Nam đang bước vào một kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, với trọng tâm là tăng trưởng kinh tế nhanh, cải cách thể chế và hiện đại hóa.[159]

Lộ trình cải cách của Việt Nam, tập trung vào hiệu quả, phòng, chống tham nhũng và chuyển đổi số, có tiềm năng cải thiện chất lượng quản trị và kết quả phát triển trên nhiều lĩnh vực. Việc phát huy đầy đủ tiềm năng này và giảm thiểu các rủi ro, bao gồm cả trong không gian mạng, sẽ phụ thuộc vào mức độ bảo đảm các nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm giải trình và tính bao trùm trong thực tiễn, cũng như việc các chủ thể quyền tham gia tích cực và có ý nghĩa vào quá trình ra quyết định.[160]

Quản trị bao trùm và tham gia chính trị

Để hiện đại hóa toàn diện đất nước, cải cách cần được bổ trợ bởi quản trị bao trùm toàn diện, được hiểu là vừa bảo đảm sự tham gia thực chất của các nhóm yếu thế và chưa được đại diện đầy đủ, vừa hướng tới các kết quả chính sách công bằng.[161] Quá trình cải cách cần thu hẹp những khoảng cách còn tồn tại đối với sự tham gia của phụ nữ, thanh niên, người khuyết tật và các tổ chức của người lao động, đặc biệt vào các đối thoại chính sách, quá trình ra quyết định và phân bổ lợi ích từ quản trị.[162]

Một số dữ liệu thu thập vào năm 2024 về nhận thức của người dân đối với các khía cạnh của quản trị trên toàn quốc cho thấy vẫn còn tồn tại những khoảng cách đáng kể giữa các vùng miền và nhóm dân cư về mức độ hài lòng đối với công tác quản trị địa phương và cung cấp dịch vụ công.[163] Các nhóm yếu thế có mức độ hài lòng thấp hơn và còn gặp nhiều rào cản hơn trong tiếp cận dịch vụ cũng như tham gia quản trị ở cấp địa phương.[164]Mức độ hài lòng đối với các dịch vụ quản trị điện tử nhìn chung còn thấp, đặc biệt rõ hơn ở các khu vực miền núi và vùng sâu, vùng xa, nhất là đối với phụ nữ.[165]

Các dữ liệu này cũng cho thấy điểm số đánh giá của người dân đối với sự tham gia ở cấp địa phương, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình còn thấp, trong đó các nhóm yếu thế chịu tác động rõ rệt hơn. Nhiều rào cản tiếp tục hạn chế sự đại diện thực chất của các nhóm yếu thế trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách.[166] Việc bãi bỏ cấp hành chính cấp huyện cần được thực hiện một cách thận trọng và hiệu quả, để tránh nguy cơ làm suy giảm mức độ đại diện và khả năng tiếp cận ở cấp địa phương.

Tỷ lệ tham gia vào hệ thống chính trị của phụ nữ vẫn còn thấp hơn so với các mục tiêu đề ra trong Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng Giới giai đoạn 2021-2030.[167] Kế hoạch hành động quốc gia đầu tiên của Việt Nam về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh (2024) [168] đã tạo động lực để giải quyết các thiếu sót này, song đòi hỏi phải có nguồn lực tài chính riêng, sự phối hợp thể chế chặt chẽ và các chỉ số đo lường cụ thể để có thể đạt được kết quả thực chất.

Tác động của quá trình tái cấu trúc hành chính đối với năng lực cung cấp dịch vụ xã hội và thúc đẩy việc triển khai các mục tiêu chính sách có trách nhiệm giới đến nay vẫn còn chưa được đánh giá đầy đủ, và sẽ cần được theo dõi chặt chẽ nhằm duy trì, và mở rộng các tiến bộ đã đạt được trong các lĩnh vực như bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em, đồng thời bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương.

Người khuyết tật cũng còn đang phải đối mặt với nhiều rào cản chồng chéo trong tham gia chính trị, bao gồm việc thiếu các biện pháp hành động tích cực, cùng với sự kỳ thị vẫn còn phổ biến và những định kiến tiêu cực về năng lực lãnh đạo của họ.[169] Những khó khăn trong tiếp cận dịch vụ, công lý và thông tin càng góp phần làm hạn chế cơ hội tham gia vào đời sống xã hội của nhóm này. Các rào cản khác bao gồm những khó khăn về kinh tế xã hội.

Sự tham gia của thanh niên cũng chịu những hạn chế tương tự, trong đó việc tham gia của thanh niên vào các quy trình ra quyết định ở cấp quốc gia và địa phương đang phải đối mặt với nhiều rào cản đáng kể. Các rào cản này bao gồm các khoảng trống về kiến thức, mức độ đại diện còn hạn chế và những ràng buộc khác.[170]

Tiếp cận công lý và bảo vệ quyền con người

Cải cách pháp luật và tư pháp là những trụ cột trọng tâm trong chương trình hiện đại hóa của quốc gia. Điều này được phản ánh trong các cam kết cấp cao, bao gồm Nghị quyết số 66-NQ/TW về công tác xây dựng và thi hành pháp luật được ban hành vào tháng 4/2025.[171] Nghị quyết tập trung vào việc cải thiện khả năng tiếp cận công lý, bảo đảm quyền con người và quyền công dân, nâng cao hiệu quả quản lý hành chính và củng cố môi trường đầu tư.

Mặc dù vẫn còn tồn tại những khoảng trống liên quan đến tính độc lập của tư pháp, nhận thức về sự ảnh hưởng chính trị hoặc hành pháp trong các quy trình tư pháp hình sự và dân sự, cũng như những đánh giá đa chiều về chiến dịch phòng, chống tham nhũng đang tiếp diễn, mức độ tin cậy của công chúng đối với hệ thống tư pháp vẫn ở mức tương đối cao.[172] Việc bổ sung thêm các thông tin như khảo sát mức độ hài lòng của người sử dụng dịch vụ tòa án và dữ liệu phân tổ về các bảo đảm xét xử công bằng sẽ góp phần củng cố quá trình hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng, cải thiện giám sát và tăng cường trách nhiệm giải trình trong lĩnh vực tư pháp.[173]

Phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (ADR) vẫn chưa được phổ biến rộng rãi. Việc mở rộng trợ giúp pháp lý có trách nhiệm giới và các cơ chế ADR, bao gồm hòa giải và trọng tài lao động, đang nổi lên như một yếu tố then chốt nhằm cải thiện khả năng tiếp cận công lý và sẽ hiệu quả hơn nếu tập trung hơn vào các nhóm yếu thế.

Việc thiết lập mô hình hệ thống tòa án ba cấp mới nhằm hướng tới nâng cao tính thống nhất trong xét xử, tăng cường chuyên môn hóa tư pháp và củng cố niềm tin của công chúng. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi này cũng có thể tăng nguy cơ giảm khả năng tiếp cận công lý tại các khu vực vùng sâu, vùng xa và những nơi còn thiếu dịch vụ. [174]

Khả năng tiếp cận công lý của phụ nữ và trẻ em gái là nạn nhân của bạo lực, bao gồm cả bạo lực trên cơ sở giới tại nơi làm việc, không gian công cộng và không gian trực tuyến, vẫn còn chưa đồng đều, mặc dù đã có các khung pháp lý nhằm xử lý vấn đề này.[175] Bạo lực trên cơ sở giới được thúc đẩy bởi công nghệ đang dần trở thành mối quan ngại.

Một bộ phận lớn trẻ em vẫn tiếp tục phải đối mặt với tình trạng bị bỏ bê, lạm dụng, bạo lực và bóc lột, bao gồm lao động trẻ em, dù đã có những cải thiện gần đây trong công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em.[176] Dữ liệu cho thấy việc kỷ luật bằng bạo lực vẫn còn khá phổ biến.[177] Tình trạng bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em qua mạng cũng đang trở thành một vấn đề đáng lo ngại.[178]

Các nạn nhân của bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em đang tiếp tục phải đối mặt với nhiều rào cản đáng kể trong việc tiếp cận công lý. Những rào cản như kỳ thị, tâm lý e ngại, các chuẩn mực cộng đồng,

những hạn chế mang tính thể chế và sự thiếu hụt các dịch vụ hỗ trợ, đặc biệt tại các khu vực ngoài đô thị, làm suy giảm hiệu quả ứng phó và cản trở nạn nhân tìm kiếm công lý.[179]

Sự thiếu nhất quán trong định nghĩa pháp lý và phạm vi bảo vệ đối với tất cả các cá nhân dưới 18 tuổi trong các khung pháp lý khác nhau cũng gây ra những thách thức đáng kể trong việc bảo vệ trẻ em trong hệ thống tư pháp.[180]Sự không thống nhất này tạo ra những khoảng trống bảo vệ đáng quan ngại đối với nhóm trẻ từ 16–17 tuổi, đặc biệt là các nạn nhân của bạo lực.

Mặc dù đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong lĩnh vực tư pháp người chưa thành niên, số lượng trẻ em bị xử lý trong hệ thống hình sự trong những năm gần đây có xu hướng gia tăng.[181] Một điểm tích cực là Luật số 59/2024/QH15 về Tư pháp người chưa thành niên, được ban hành vào tháng 11/2024, đã đưa ra cách tiếp cận mang tính hỗ trợ tái hòa nhập nhiều hơn.[182]

Những tiến triển tích cực này một phần là kết quả của sự tham gia rất tích cực của Việt Nam vào các cơ chế nhân quyền quốc tế. Trong đó bao gồm chu kỳ UPR lần thứ tư vào năm 2024, khi Việt Nam chấp thuận số lượng khuyến nghị cao kỷ lục.[183] Các khuyến nghị này hiện đã được cụ thể hóa thành Kế hoạch tổng thể triển khai UPR. Việt Nam cũng đã báo cáo trước nhiều cơ quan công ước khác, bao gồm Ủy ban Nhân quyền vào tháng 7/2025, đồng thời tham gia tích cực trong nhiệm kỳ đầu tiên với tư cách là thành viên của Hội đồng Nhân quyền.

Sự tham gia tích cực vào các cơ chế đa phương về quyền con người đã hỗ trợ thúc đẩy một số tiến triển quan trọng, bao gồm việc sửa đổi Bộ luật Hình sự năm 2025, theo đó giảm số lượng tội danh có thể bị áp dụng án tử hình từ 18 xuống còn 10. Một bước tiến rất đáng chú ý khác là vào năm 2022, Bộ Y tế đã ban hành một chỉ thị mang tính bước ngoặt, nghiêm cấm phân biệt đối xử đối với người LGBTQI+ trong các cơ sở khám, chữa bệnh.[184] Cũng đã có những tiến bộ đáng hoan nghênh trong việc soạn thảo Luật Chuyển đổi giới tính, một dự luật có thể tạo ra bước tiến đáng kể về quyền con người cho người chuyển giới nếu được thông qua với sự tham vấn đầy đủ các nhóm đối tượng liên quan.

Đáng chú ý, quá trình rà soát các văn bản pháp luật quan trọng như Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự còn chưa tuyệt đối bám sát các nguyên tắc về quản trị bao trùm, xét trên khía cạnh tham vấn và tham gia, qua đó bỏ sót cơ hội củng cố mức độ đồng thuận xã hội và tính chính danh của khung pháp lý. [185]

Ngày 16/6/2025, Quốc hội đã sửa đổi Hiến pháp nhằm mở rộng vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, khẳng định vai trò của tổ chức công đoàn quốc gia và tinh gọn quy trình lập pháp. Việc tiếp tục tăng cường năng lực của các tổ chức đại diện người lao động trong tham gia đối thoại tại nơi làm việc và thương lượng tập thể là đặc biệt cần thiết, phù hợp với các quy định của Bộ luật Lao động và cam kết của Nhà nước trong việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ.[186]

Buôn bán người, tội phạm mạng và kinh tế bất hợp pháp

Luật Phòng, chống mua bán người sửa đổi (Luật số 53/2024/QH15), được thông qua vào tháng 11/2024, là một cải cách kịp thời và quan trọng.[187] Luật này mở rộng định nghĩa pháp lý về "mua bán người" và xác định lại "nạn nhân là trẻ em" là người dưới 18 tuổi, đồng thời mở rộng hỗ trợ đối với các nạn nhân tiềm năng trong quá trình xác định. Những cải cách này phù hợp hơn với các tiêu chuẩn quốc tế và phản ánh các thách thức mới nổi như mua bán người thông qua không gian mạng.[188]

Năm 2024, Bộ Công an ghi nhận 163 vụ mua bán người với khoảng 500 nạn nhân, trong đó có 175 trẻ em. Nhiều trường hợp bị mua bán nhằm mục đích cưỡng bức thực hiện hành vi phạm tội trong các ổ nhóm lừa đảo trực tuyến. Dữ liệu chính thức có khả năng chưa phản ánh được đầy đủ tình trạng mua bán người trong nước và trong lĩnh vực lao động. Các hoạt động buôn bán trái phép, bao gồm buôn bán động vật hoang dã, gỗ, ma túy và tội phạm mạng, tiếp tục đặt ra những thách thức lớn đối với pháp quyền. Tuy nhiên, việc thực thi vẫn còn thiếu nhất quán.[189]

Tội phạm mạng đang gia tăng nhanh chóng, đặc biệt là các vụ lừa đảo trực tuyến do các tổ chức tội phạm xuyên quốc gia thực hiện tại các khu phức hợp ở Đông Nam Á và các khu vực khác, nơi hàng

nghìn công dân Việt Nam và người nước ngoài bị cưỡng ép tham gia vào các hoạt động lừa đảo tinh vi. Mặc dù nhiều người bị mua bán vào các trung tâm lừa đảo này, họ ít khi được xác định là nạn nhân khi trở về, dẫn đến việc không được tiếp cận các biện pháp bảo vệ và hỗ trợ tái hòa nhập cần thiết.[190]

Tội phạm liên quan đến ma túy cũng vẫn đang gia tăng.[191] Việc áp dụng các hình phạt nghiêm khắc, bao gồm án tử hình đối với một số hành vi tàng trữ ma túy, cũng đồng thời làm tăng những quan ngại về quyền con người, trong bối cảnh các bảo đảm về thủ tục tố tụng vẫn còn hạn chế, có thể làm gia tăng nguy cơ kết án oan. Các sửa đổi gần đây đối với Bộ luật Hình sự liên quan đến tội phạm ma túy cũng đặt ra thêm các thách thức đối với việc triển khai các cách tiếp cận dựa trên y tế công cộng đối với việc sử dụng ma túy và rối loạn do sử dụng ma túy, cũng như bảo vệ quyền con người của người sử dụng ma túy.

Một ghi nhận tích cực, là việc sửa đổi Luật Căn cước có hiệu lực từ tháng 7/2024 cho phép những người gốc Việt Nam sinh sống tại Việt Nam nhưng trước đây chưa có quốc tịch, được cấp giấy tờ định danh. Điều này bảo đảm các quyền hợp pháp và tăng cường sự tham gia của họ. Tuy nhiên, để cải thiện hơn nữa tình trạng không quốc tịch, Việt Nam cần tiếp tục tiệm cận các chuẩn mực quốc tế thông qua việc tham gia các công ước liên quan, tăng cường thực thi pháp luật về quốc tịch và đăng ký hộ tịch, cũng như triển khai các hoạt động tiếp cận có mục tiêu đối với các cộng đồng có nguy cơ cao, đặc biệt ở các khu vực vùng sâu, vùng xa.[192,193]

Quản trị dữ liệu, tính minh bạch và chính sách dựa trên bằng chứng

Việc xây dựng các chính sách có tính đáp ứng và công bằng phụ thuộc vào hệ thống dữ liệu vững chắc và được phân tổ đầy đủ, nhằm xử lý các khoảng trống ảnh hưởng đến các nhóm dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực như việc làm, tiền lương, điều kiện làm việc, cũng như khả năng tiếp cận các phúc lợi và quá trình ra quyết định. Quá trình chuyển đổi số nhanh chóng đã có những bước tiến quan trọng trong việc xây dựng khung pháp lý và thể chế, công nhận dữ liệu là một tài sản chiến lược cho quản trị và phát triển.

Năm 2023, Chính phủ đã có một bước tiến lớn khi thiết lập Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do Bộ Công an quản lý. [194] Sáng kiến này hướng tới việc liên thông dữ liệu giữa các lĩnh vực then chốt như đăng ký hộ tịch, y tế, giáo dục và bảo hiểm xã hội, qua đó tạo nền tảng cho việc cung cấp dịch vụ công hiệu quả hơn, phát triển các dịch vụ số bao trùm và thúc đẩy hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng.

Luật Dữ liệu (Luật số 60/2024/QH15), được thông qua ngày 30/11/2024 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, cùng với Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân do Chính phủ ban hành ngày 17/4/2023 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2023), đã thiết lập khung pháp lý đối với việc tạo lập, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu trên các lĩnh vực. Bao gồm các quy định về quản lý cơ sở dữ liệu của Nhà nước, cũng như việc thu thập, xử lý và bảo vệ dữ liệu cá nhân.[195]

2.7 Bức tranh tài chính phát triển

Để đáp ứng tham vọng phát triển của Việt Nam, cần phải tăng đáng kể nguồn lực tài chính. Theo ước tính của UNESCAP, quốc gia này cần mức đầu tư hằng năm tương đương khoảng 11% GDP vào năm 2030 để đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs).[196] Con số này chưa tính đến các chi phí phát sinh liên quan đến phục hồi hậu COVID-19.[197] Chiến lược tài chính của Việt Nam, vì vậy, cần được điều chỉnh nhằm xử lý các ràng buộc mang tính cấu trúc như bất bình đẳng, huy động nguồn thu, chưa hiệu quả trong quy định và sự phụ thuộc vào mô hình tăng trưởng dựa trên FDI có giá trị gia tăng thấp.

Tăng cường huy động nguồn lực trong nước trong bối cảnh suy giảm vốn ODA

Một thách thức lớn là sự suy giảm mạnh của nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), từ mức 3,84% GDP năm 2001 xuống chỉ còn 0,012% vào năm 2022.[198] Mặc dù xu hướng này nhìn chung phản ánh tiến bộ phát triển, tốc độ suy giảm ở Việt Nam diễn ra nhanh hơn so với nhiều quốc gia trong khu vực.

ODA vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy đầu tư vào các lĩnh vực có mức độ rủi ro cao và lợi nhuận không chắc chắn, như hạ tầng công, các lĩnh vực xã hội và thích ứng với biến đổi khí hậu. . Tuy nhiên, nhiều rào cản và quy trình kéo dài đã làm chậm tiến độ giải ngân. Nhiều dự án đã hết thời hạn theo các hiệp định vay nhưng vẫn chưa giải ngân hết nguồn vốn, dẫn đến tình trạng nguồn ODA sẵn có chưa được sử dụng hiệu quả như mong muốn.[199]

Sự thiếu hiệu quả này không chỉ làm lãng phí các nguồn lực cấp thiết — đặc biệt đối với các nhóm dễ bị tổn thương — mà còn làm suy giảm niềm tin của các nhà tài trợ, từ đó có thể ảnh hưởng đến việc phân bổ viện trợ trong tương lai. Trong bối cảnh nguồn vốn ODA toàn cầu suy giảm và sự ưu tiên đang dần chuyển dịch từ quy mô vốn sang các tác động mang tính xúc tác, việc cải thiện hiệu quả giải ngân và gắn kết nguồn viện trợ với các ưu tiên quốc gia là yêu cầu cấp thiết.

Khung pháp lý về ODA và các khoản vay ưu đãi đã được cải thiện thông qua việc ban hành Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10/9/2025, thay thế Nghị định số 114/2021/NĐ-CP và Nghị định số 20/2023/NĐ-CP. Quy định mới này được kỳ vọng sẽ tháo gỡ các trở ngại về thủ tục, qua đó góp phần đơn giản hóa quy trình hành chính, đồng thời tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi, đảm bảo sự phù hợp với các ưu tiên phát triển quốc gia.[200]

Một hạn chế khác đối với việc đạt được các mục tiêu phát triển của Chính phủ nằm ở khả năng huy động nguồn thu ngân sách. Mặc dù nền kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ, nguồn thu của Chính phủ vẫn chưa theo kịp. Từ năm 2011 đến năm 2024, doanh thu thuế giảm từ 16,7% xuống còn 11,4% GDP.[201] Xu hướng giảm này xuất phát từ việc đa dạng hóa cơ sở thuế còn hạn chế, công tác quản lý thuế chưa thực sự hiệu quả và sự sụt giảm đáng kể của nguồn thu từ dầu thô. Điều này đã hạn chế khả năng đầu tư của Chính phủ vào các ưu tiên phát triển.[202] Để đảo ngược xu hướng này cần đòi hỏi các cải cách nhằm tăng cường thực thi thuế, áp dụng các công cụ thuế hiện đại và cải thiện niềm tin của công chúng vào hệ thống thuế. Thuế carbon cũng có thể góp phần gắn kết các mục tiêu tài khóa và khí hậu.[203]

Do duy trì mức nợ công thấp, ở mức 34,4% GDP vào năm 2023[204] – thấp hơn đáng kể so với trần pháp lý 60%, Việt Nam chưa tận dụng được đầy đủ dư địa tài khóa.[205] Tài trợ bằng nợ vẫn là một cơ chế khả thi, nhưng chưa được khai thác hiệu quả để tài trợ cho các khoản đầu tư dài hạn. Kinh nghiệm quản lý tài khóa thận trọng của Việt Nam là cơ sở để tin rằng việc vay nợ được quản trị tốt có thể đóng vai trò trung tâm hơn trong việc thu hẹp khoảng cách tài chính cho phát triển.

Mở rộng vai trò của nguồn vốn tư nhân đối với phát triển quốc gia

Nghị quyết số 68-NQ/TW của Đảng, ban hành ngày 4/5/2025, đánh dấu một sự chuyển dịch quan trọng trong cách tiếp cận đối với khu vực tư nhân. Nghị quyết xác định khu vực này là một động lực trung tâm của phát triển quốc gia, nhấn mạnh vai trò trong tăng trưởng kinh tế, đổi mới sáng tạo và việc làm. Theo đó, khu vực tư nhân ngày càng giữ vai trò then chốt trong bức tranh tài chính phát triển của Việt Nam. Đầu tư tư nhân trong nước đã gia tăng cả về quy mô lẫn tầm quan trọng. Xu hướng này phản ánh sự chuyển dịch rộng hơn của nền kinh tế từ tích lũy vốn công sang vốn tư nhân. Tuy nhiên, mức độ đầu tư tư nhân hiện vẫn chưa đủ để duy trì tăng trưởng cao trong dài hạn.[206] Gánh nặng pháp lý vẫn còn lớn, đồng thời hệ thống tài chính cần được phát triển sâu rộng và hoàn thiện hơn.

Bên cạnh đầu tư và tín dụng trong nước, kiều hối cũng là một nguồn tài chính phát triển tư nhân quan trọng, đặc biệt ở cấp hộ gia đình.[207] Các dòng vốn này cung cấp nguồn tài chính ổn định cho các hộ gia đình. Để tối đa hóa tác động phát triển, cần có hạ tầng tài chính hỗ trợ phù hợp và các nỗ lực nhằm giảm chi phí giao dịch.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài: Từ số lượng đến chất lượng

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) từ lâu đã là một động lực ổn định thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam, giúp đất nước hội nhập vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu, đồng thời tạo việc làm và thu nhập cho lực lượng lao động ngày càng gia tăng, đặc biệt là lao động di cư từ khu vực nông thôn.[208]

Những thách thức vẫn còn tồn tại trong việc thúc đẩy chuyển giao công nghệ và gia tăng giá trị nội địa, chủ yếu do mối liên kết giữa khu vực FDI và doanh nghiệp trong nước còn hạn chế. Để FDI đóng góp tốt hơn cho phát triển bao trùm và bền vững, cần thu hút các dòng vốn đầu tư chất lượng cao vào sản xuất công nghệ cao, công nghệ số và các ngành công nghiệp xanh. Điều này đòi hỏi phải nâng cấp hơn nữa chính sách công nghiệp, phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.[209]

Tài chính xanh và đổi mới cho tương lai

Nghị quyết 70 ưu tiên các kênh huy động vốn được tự do hóa hơn, thúc đẩy huy động đầu tư nước ngoài và tư nhân, các công cụ tài chính xanh và các cơ chế dựa trên thị trường, nhằm bảo đảm nguồn vốn cho ngành năng lượng của Việt Nam, đồng thời duy trì tăng trưởng kinh tế. Nghị quyết cũng khẳng định tài chính xanh và tài chính đổi mới là các cơ chế quan trọng để huy động nguồn vốn dài hạn phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững và chuyển đổi khí hậu.

Chương trình đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) của Việt Nam, được khởi động vào tháng 12/2022, đã cam kết huy động khoản tài chính ban đầu trị giá 15,5 tỷ USD để hỗ trợ quá trình chuyển đổi năng lượng. Tuy nhiên, việc Hoa Kỳ rút khỏi chương trình này vào tháng 5/2025 cho thấy tính dễ tổn thương của cơ chế hợp tác này, cũng như của nguồn tài chính khí hậu quốc tế.[210]

Chính phủ đã thúc đẩy các cải cách pháp lý quan trọng và đầy tham vọng; nhu cầu đầu tư tương ứng đến năm 2030 ước tính khoảng 134,7 tỷ USD, trong đó phần lớn dành cho phát điện (119,8 tỷ USD) và phần còn lại cho hạ tầng lưới điện và truyền tải (14,9 tỷ USD).[211]

Trong nước, thị trường tài chính xanh đang dần phát triển. Tín dụng xanh và trái phiếu bền vững đang gia tăng, chủ yếu tập trung vào lĩnh vực năng lượng tái tạo.[212] Tính đến tháng 9/2024, tín dụng xanh đạt khoảng 26,6 tỷ USD (tương đương 4,5% tổng tín dụng), trong khi giá trị trái phiếu bền vững đạt khoảng 800 triệu USD. Tuy nhiên, để khai thác đầy đủ tiềm năng của tài chính xanh, Việt Nam cần tiếp tục xử lý các rào cản còn tồn tại về pháp lý, thể chế và năng lực. Các ưu tiên bao gồm xây dựng danh mục phân loại xanh, thúc đẩy đánh giá rủi ro môi trường và đưa ra các ưu đãi tài khóa nhằm khuyến khích cho vay xanh.

Việc phát triển các công cụ như trái phiếu SDG và trái phiếu xã hội có thể góp phần đa dạng hóa nguồn tài chính, tuy nhiên đòi hỏi phải có hệ thống pháp lý và dữ liệu đủ mạnh. Các khung pháp lý về tín chỉ carbon đang trong quá trình xây dựng cũng được kỳ vọng sẽ tạo ra các tác động đáng kể.[213]

2.8 Phân tích quan hệ đối tác và các bên liên quan

Các quan hệ đối tác vững chắc và sự tham gia hiệu quả của các bên liên quan đóng vai trò then chốt trong việc thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 và các mục tiêu phát triển quốc gia. Mặc dù môi trường chính sách thuận lợi đã có những cải thiện rất đáng kể, vẫn còn tồn tại nhiều thách thức trong việc chuyển hóa cam kết thành các quan hệ đối tác hiệu quả, đặc biệt là trong việc thúc đẩy quyền làm chủ rộng rãi của các bên liên quan, huy động và điều phối nguồn lực, cũng như tăng cường hợp tác hệ thống giữa Chính phủ, các đối tác xã hội, đối tác phát triển, tổ chức xã hội và khu vực tư nhân theo hướng phản ánh đầy đủ quyền lợi và tiếng nói của các nhóm có nguy cơ bị bỏ lại phía sau.

Quyền làm chủ và điều phối của Chính phủ

Chính phủ Việt Nam giữ vai trò làm chủ và trung tâm trong việc điều phối và triển khai Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững và các SDG, với nguyên tắc cốt lõi là không để ai bị bỏ lại phía sau.[214] Tuy nhiên, mức độ làm chủ và thể chế hóa các SDG trên thực tế còn có sự khác biệt đáng kể giữa các bộ, ngành và các cấp chính quyền địa phương.

Mặc dù Bộ Kế hoạch và Đầu tư (trước đây) đã dẫn dắt nỗ lực liên kết các SDG với các mục tiêu quốc gia, một số các bộ, ngành vẫn chưa lồng ghép đầy đủ 17 mục tiêu SDG và các chỉ tiêu liên quan vào quá trình lập kế hoạch hoạt động, phân bổ ngân sách hoặc khung giám sát và đánh giá. Công tác điều phối hiện vẫn chủ yếu mang tính từ trên xuống và chưa mang tính hệ thống, trong khi Nhóm công tác liên ngành về SDG chưa được trao đủ thẩm quyền để thúc đẩy việc triển khai tích hợp và liên ngành.[215] Các địa phương thậm chí còn phải đối mặt với những thách thức lớn, bao gồm hiểu biết chưa đầy đủ về SDG, cũng như những hạn chế về nhân lực và tài chính.

Sự tham gia của khu vực tư nhân

Khu vực tư nhân là chủ thể đi đầu trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế. Vai trò ngày càng quan trọng của khu vực này được nhấn mạnh hơn nữa khi Đảng ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW vào tháng 5/2025, trong đó xác định kinh tế tư nhân là "một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia". Nghị quyết đặt mục tiêu đạt hai triệu doanh nghiệp, đóng góp ít nhất 55% GDP vào năm 2030 và ba triệu doanh nghiệp vào năm 2045, đồng thời kêu gọi tăng cường hội nhập, bao trùm và khả năng tiếp cận tài chính của khu vực tư nhân.[216]

Mặc dù đã có những tiến bộ nhất định, mức độ gắn kết của khu vực tư nhân với các SDG vẫn còn hạn chế; chỉ có một số ít doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG) hoặc thực hiện báo cáo phát triển bền vững; phần lớn các nỗ lực được thúc đẩy bởi yêu cầu từ chuỗi cung ứng toàn cầu hơn là từ các cơ chế khuyến khích trong nước.[217]

Các hoạt động trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) hiện vẫn chủ yếu mang tính từ thiện, trong khi các sáng kiến về bình đẳng giới chưa được tích hợp đầy đủ vào hoạt động cốt lõi của doanh nghiệp. Mặc dù đã có một số thí điểm về trái phiếu xanh và báo cáo ESG, việc nhân rộng vẫn còn hạn chế do khung pháp lý chưa được hoàn thiện và nhận thức còn chưa cao. Việc phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm theo Quyết định số 843/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 là một bước tiến tích cực đáng ghi nhận.[218]

Các tổ chức, đối tác xã hội và học thuật trong thúc đẩy nguyên tắc "không để ai bị bỏ lại phía sau" (LNOB)

Các tổ chức xã hội đã đóng vai trò thiết yếu trong việc cung cấp dịch vụ cho các nhóm dễ bị tổn thương, thúc đẩy tính bao trùm và hỗ trợ hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng.[219] Sự tham gia của các tổ chức xã hội này có thể được tăng cường hơn nữa với các biện pháp pháp lý và hành chính thuận lợi hơn, bao gồm đơn giản hóa quy trình đăng ký, tạo điều kiện cho họ được tham gia tích cực và có ý nghĩa hơn vào quá trình hoạch định chính sách, cũng như hoàn thiện Luật về hội.[220]

Các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động giữ vai trò then chốt trong việc nâng cấp quản trị thị trường lao động của Việt Nam, qua đó nâng cao năng suất, năng lực cạnh tranh và thúc đẩy chuyển đổi kinh tế bền vững. Việc tăng cường đối thoại xã hội, hiện đại hóa quan hệ lao động, thúc đẩy bình đẳng và tránh phân biệt đối xử thông qua các thiết chế lao động dựa trên quyền, phù hợp với các tiêu chuẩn lao động quốc tế, là điều kiện thiết yếu để bảo đảm việc triển khai chính sách hiệu quả và bao trùm.

Các tổ chức học thuật cũng đã đóng góp các nghiên cứu chính sách có chiều sâu, đánh giá tác động và xây dựng các mô hình SDG theo từng lĩnh vực. Tuy nhiên, đóng góp từ các tổ chức học thuật vẫn chưa được huy động một cách có hệ thống và hiệu quả trong chu trình lập chính sách, trong khi nguồn ngân sách công cho nghiên cứu còn nhiều hạn chế. Tăng cường vai trò của các trường đại học và viện nghiên cứu là yếu tố then chốt để thúc đẩy các giải pháp mang tính hệ thống cho phát triển bền vững.

Vai trò quan trọng xuyên suốt của các đối tác phát triển

Các đối tác phát triển tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ tiến trình phát triển của Việt Nam. Họ góp phần đưa vào các giải pháp bền vững và thông lệ tốt, đồng thời hỗ trợ tài chính để thí điểm và nhân rộng các sáng kiến SDG, đặc biệt trong các lĩnh vực có mức độ rủi ro cao đối với đầu tư tư nhân.[221]

Các đối tác phát triển đã hỗ trợ nhiều sáng kiến quan trọng như tăng trưởng xanh, nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, chính phủ số và quản lý tài chính công. Chẳng hạn, họ đóng vai trò thiết yếu trong việc hỗ trợ Việt Nam triển khai JETP, góp phần thúc đẩy mục tiêu phát thải ròng bằng "0" và giảm dần điện than.[222] Tuy nhiên, sự phối hợp và nỗ lực chung giữa các đối tác phát triển, cũng như giữa các đối tác này với các bên liên quan khác, vẫn cần được cải thiện hơn nữa để bảo đảm tính cộng hưởng và nâng cao hiệu quả tác động.

Vai trò và mức độ tham gia của các nhóm dễ bị tổn thương

Đã có những tiến bộ rất đáng kể, đặc biệt là trong việc phát triển các khung pháp lý, nhằm tăng cường sự đại diện và tham gia của các nhóm dễ bị tổn thương. Tuy nhiên, khả năng tác động của các nhóm này đến các chính sách và biện pháp can thiệp có ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống và sinh kế của họ vẫn còn hạn chế.

Việc thiếu dữ liệu được phân tổ chi tiết đang tiếp tục cản trở các nỗ lực bảo đảm sự đại diện và tham gia đầy đủ của các nhóm dễ bị tổn thương trong quá trình xây dựng chính sách và thiết kế chương trình can thiệp.

3 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

3.1 Tóm tắt các thách thức phát triển chính

Phần này tóm tắt những thách thức phát triển chính mà Việt Nam cần giải quyết nhằm thực hiện chuyển đổi hướng tới đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) vào năm 2030, trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045 và đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050.

Còn tình trạng bất bình đẳng và nguy cơ bị bỏ lại phía sau

Mặc dù Việt Nam đã đạt được những tiến bộ rất đáng khích lệ trong giảm nghèo, tình trạng nghèo đa chiều vẫn còn tồn tại, tập trung ở một số nhóm dân tộc thiểu số, dân cư nông thôn, lao động phi chính thức và người khuyết tật.

Cứ mười trẻ em thì vẫn còn một em phải đối mặt với tình trạng nghèo đa chiều. Các dân tộc thiểu số, chiếm khoảng 15% dân số, vẫn chiếm gần 60% số hộ nghèo đa chiều, trong đó còn hơn 30% trẻ em dân tộc thiểu số rơi vào tình trạng nghèo đa chiều. Các nhóm này vẫn đang phải đối mặt với những rào cản trong việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng, giáo dục, cơ sở hạ tầng, an sinh xã hội và công lý, khiến họ chưa thể được thụ hưởng đầy đủ thành quả tăng trưởng của đất nước.

Bất bình đẳng giới cũng làm trầm trọng thêm những chênh lệch này. Phụ nữ vẫn chưa được đại diện đầy đủ trong quá trình ra quyết định và chiếm tỷ lệ cao hơn trong các công việc chăm sóc không được trả lương và việc làm phi chính thức với thu nhập thấp. Đối với phụ nữ dân tộc thiểu số và phụ nữ khuyết tật, các bất lợi chồng lấn còn tạo ra những rào cản lớn hơn đối với cơ hội kinh tế, tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe và tham gia chính trị.

Trong khi các bất bình đẳng nhất chủ yếu ảnh hưởng đến phụ nữ và trẻ em gái, đặc biệt tại khu vực nông thôn và các nhóm dễ bị tổn thương, nam giới và trẻ em trai cũng phải đối mặt với những rủi ro giới đặc thù, bao gồm nguy cơ bỏ học cao hơn, tiếp xúc với lao động nguy hiểm và các vấn đề sức khỏe tâm thần. Do đó, việc giải quyết vấn đề bình đẳng giới đòi hỏi một cách tiếp cận toàn diện, tính đến nhu cầu và quyền lợi của mọi giới.

Những thay đổi về nhân khẩu học góp phần làm tăng thêm những thách thức này. Trong khi cơ cấu dân số đang chuyển dịch theo hướng mức sinh thấp và già hóa nhanh, mang lại cơ hội thúc đẩy phát triển nếu các chính sách được triển khai hiệu quả, xu hướng này cùng lúc gây áp lực ngày càng lớn

lên an sinh xã hội và hệ thống y tế, trong bối cảnh dân số trong độ tuổi lao động suy giảm. Sự chuyển dịch nhân khẩu học này làm gia tăng nguy cơ Việt Nam sẽ trở thành xã hội già hóa trước khi đạt được mức thu nhập cao. Các yếu tố khác như đô thị hóa và các bệnh không lây nhiễm tiếp tục làm trầm trọng thêm tác động của già hóa dân số đối với hệ thống an sinh xã hội và y tế.

Các mối đe dọa môi trường và rủi ro khí hậu

Biến đổi khí hậu và bất bình đẳng có mối liên hệ mật thiết với nhau. Các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão, lũ lụt và hạn hán hiện đang gây thiệt hại cho nền kinh tế ước tính từ 1–1,5% GDP mỗi năm, trong đó gánh nặng lớn nhất đè nặng lên các cộng đồng nông thôn và ven biển – những nơi có ít nguồn lực ứng phó nhất. Nước biển dâng và xâm nhập mặn tại Đồng bằng sông Cửu Long đe dọa sinh kế của hàng triệu người và gây ra rủi ro nghiêm trọng đối với an ninh lương thực.

Suy thoái môi trường, gắn liền với quá trình phát triển kinh tế nhanh chóng của Việt Nam, càng làm gia tăng các rủi ro này. Quá trình mở rộng công nghiệp, tăng trưởng đô thị và nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng đã dẫn đến nạn phá rừng, sử dụng đất không bền vững, ô nhiễm không khí và khai thác quá mức các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Trẻ em là nhóm đặc biệt dễ bị tổn thương, có nguy cơ cao mắc các bệnh về hô hấp, suy giảm phát triển nhận thức do độc tố, suy dinh dưỡng, bệnh truyền nhiễm và các vấn đề sức khỏe tâm thần, trong đó nhóm trẻ em bị thiệt thòi chịu tác động nhất. Ước tính chỉ riêng ô nhiễm không khí đã gây ra hàng chục nghìn ca tử vong sớm mỗi năm, với thiệt hại kinh tế liên quan vượt quá 13 tỷ USD mỗi năm, tương đương khoảng 4% GDP.

Mất đa dạng sinh học và suy thoái hệ sinh thái làm xói mòn nền tảng của nông nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn. Những áp lực này làm suy yếu khả năng thích ứng, tác động nặng hơn đến các nhóm dễ bị tổn thương như trẻ em và cộng đồng nông thôn, đồng thời làm trầm trọng thêm bất bình đẳng kinh tế - xã hội hiện hữu. Nếu không có hành động quyết liệt, các mối đe dọa môi trường này sẽ không chỉ làm gia tăng nghèo đói và bất bình đẳng mà còn gây tổn hại đến các hệ sinh thái, qua đó cản trở triển vọng phát triển dài hạn của quốc gia, khiến các nhóm yếu thế tiếp tục bị mắc trong vòng xoáy rủi ro và dễ bị tổn thương. Nâng cao khả năng thích ứng phụ thuộc vào việc tăng cường đầu tư cho thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai và quản trị môi trường, đồng thời chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh và bền vững hơn nhằm bảo vệ con người và các hệ sinh thái thiết yếu với con người. Việc thích ứng cũng sẽ đòi hỏi những thay đổi trong sản xuất lương thực. Mở rộng các phương thức canh tác lúa thông minh thích ứng với khí hậu và phát thải thấp, thúc đẩy nông nghiệp bền vững và phục hồi đất bị thoái hóa là những yếu tố then chốt để tăng cường khả năng thích ứng.

Những trở ngại trong quá trình chuyển đổi kinh tế

Mô hình tăng trưởng của Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào lao động giá rẻ và sản xuất định hướng xuất khẩu, tuy nhiên cách tiếp cận này đang dần bộc lộ những hạn chế. Tăng trưởng năng suất có xu hướng chậm lại, trong khi đó khoảng 64,6% lực lượng lao động vẫn làm việc trong khu vực phi chính thức và chưa được tiếp cận đầy đủ với các cơ chế an sinh xã hội. Trong bối cảnh đó, việc đầu tư phát triển nguồn nhân lực và các kỹ năng của thế kỷ 21 trở nên đặc biệt cấp thiết. Tuy nhiên, khoảng cách kỹ năng hiện là một rào cản lớn, khi chỉ có 36% thanh niên sở hữu kỹ năng số cơ bản. Nhiều học sinh còn thiếu các kỹ năng nền tảng như đọc viết, tính toán, kỹ năng xã hội – cảm xúc và các kỹ năng cần thiết cho việc làm, đặc biệt là ở trẻ em và thanh niên ở khu vực nông thôn và các dân tộc thiểu số.

Mặc dù Việt Nam đã mở rộng đáng kể cơ hội tiếp cận giáo dục và gần đạt mục tiêu phổ cập giáo dục bắt buộc, vẫn còn tồn tại khoảng cách trong việc bảo đảm giáo dục có chất lượng và bao trùm cho mọi trẻ em. Hệ quả là còn nhiều học sinh chưa được trang bị đầy đủ các kỹ năng cần thiết – bao gồm kỹ năng nền tảng, kỹ năng xã hội – cảm xúc, kỹ năng mềm và kỹ năng số – để chuyển tiếp hiệu quả từ học tập sang làm việc.

Những khoảng trống này vẫn đang hạn chế khả năng chuyển dịch của nền kinh tế sang các ngành có giá trị gia tăng cao và tận dụng các cơ hội từ chuyển đổi xanh và chuyển đổi số. Khi chỉ có 36% sinh

viên tốt nghiệp các ngành STEM là nữ, việc thu hẹp khoảng cách giới trong lĩnh vực này không chỉ là yêu cầu cấp thiết mà còn là điều kiện tiên quyết cho việc phát triển kinh tế bao trùm.

Các doanh nghiệp trong nước cũng đang đối mặt với những rào cản đáng kể. Tình trạng thiếu liên kết giữa các doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) trong nước vẫn còn làm hạn chế quá trình chuyển giao công nghệ và giảm khả năng tạo giá trị trong nước. Trong giai đoạn 2009–2023, tỷ lệ doanh nghiệp nội địa tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu đã giảm từ 35% xuống còn 18%, cho thấy mức độ phụ thuộc ngày càng lớn vào khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Những thách thức này cũng đi kèm với khả năng tiếp cận tài chính hạn chế và những khoảng cách kéo dài trong giáo dục và phát triển kỹ năng.

Hệ thống nông nghiệp và thực phẩm tiếp tục giữ vai trò quan trọng đối với sinh kế, đặc biệt tại khu vực nông thôn. Việc củng cố chuỗi giá trị, thúc đẩy thủy sản và nuôi trồng thủy sản bền vững, cũng như phát triển nông nghiệp số có thể góp phần nâng cao năng suất, tạo việc làm có chất lượng và tăng cường năng lực cạnh tranh của Việt Nam.

Các tồn tại về quản trị và năng lực thể chế

Các cải cách hành chính của Chính phủ đã tạo ra cơ hội rất quan trọng để hiện đại hóa bộ máy nhà nước và nâng cao hiệu quả hoạt động. Đơn vị hành chính cấp xã vẫn còn thiếu nguồn lực và kỹ năng cần thiết để cung cấp các dịch vụ công chất lượng, đây là vấn đề cần được khắc phục.

Việc tinh giản biên chế dự kiến sẽ cắt giảm hơn 100.000 vị trí, qua đó đặt ra những thách thức trong giai đoạn chuyển tiếp, đặc biệt tại khu vực nông thôn – nơi cơ hội việc làm thay thế còn nhiều hạn chế – và có thể phát sinh các tác động giới.

Thành công của các cải cách này sẽ phụ thuộc vào khả năng vừa nâng cao hiệu quả, vừa bảo đảm cung ứng dịch vụ công một cách công bằng, củng cố niềm tin của người dân và thực hiện nguyên tắc không để ai bị bỏ lại phía sau.

Hạn chế về nguồn lực tài chính

Tham vọng trở thành quốc gia thu nhập cao và hoàn thành các mục tiêu phát triển của Việt Nam đòi hỏi nguồn lực tài chính đáng kể. Nguồn vốn ODA đã giảm mạnh, từ mức 3,84% GDP năm 2001 xuống còn 0,012% GDP vào năm 2022, trong bối cảnh Việt Nam chuyển sang nhóm nước có thu nhập trung bình. Việc huy động nguồn lực trong nước còn gặp trở ngại do những hạn chế trong chính sách thuế và hiệu quả quản lý tài chính công chưa cao. Trong bối cảnh nguồn vốn ODA tiếp tục giảm, tầm quan trọng của việc nâng cao hiệu quả và sử dụng có tính chiến lược các nguồn vốn ưu đãi ngày càng trở nên rõ ràng. Đồng thời, FDI vẫn là nguồn vốn quan trọng; tuy nhiên, việc duy trì dòng vốn này phụ thuộc vào việc tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, cơ sở hạ tầng và chất lượng nguồn nhân lực. Việc thu hút FDI chất lượng cao vào các lĩnh vực hướng tới phát triển bền vững và các mục tiêu SDGs ngày càng trở nên cấp thiết.

Tài chính xanh và các cơ chế tài chính hỗn hợp vẫn chưa được phát triển tương xứng, trong khi sự tham gia của khu vực tư nhân vào tài chính phát triển còn nhiều dư địa cần được thúc đẩy. Việc huy động đầu tư tư nhân, mở rộng các công cụ tài chính đổi mới như tài chính hỗn hợp và trái phiếu xanh, cũng như định hướng dòng vốn phù hợp với các ưu tiên quốc gia là những yếu tố then chốt nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng tăng và duy trì tăng trưởng bao trùm.

3.2 Khuyến nghị

Việt Nam đang đứng trước một giai đoạn mang tính bước ngoặt trong tiến trình phát triển. Mục tiêu trở thành quốc gia thu nhập cao vào năm 2045 và đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 không chỉ phản ánh khát vọng phát triển kinh tế, mà còn thể hiện tầm nhìn chiến lược về một xã hội có khả năng thích ứng, bao trùm và bền vững. Những mục tiêu này không chỉ yêu cầu tăng trưởng bền vững, mà còn đòi hỏi những cải cách táo bạo nhằm mở rộng cơ hội, bảo vệ môi trường và đảm bảo mọi người dân đều được thụ hưởng thành quả phát triển.

Để giải quyết các thách thức phát triển có mối liên hệ mật thiết với nhau và chuyển hóa các mục tiêu thành những kết quả cụ thể, Việt Nam cần triển khai một chương trình cải cách tổng thể ở cấp quốc gia, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi mang tính hệ thống, dựa trên cách tiếp cận dựa trên quyền con người, đề cao các nguyên tắc bình đẳng, trách nhiệm giải trình, sự tham gia, minh bạch và không phân biệt đối xử, đồng thời phù hợp với nguyên tắc không để ai bị bỏ lại phía sau và bình đẳng giới. Các khuyến nghị chiến lược được đề xuất như sau:

- **Đầu tư vào phát triển nguồn nhân lực toàn diện.** Mở rộng hệ thống an sinh xã hội để đạt được phạm vi bao phủ toàn dân và tăng tỷ lệ việc làm chính thức; đầu tư vào hệ thống y tế, giáo dục, xã hội và bảo vệ trẻ em nhằm thu hẹp chênh lệch vùng miền; phát triển nền kinh tế chăm sóc; thúc đẩy bình đẳng giới và vai trò lãnh đạo của phụ nữ, đảm bảo nguyên tắc trả lương bình đẳng cho công việc có giá trị như nhau, đồng thời thúc đẩy sự tham gia của thanh niên và phát triển kỹ năng, với các chương trình mục tiêu dành cho các nhóm dân tộc thiểu số và các nhóm dễ bị tổn thương khác.

- **Thúc đẩy một nền kinh tế bao trùm, năng suất cao và bền vững.** Chuyển đổi từ mô hình tăng trưởng dựa vào thâm dụng lao động sang mô hình dựa trên năng suất và đổi mới sáng tạo, thông qua việc mở rộng đào tạo kỹ năng nền tảng, kỹ năng mềm, giáo dục STEM, đào tạo nghề, cũng như nâng cao năng lực số và kỹ năng số, đặc biệt đối với người dân khu vực nông thôn, phụ nữ, thanh niên và các nhóm dân tộc thiểu số. Ưu tiên nâng cao năng lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh toàn cầu và thúc đẩy tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, thông qua việc tăng cường liên kết giữa khu vực FDI và doanh nghiệp trong nước, nâng cấp công nghệ, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và cải thiện khả năng tiếp cận tài chính.

- **Thúc đẩy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo theo hướng công bằng.** Để tận dụng tiềm năng và giảm thiểu rủi ro của công nghệ số, Việt Nam cần hoàn thiện chính sách về chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, cải thiện khung pháp lý, đồng thời hỗ trợ khởi nghiệp bao trùm thông qua các cơ chế khuyến khích tài chính và phi tài chính. Mở rộng hạ tầng số, gia tăng đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, và nâng cao kỹ năng số – đặc biệt đối với các nhóm đối tượng yếu thế – là yếu tố then chốt nhằm bảo đảm tiếp cận công bằng với các cơ hội và lợi ích kinh tế. Đồng thời, cần giải quyết các bất bình đẳng giới trong môi trường số, phòng ngừa bạo lực và quấy rối trên không gian mạng, và bảo đảm các dịch vụ xã hội số có giá cả phải chăng, bao trùm, nhằm tránh làm gia tăng các bất bình đẳng hiện hữu.

- **Thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh và công bằng.** Triển khai Quy hoạch điện VIII và Chương trình đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) đi kèm với các cơ chế bảo đảm an toàn xã hội chặt chẽ; đầu tư vào các giải pháp dựa vào thiên nhiên và hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường các hành động bảo vệ môi trường nhằm xử lý ô nhiễm và suy giảm đa dạng sinh học; đồng thời bảo đảm các cộng đồng dễ bị tổn thương được hưởng lợi và được bảo vệ trong quá trình chuyển đổi.

- **Tăng cường quản trị tốt, công lý, pháp quyền và chính sách dựa trên dữ liệu.** Tiếp tục củng cố năng lực của các thiết chế ở cấp trung ương và địa phương nhằm bảo đảm thực thi hiệu quả chức năng của Nhà nước và xây dựng hệ thống hành chính linh hoạt, định hướng phục vụ, lấy người dân làm trung tâm; bảo đảm sự phù hợp của khung pháp lý lao động với các tiêu chuẩn lao động quốc tế; thúc đẩy sự tham gia toàn diện của cộng đồng và đối thoại xã hội;

đồng thời nâng cao hệ thống dữ liệu với quản trị chặt chẽ và chất lượng cao, nhằm cung cấp dữ liệu kịp thời, phù hợp, được phân tổ, phục vụ hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng và theo dõi tiến độ thực hiện nguyên tắc không để ai bị bỏ lại phía sau.

- **Huy động nguồn lực tài chính trong nước và đổi mới sáng tạo.** Mở rộng huy động và khai thác nguồn lực trong nước thông qua cải cách thuế theo hướng lũy tiến và cải cách tài khóa xanh; thúc đẩy mở rộng các công cụ tài chính như tài chính hỗn hợp, trái phiếu xanh và hợp tác công – tư; tăng cường thu hút FDI chất lượng cao và định hướng dòng vốn tư nhân vào các lĩnh vực phù hợp với SDGs và phát triển xanh; đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý tài chính công nhằm phân bổ nguồn lực công bằng và hiệu quả hơn, có tính đến các yếu tố xã hội và trách nhiệm giới.

- Áp dụng cách tiếp cận toàn xã hội, toàn Chính phủ và lấy người dân làm trung tâm. Tăng cường phối hợp giữa chính quyền trung ương và địa phương, các đối tác xã hội, tổ chức xã hội, các tổ chức học thuật và khu vực tư nhân, các nhóm lãnh đạo đa dạng và bao trùm; đồng thời phát huy vai trò của Việt Nam trong khu vực ASEAN và các diễn đàn toàn cầu nhằm thu hút nguồn lực tài chính, tri thức và công nghệ.

PHỤ LỤC I:
BÁO CÁO VỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN

Phân tích quốc gia (CA) là đánh giá độc lập, dựa trên bằng chứng và mang tính định hướng tương lai của Liên Hợp Quốc về bối cảnh phát triển bền vững của Việt Nam. Tài liệu này thiết lập nền tảng phân tích nhằm phục vụ việc xây dựng Khung chiến lược hợp tác phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc giai đoạn 2027–2031, đồng thời cung cấp các phân tích và khuyến nghị chính sách đáng tin cậy để hỗ trợ tiến trình phát triển bền vững của Việt Nam.

Quá trình xây dựng

CA được xây dựng dựa trên phương pháp tiếp cận đổi mới, kết hợp giữa hoạch định tầm nhìn chiến lược, phân tích định lượng và định tính, cùng với tham vấn có sự tham gia của nhiều bên liên quan nhằm bảo đảm cách tiếp cận toàn diện đối với tiến trình phát triển, các rủi ro và cơ hội.

Báo cáo được phát triển thông qua một quy trình tích hợp, theo từng bước. Dưới sự định hướng của Nhóm quốc gia LHQ, mục tiêu và phạm vi của CA được xác định nhằm bảo đảm các phát hiện và khuyến nghị mang tính hành động và hướng tới tương lai, phục vụ xây dựng Khung Hợp tác. Các công cụ hoạch định tầm nhìn chiến lược, như rà soát sớm, được áp dụng để có cái nhìn toàn diện về bối cảnh phát triển bền vững đang biến đổi của Việt Nam.

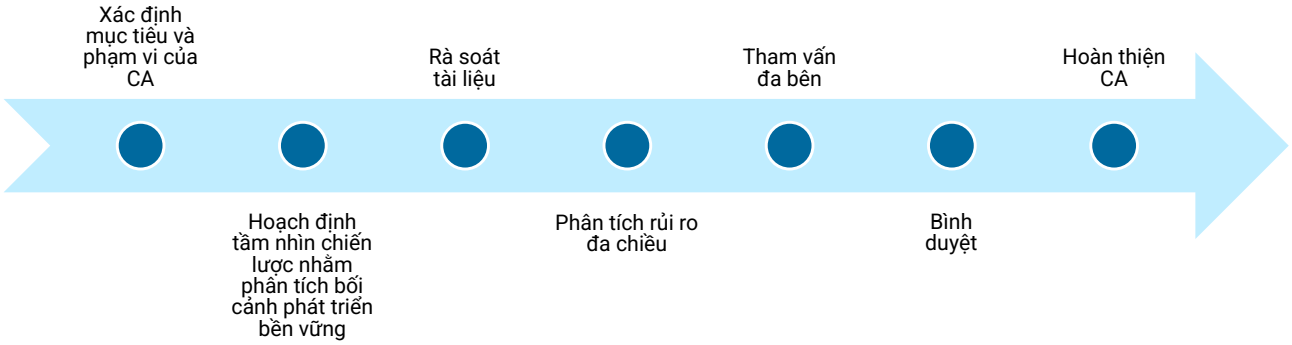

Hoạt động rà soát tài liệu được thực hiện nhằm phân tích một loạt các vấn đề chuyên đề và liên ngành, bao trùm các trụ cột của phát triển bền vững như kinh tế, xã hội, môi trường và quản trị. Văn phòng Điều phối viên thường trú LHQ (UNRCO) đã chủ trì công tác xây dựng và soạn thảo báo cáo, với sự đóng góp chuyên môn từ các cơ quan Liên Hợp Quốc cho từng phần nội dung, với một cố vấn quốc tế hỗ trợ tổng hợp và biên tập. Quy trình chuẩn bị được giám sát bởi Nhóm Quản lý Chương trình (PMT), với sự định hướng chiến lược từ Điều phối viên Thường trú LHQ và Nhóm quốc gia LHQ.

Nhận thức được tầm quan trọng của quy trình toàn diện, bao trùm và có sự tham gia, các cuộc tham vấn đa bên đã được tổ chức để kiểm chứng và thảo luận kết quả phân tích và khuyến nghị, cũng như ghi nhận quan điểm của các bên liên quan về ưu tiên và lộ trình phát triển bền vững của Việt Nam. Đáng chú ý, các phát hiện và khuyến nghị đã được trình bày chi tiết để thảo luận tại cuộc họp của Ban chỉ đạo chung của Chính phủ - LHQ vào tháng 8/2025.

Để đảm bảo chất lượng và tính chính xác của phân tích, báo cáo CA đã trải qua quy trình bình duyệt và bảo đảm chất lượng theo nhiều vòng. Báo cáo đã được PMT và UNCT rà soát qua nhiều vòng. Để đảm bảo chất lượng, báo cáo được trình Nhóm Hỗ trợ Đồng đẳng (PSG) thông qua Văn phòng Điều phối Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDCO) trước khi được hoàn thiện và UNCT phê duyệt.

Khung phân tích và công cụ

Dựa trên dữ liệu định lượng và định tính, phân tích được thực hiện trên nhiều vấn đề chuyên đề và liên ngành, bao trùm các khía cạnh của phát triển bền vững như kinh tế, xã hội, môi trường và quản

trị. Một khung phân tích đa tầng đã được áp dụng nhằm xác định các nguyên nhân gốc rễ và các động lực mang tính cấu trúc của những thách thức phát triển kéo dài, đồng thời nhận diện cơ hội cho chuyển đổi hệ thống và tiên lượng các rủi ro đa chiều cũng như các xu hướng mới nổi có thể định hình quỹ đạo phát triển của Việt Nam.

Tuân theo Hướng dẫn về chức năng phân tích của Liên Hợp Quốc năm 2024, các nguyên tắc cốt lõi của Liên Hợp Quốc như tiếp cận dựa trên quyền con người (HRBA), bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (GEWE), và nguyên tắc không để ai bị bỏ lại phía sau (LNOB) được lồng ghép xuyên suốt trong mọi giai đoạn của quá trình phân tích.

Nhiều công cụ phân tích đã được sử dụng để tiến hành phân tích dữ liệu định lượng và định tính. Công cụ phân tích LNOB của UNESCAP được sử dụng để xác định các nhóm dân cư có nguy cơ bị bỏ lại phía sau dựa trên các rủi ro chồng chéo như tình trạng kinh tế - xã hội, vị trí địa lý, giới, tình trạng khuyết tật và dân tộc. Phương pháp đánh giá tài chính phát triển (DFA) đã được áp dụng nhằm lập bản đồ các dòng tài chính phát triển và xác định các khoảng trống và cơ hội về tài chính. Các công cụ hoạch định tầm nhìn chiến lược, bao gồm xác nhận thực tiễn và xây dựng kịch bản, cũng được áp dụng để tổng hợp các phát hiện, xây dựng khuyến nghị và lựa chọn kịch bản nhằm tiên lượng rủi ro phát triển.

Phân tích chắc chắn còn một số hạn chế do thiếu dữ liệu phân tổ cho nhiều nhóm dân cư. Thêm vào đó, phân tích này dựa trên các nguồn dữ liệu thứ cấp, trong một số trường hợp đã lỗi thời hoặc thiếu độ chi tiết. Tuy nhiên, các hạn chế này đã cố gắng được giảm thiểu thông qua việc đối chiếu từ nhiều nguồn dữ liệu, tận dụng kinh nghiệm chuyên gia và bổ sung bằng các thông tin định tính thu thập từ quá trình tham vấn.

Nguồn dữ liệu

Dữ liệu được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau. Dữ liệu định tính được tổng hợp từ các văn bản chính sách hiện hành, các nghiên cứu và tài liệu phân tích do Chính phủ, các cơ quan Liên Hợp Quốc, các tổ chức tài chính quốc tế (IFI), các đối tác phát triển, các viện nghiên cứu và các tổ chức học thuật công bố. Các tài liệu từ cơ chế bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền của Liên Hợp Quốc, bao gồm các khuyến nghị của Rà soát định kỳ phổ quát toàn cầu (UPR) và các báo cáo của Báo cáo viên Đặc biệt, cũng được tham khảo.

Dữ liệu định lượng, bao gồm số liệu thống kê, được thu thập từ các nguồn trong nước và quốc tế như từ các bộ, ngành của Chính phủ, Cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, UNESCAP, UNCTAD, Các chỉ số Phát triển Thế giới (WDI), Cơ sở dữ liệu Triển vọng Kinh tế Thế giới, cùng các cơ quan Liên Hợp Quốc và các nguồn liên quan khác.

Tham vấn đa bên

Danh sách các bên liên quan được tham vấn được liệt kê trong bảng dưới đây.

STT	Nhóm bên liên quan
1	Các bộ, ngành và cơ quan nhà nước của Chính phủ Việt Nam; Ban Chính sách, Chiến lược Trung ương
2	Khu vực tư nhân (ví dụ: phòng thương mại, hiệp hội doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa) và các tổ chức sử dụng lao động
3	Các tổ chức tài chính quốc tế (IFI) và các đối tác phát triển (DP)
4	Các tổ chức phi chính phủ (NGO), tổ chức xã hội và cơ sở, tổ chức đại diện người lao động, tổ chức học thuật và viện nghiên cứu
5	Đại diện của các nhóm dân cư khác nhau (ví dụ: trẻ em và thanh niên, phụ nữ, người khuyết tật, người nhiễm HIV và các nhóm nguy cơ cao, người di cư, dân tộc thiểu số, người cao tuổi và cộng đồng LGBTQI+)

PHỤ LỤC II:
TÓM TẮT KẾT QUẢ THAM VẤN ĐA BÊN

Tổng quan

Việt Nam đang đứng trước một thời điểm mang tính giao thoa, khi chuyển đổi số, áp lực khí hậu và tình trạng việc làm phi chính thức kéo dài cùng tồn tại, tạo ra cả cơ hội mới và những thách thức phức tạp. Các cuộc tham vấn, được tổ chức trong ba ngày (18–20/8/2025) với sự tham gia của đại diện các bộ, ngành của Chính phủ, các đối tác phát triển, khu vực tư nhân, tổ chức xã hội, đại diện các nhóm dễ bị tổn thương và tổ chức học thuật, cho thấy sự đồng thuận cao rằng các mục tiêu đầy tham vọng của Việt Nam – trở thành quốc gia thu nhập cao vào năm 2045 và đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 – đòi hỏi những thay đổi quan trọng trong cách tiếp cận quản trị, cơ cấu kinh tế và hệ thống an sinh xã hội.

Các ưu tiên và cơ hội phát triển

Quá trình chuyển đổi số nổi lên như một yêu cầu cấp thiết, đồng thời cũng là nguồn gốc của những lo ngại về tình trạng mất việc làm và bất bình đẳng. Các bên tham gia nhấn mạnh rằng, mặc dù Nghị quyết 57 về chuyển đổi số mở ra cơ hội lớn, việc đẩy mạnh ứng dụng AI và công nghệ số có nguy cơ khiến 60–70% lực lượng lao động trong khu vực phi chính thức bị bỏ lại phía sau. Các bên liên quan nhấn mạnh tiềm năng để Việt Nam trở thành trung tâm công nghệ khu vực, trong khi các tổ chức xã hội bày tỏ quan ngại về giám sát số, suy giảm quyền riêng tư và làm gia tăng khoảng cách số. Các bên tham gia dự báo rằng công nghệ y tế và công nghệ nông nghiệp sẽ đóng vai trò chủ đạo trong thập kỷ tới, với việc robot trở nên phổ biến trong các nhà máy và trang trại.

Tính dễ bị tổn thương trước biến đổi khí hậu và quá trình chuyển dịch năng lượng được nhìn nhận vừa là thách thức lớn, vừa là cơ hội mang tính chuyển đổi. Các bên liên quan cho rằng, mặc dù Việt Nam đã cam kết các mục tiêu khí hậu đầy tham vọng, bao gồm Quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng, việc triển khai vẫn còn phân tán. Suy thoái môi trường, phá rừng và ô nhiễm được xác định là các mối đe dọa cấp bách cần được giải quyết, song đồng thời, chuyển đổi xanh cũng được coi là con đường dẫn đến hiện đại hóa nền kinh tế. Quan ngại giữa việc duy trì tăng trưởng kinh tế thông qua các ngành công nghiệp truyền thống trong khi chuyển đổi sang năng lượng tái tạo đã nổi lên như một thách thức quan trọng, đòi hỏi các cơ chế tài chính đổi mới và chuyển giao công nghệ.

Những thay đổi về nhân khẩu học, đặc biệt là tốc độ già hóa dân số nhanh chóng, tạo áp lực lên hệ thống y tế, an sinh xã hội và lao động. Dự kiến đến năm 2035, cứ ba người thì sẽ có một người là người cao tuổi, làm thay đổi tỷ lệ phụ thuộc và gây áp lực lên các hệ thống hỗ trợ hiện có. Quá trình chuyển đổi nhân khẩu học này giao thoa với những bất bình đẳng kéo dài. Các bên tham gia nhấn mạnh rằng những thành tựu trong giảm nghèo đang giúp xóa dần các khoảng cách ngày càng gia tăng trong tiếp cận y tế, giáo dục và an sinh xã hội, đặc biệt đối với cộng đồng dân tộc thiểu số và người dân khu vực nông thôn.

Ưu tiên theo nhóm bên liên quan

- **Các đại diện bộ, ngành chính phủ** tập trung vào: cơ hội chuyển đổi số thông qua Nghị quyết 57 và việc ứng dụng AI, đồng thời bày tỏ quan ngại về tội phạm mạng, vi phạm quyền riêng tư và nguy cơ mất việc làm trong bối cảnh hệ thống an sinh xã hội chưa đáp ứng đầy đủ. Họ ưu tiên thúc đẩy phát triển kinh tế thông qua thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), xây dựng trung tâm tài chính quốc tế và tăng cường hợp tác với các tập đoàn đa quốc gia nhằm chuyển giao công nghệ, đặc biệt trong các lĩnh vực mới nổi như bán dẫn. Các thách thức về môi trường cũng được chú trọng, với việc các bên tham gia nhấn mạnh thách thức trong cân bằng giữa các cam kết chuyển đổi xanh và duy trì các ngành công nghiệp truyền thống, cùng với những hạn chế về năng lực kỹ thuật trong giám sát môi trường. Các bên tham gia bày tỏ lo lắng về năng lực triển khai ở cấp địa

phương, khi trách nhiệm gia tăng nhưng chưa đi kèm với nguồn lực và nâng cao năng lực tương xứng. Đồng thời, nhấn mạnh sự cần thiết của việc xây dựng các cơ chế an sinh xã hội vững chắc.

- **Các tổ chức xã hội và học thuật** nhấn mạnh: tính dễ bị tổn thương trước biến đổi khí hậu (với những tổn thất gần đây do thiên tai cho thấy tính cấp bách), tình trạng già hóa dân số nhanh vượt dự báo, và thực tế hơn 60% lực lượng lao động làm việc trong khu vực phi chính thức, khiến hàng triệu người không được tiếp cận an sinh xã hội. Các bên tham gia xác định chuyển đổi số và tính trung lập trong ngoại giao của Việt Nam là những cơ hội quan trọng, cùng với cải cách quản trị mở ra không gian cho sự tham gia của tổ chức xã hội. Việc chính thức hóa khu vực kinh tế phi chính thức vừa được xem vừa là cơ hội, vừa có nguy cơ rủi ro — có thể mở rộng độ bao phủ an sinh xã hội, nhưng cũng có nguy cơ làm gia tăng nghèo đói nếu chi phí tuân thủ cao và triển khai không phù hợp.

- **Các đối tác phát triển và khu vực tư nhân** nhấn mạnh: tính dễ bị tổn thương trước biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường (đặc biệt là mất đa dạng sinh học ảnh hưởng đến các cộng đồng dân tộc thiểu số), hạn chế về không gian tham gia của các tổ chức xã hội, khoảng cách số ngày càng gia tăng, đặc biệt đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, và những khoảng trống về năng lực thể chế sau quá trình tái cơ cấu bộ máy nhà nước - "tình trạng quá tải quy định" là một vấn đề nổi bật phản ánh khoảng cách giữa chính sách và thực tiễn triển khai. Về cơ hội, các đối tác nhấn mạnh cam kết phát thải ròng bằng "0" và NDC 3.0 của Việt Nam như những điểm khởi đầu cho chuyển đổi xanh; tiềm năng của kinh tế số bất chấp các rủi ro đi kèm; lợi thế của mô hình quản trị hai cấp trong việc nâng cao hiệu quả; và khả năng phát triển các cơ chế tài chính đổi mới như tài chính hỗn hợp và trái phiếu xanh nhằm bù đắp sự suy giảm của nguồn vốn ODA. Xuyên suốt ba lĩnh vực chủ đề, tài chính công và hệ thống phân bổ nguồn lực được xác định là hệ thống nền tảng cần được ưu tiên cải cách nhiều nhất.

Các hệ thống trọng tâm cần giải quyết

Sự chuyển đổi từ quản trị công sang quản trị nhà nước không chỉ đơn thuần là thay đổi về mặt ngữ nghĩa – nó phản ánh sự thay đổi trong cách thức vận hành của Nhà nước. Các đại diện phía Chính phủ diễn giải điều này là sự chuyển đổi từ "quản lý" sang "quản trị", nhấn mạnh vai trò của Nhà nước trong việc tạo lập môi trường thuận lợi thay vì chỉ ban hành chỉ đạo hành chính. Điều này đòi hỏi tăng cường phối hợp giữa trung ương và địa phương, nâng cao hệ thống dữ liệu phục vụ hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng, và tạo không gian tham gia thực chất cho các tổ chức xã hội. Quá trình tái cơ cấu đang diễn ra, bao gồm việc giảm số lượng bộ, ngành và đơn vị hành chính cấp tỉnh, được một số ý kiến coi là cơ hội nâng cao hiệu quả, song cũng tạo ra một số lo ngại về năng lực triển khai ở cấp địa phương.

Khoảng cách giữa giáo dục và việc làm cần được giải quyết vượt ra ngoài việc điều chỉnh chương trình đào tạo. Sự chênh lệch giữa kết quả giáo dục và nhu cầu thị trường lao động là một vấn đề kéo dài và có khả năng trở nên trầm trọng hơn do những thay đổi trong nền kinh tế. Các bên tham gia gặp khó khăn trong việc đưa ra các lộ trình cụ thể để đào tạo lại kỹ năng cho lực lượng lao động hiện có hoặc chuẩn bị cho thanh niên bước vào những công việc chưa xuất hiện. Sự thống trị của khu vực kinh tế phi chính thức càng làm vấn đề trở nên phức tạp – làm thế nào để các hệ thống giáo dục chính quy có thể chuẩn bị người lao động cho một nền kinh tế mà phần lớn việc làm vẫn nằm ngoài khu vực chính thức.

Kiến trúc an sinh xã hội cần được mở rộng từ mạng lưới an toàn sang một hệ thống toàn diện. Hiện nay, phạm vi bao phủ vẫn còn hạn chế, trong đó phần lớn lao động khu vực phi chính thức chưa được tiếp cận các trợ cấp cơ bản. Các bên tham gia ủng hộ bảo hiểm xã hội toàn dân, tuy nhiên việc triển khai còn đối mặt với nhiều trở ngại: người lao động lo ngại giảm thu nhập khi chính thức hóa việc làm, người sử dụng lao động không muốn phát sinh thêm chi phí, và Nhà nước thiếu dữ liệu đầy đủ về lao động phi chính thức.

Các hệ thống dữ liệu và bằng chứng – và rộng hơn là cách thức ra quyết định dựa trên bằng chứng – được xem là nền tảng cho chuyển đổi. Nhiều nhóm ý kiến nhấn mạnh rằng nếu không có dữ liệu đáng tin cậy, được phân tổ đầy đủ và được cơ quan nhà nước công nhận, các quyết định chính sách

sẽ thiếu cơ sở vững chắc. Một số bên tham gia đã đặt vấn đề với một số phát hiện của Liên Hợp Quốc, đặc biệt là các kết quả dựa trên khảo sát PAPI, cho rằng quy mô mẫu chưa đủ đại diện cho một quốc gia hơn 100 triệu dân. Điều này phản ánh những vấn đề sâu xa hơn liên quan đến tính hợp pháp của bằng chứng và vai trò của dữ liệu trong quá trình hoạch định chính sách.

Vai trò dự kiến của Hệ thống Liên Hợp Quốc

Các bên liên quan mong muốn Liên Hợp Quốc chuyển từ vai trò cung cấp dịch vụ sang vai trò tạo lập tri thức và thúc đẩy chuyển đổi-. Các đại diện của các tổ chức xã hội đã thẳng thắn nhận định rằng Liên Hợp Quốc ngày càng trở thành một «tổ chức cung cấp dịch vụ», cạnh tranh với các tổ chức phi chính phủ trong nước về không gian triển khai, thay vì tập trung vào các vấn đề chính sách và hệ thống. Họ kêu gọi Liên Hợp Quốc phát huy vai trò điều phối, kết nối Chính phủ, khu vực tư nhân và tổ chức xã hội theo cách mà các tổ chức riêng lẻ khó có thể thực hiện.

Lợi thế so sánh của Liên Hợp Quốc nằm ở khả năng đưa vào các kinh nghiệm và tiêu chuẩn quốc tế, trong khi vẫn tôn trọng bối cảnh đặc thù của Việt Nam. Các cơ quan Chính phủ đề nghị hỗ trợ trong ba lĩnh vực cụ thể: chuyển giao chuyên môn kỹ thuật từ các quốc gia có kinh nghiệm liên quan; hỗ trợ xây dựng các mô hình phát triển mới phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam; và hỗ trợ triển khai chính sách ở cấp tỉnh và địa phương. Tuy nhiên, các bên cũng nhấn mạnh rằng các bài học quốc tế cần được điều chỉnh phù hợp, không sao chép máy móc, và phải chú trọng đến bối cảnh chính trị – văn hóa.

Những thách thức trong phối hợp nội bộ của hệ thống Liên Hợp Quốc phản ánh tình trạng phân mảnh rộng hơn trong hợp tác phát triển. Các thành viên tham gia lưu ý rằng, bất chấp những nỗ lực lập trình chung, các cơ quan Liên Hợp Quốc có xu hướng trùng lặp hoạt động và cạnh tranh về mức độ hiện diện. Ví dụ, sự tham gia của nhiều cơ quan cùng xử lý vấn đề biến đổi khí hậu có thể gây ra sự chồng chéo và làm gia tăng chi phí phối hợp đối với các đối tác Chính phủ. Các bên liên quan kêu gọi tăng cường phối hợp thực chất, vượt ra ngoài chia sẻ thông tin, hướng tới xây dựng các chương trình tích hợp; đồng thời đề xuất tập trung theo địa bàn hoặc theo chủ đề cụ thể để nâng cao hiệu quả hợp tác.

Các phương thức hỗ trợ cụ thể được đề xuất bao gồm:

- Các sản phẩm tri thức về các lộ trình phát triển thay thế, không chỉ dừng ở các giải pháp truyền thống
- Hỗ trợ thúc đẩy hợp tác công – tư, đặc biệt trong phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa
- Hỗ trợ kỹ thuật cho chuyển đổi số và chuyển đổi xanh
- Ủng hộ việc mở rộng hệ thống an sinh xã hội cho người lao động khu vực phi chính thức
- Nâng cao năng lực hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng ở cấp địa phương
- Trực tiếp tham gia đối thoại với cộng đồng để nhận diện những thiếu sót trong quá trình triển khai.

CHÚ THÍCH CUỐI

[1] Ngân hàng Thế giới (2024). “Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người, phương pháp Atlas (USD hiện hành) – Việt Nam.” Chỉ số phát triển thế giới. https://data.worldbank.org/indicator/NY.GNP.PCAP.CD?locations=VN
Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (CTTCP) (2024). “Khoảng 15,8 triệu hộ gia đình sống dưới chuẩn nghèo tại Việt Nam: Báo cáo.” https://en.baochinhphu.vn/about-158-million-households-live-under-poverty-line-in-viet-nam-report-111240221164312409.htm

[2] Chính phủ Việt Nam (2025). “Báo cáo tóm tắt: Kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và giai đoạn 5 năm 2021–2025; dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.” Báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội. *Hà Nội, ngày 20/10/2025*.

[3] Tài liệu đã dẫn.

[4] Chính phủ Việt Nam (2025). “Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.” Trích từ Việt Nam News, ngày 9/5/2025. Truy cập tại: https://vietnamnews.vn/opinion/1694903/explainer-new-era-of-nation-s-rise-what-are-practical-grounds-for-viet-nam-to-enter-this-time.html.

[5] Cục Thống kê (2025). “Thông cáo báo chí: Tình hình kinh tế - xã hội trong quý IV và năm 2024,” ngày 4/2/2025. Truy cập tại: https://www.gso.gov.vn/en/highlight/2025/02/socio-economic-situation-in-the-fourth-quarter-and-2024/.

[6] Ngân hàng Thế giới (2023). "Việt Nam: Top 5 đối tác xuất khẩu năm 2023," Giải pháp thương mại tích hợp toàn cầu (WITS). Truy cập tại: https://wits.worldbank.org/CountrySnapshot/en/VNM.

[7] Cục Thống kê (2020). “Tình trạng già hóa dân số và người cao tuổi tại Việt Nam: Dự báo dân số giai đoạn 2009-2069.” Truy cập tại: https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2021/08/Dan-so-gia-hoaEN.pdf

[8] UN Women (2021). "Tổng quan về bình đẳng giới ở Việt Nam.” Truy cập tại: https://vietnam.unwomen.org/en/digital-library/publications/2021/03/viet-nam-country-gender-equality-profile.

[9] Đảng Cộng sản Việt Nam (2024). “Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”, quyết định của Bộ Chính trị ban hành ngày 22/12/2024. Truy cập tại: https://www.vietnam.vn/en/toan-van-nghi-quyet-57-nq-tw-ve-dot-pha-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-doi-so-quoc-gia

[10] Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (2025). “Thúc đẩy chuyển đổi số cho phát triển bao trùm và bền vững của Việt Nam.” Hà Nội: Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (sắp công bố).

[11] Tài liệu đã dẫn.

[12] OHCHR (2018). “Báo cáo của Báo cáo viên đặc biệt về bạo lực đối với phụ nữ, nguyên nhân và hệ quả, về bạo lực trực tuyến đối với phụ nữ và trẻ em gái dưới góc độ quyền con người.” Truy cập tại: https://www.ohchr.org/EN/Issues/Women/SRWomen/Pages/SRWomenIndex.aspx.

[13] Chính phủ Việt Nam (2023), “Quyết định số 500/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (PDP8)”, ngày 15/5/2023. Truy cập tại: https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=207102

[14] Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (2025). “Báo cáo kết quả thường niên năm 2024”. Truy cập tại: https://Viet Nam.un.org/en/resources

[15] Tài liệu đã dẫn.

[16] Việt Nam News (2025). "GIẢI THÍCH: Chấm dứt hoạt động chính quyền cấp huyện: Lý do và cách thức thực hiện" Việt Nam News, ngày 14/3/2025. Truy cập tại: https://vietnamnews.vn/opinion/op ed/1693940/explainer eliminating district level government why and how this process will be carried out.html

[17] Tài liệu đã dẫn.

[18] Nguyễn Khắc Giang (2025). "Cải cách hành chính ở Việt Nam: Cơ hội và thách thức trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc". Báo cáo triển vọng của ISEAS 2025/14 (ngày 20/2/2025). Truy cập tại: https://www.iseas.edu.sg/articles-commentaries/iseas-perspective/2025-14-vietnams-bureaucratic-reforms-opportunities-and-challenges-in-the-era-of-national-rise-by-nguyen-khac-giang/

[19] Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023). "Báo cáo Rà soát quốc gia tự nguyện năm 2023 về thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững." Truy cập tại: https://vietnam.un.org/en/236167-viet-nam-voluntary-national-review-2023-implementation-sustainable-development-goals

[20] Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2025). "Báo cáo đánh giá giữa kỳ quá trình triển khai Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững." Truy cập tại: https://vietnam.un.org/en/278688-mid-term-review-implementation-national-action-plan-2030-agenda-sustainable-development

[21] Tài liệu đã dẫn.

[22] Chính phủ Việt Nam (2024). "Phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về Phụ nữ, hòa bình và an ninh giai đoạn 2024–2030." Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, tháng 1/2024. Truy cập tại: https://wps.asean.org/resources/approval-of-the-national-action-plan-on-women-peace-and-security-for-the-period-2024-2030-viet-nam/

[23] Tài liệu đã dẫn.

[24] Cổng Thông tin điện tử Chính phủ Việt Nam (2024). Cổng Thông tin điện tử Chính phủ Việt Nam (2024). "Khoảng 1,58 triệu hộ gia đình sống dưới chuẩn nghèo tại Việt Nam: Báo cáo." VGP News, ngày 21/2/2024. Truy cập tại: https://en.baochinhphu.vn/about-158-million-households-live-under-poverty-line-in-vit-nam-report-111240221164312409.htm

[25] UNDP (2021). "Duy trì tốc độ giảm nghèo nhanh ở mọi chiều cạnh và trên toàn lãnh thổ Việt Nam – Báo cáo nghèo đa chiều Việt Nam 2021." Truy cập tại: https://www.undp.org/vietnam/publications/viet-nam-multidimensional-poverty-report-2021

[26] Dữ liệu CEIC (không rõ năm). "Việt Nam – Tỷ lệ mất an ninh lương thực nghiêm trọng trong dân số (% dân số)." Truy cập tháng 7/2025. Truy cập tại: https://www.ceicdata.com/en/vietnam/social-health-statistics/vn-prevalence-of-severe-food-insecurity-in-the-population--of-population

[27] Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023). "Báo cáo Rà soát quốc gia tự nguyện năm 2023 về thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững." Truy cập tại: https://planipolis.iiep.unesco.org/sites/default/files/ressources/viet_nam_vnr_2023_eng.pdf

[28] Chính phủ Việt Nam và Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (2020). "Báo cáo rà soát quốc gia về SDG của Việt Nam năm 2020." Truy cập tại: https://vietnam.un.org/en/88843-viet-nam-national-sdg-review-2020
Tổ chức Y tế Thế giới (2023). "Thống kê y tế thế giới năm 2023." Truy cập tại: https://www.who.int/data/gho/publications/world-health-statistics
UN ESCAP (2023). "Báo cáo tiến độ thực hiện SDG khu vực Châu Á - Thái Bình Dương năm 2023." Truy cập tại: https://www.unescap.org/kp/2023/asia-and-pacific-sdg-progress-report-2023

[29] UNFPA và Bộ Y tế (2021). "Chiến lược quốc gia về sức khỏe sinh sản giai đoạn 2021–2030." Truy cập tại: https://vietnam.unfpa.org/en/publications/national-strategy-reproductive-health-2021-2030
UNFPA (2020). "Không để ai bị bỏ lại phía sau trong ứng phó với COVID-19: Đánh giá nhanh về mức độ dễ bị tổn thương của phụ nữ dân tộc thiểu số." Truy cập tại: https://vietnam.unfpa.org/en/publications/leaving-no-one-behind-covid-19-response

[30] Bộ Kế hoạch và Đầu tư và UN Women (2021). "Tổng quan về bình đẳng giới tại Việt Nam năm 2021", trang 38–39. Truy cập tại: https://vietnam.un.org/en/160359-vietnamcountrygenderequalityprofile2021

[31] Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (2021). "Tổng quan về bình đẳng giới tại Việt Nam năm 2021", trang 18, 26, 28–31, 38–39. Truy cập tại: https://vietnam.un.org/en/160359-viet-nam-country-gender-equality-profile-2021

[32] Cục Thống kê (2025). Thông cáo báo chí về tình hình lao động và việc làm trong quý IV và năm 2024." Ngày 6/1/2025. Truy cập tại: https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iv-va-nam-2024/

[33] Việt Nam News (5/1/2026). "Việt Nam ghi nhận tăng trưởng GDP 8,02% trong năm 2025 và 8,46% trong quý 4." Truy cập tại: https://vietnamnews.vn/economy/1743192/viet-nam-records-8-02-gdp-growth-in-2025-8-46-in-q4.html

[34] UNFPA Việt Nam (2025). "Kế hoạch ứng phó với sự thay đổi về mức sinh ở Việt Nam: Kinh nghiệm trên toàn cầu". (Tài liệu kỹ thuật chưa công bố).

[35] UNFPA (2024). "UNFPA tại Việt Nam tiếp tục cam kết hỗ trợ người cao tuổi trước các thách thức lớn như biến đổi khí hậu." *Tin tức UNFPA Việt Nam*, ngày 4/10/2024. Truy cập tại: https://vietnam.unfpa.org/en/news/unfpa-representative-viet-nam-matt-jackson-unfpa-viet-nam-remains-committed-supporting-elderly

[36] UNFPA Việt Nam (2025). "Dân số già tại Việt Nam: Ứng phó thách thức và tận dụng cơ hội." (Tài liệu kỹ thuật chưa công bố).

[37] Cục Thống kê (2025). "Kết quả sơ bộ Khảo sát dân số giữa kỳ năm 2025."

[38] Cục Thống kê (2021). "Dự báo dân số Việt Nam giai đoạn 2019–2069." Báo cáo do Cục Thống kê thực hiện với hỗ trợ kỹ thuật của UNFPA, công bố ngày 8/7/2021. Truy cập tại: https://vietnam.unfpa.org/en/publications/viet-nam-population-projection-period-2019-2069

[39] Cục Thống kê (2024). "Báo cáo phân tích Tài khoản chuyển giao quốc gia 2024." Truy cập tại: https://vietnam.unfpa.org/sites/default/files/2023-12/Viet%20Nam%20National%20Transfer%20Accounts%20Report_ENG.pdf

[40] Liên Hợp Quốc, Ban Kinh tế và Xã hội, Vụ Dân số (2022). "Triển vọng dân số thế giới năm 2022." Truy cập tại: https://population.un.org/wpp.

[41] Cục Thống kê (dự kiến công bố năm 2025). "Tác động của cơ cấu dân số đến nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 2016–2022." Hà Nội, Việt Nam.

[42] UNFPA Việt Nam (2025). "Dân số già tại Việt Nam: Ứng phó thách thức và tận dụng cơ hội." Hà Nội, Việt Nam. Truy cập tại: https://vietnam.unfpa.org/en/publications/ageing-population-viet-nam-2025

[43] Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) (2018). "Công việc chăm sóc và việc làm trong lĩnh vực chăm sóc cho tương lai của việc làm thỏa đáng: Tóm tắt về Việt Nam." Geneva: ILO. Truy cập tại: https://

www.ilo.org/global/publications/books/WCMS_633135/lang--en/index.htm

[44] Ủy ban Kinh tế và Xã hội Châu Á - Thái Bình Dương của Liên Hợp Quốc (2025). "Không để ai bị bỏ lại phía sau: Tóm tắt báo cáo phân tích chung về Việt Nam." Bangkok: UNESCAP.

[45] UNESCAP, Tài liệu đã dẫn.

[46] UNFPA Việt Nam và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2018). "Bạo lực trên cơ sở giới và khuyết tật tại Việt Nam: Nghiên cứu về trải nghiệm của phụ nữ khuyết tật." Truy cập tại: https://vietnam.unfpa.org/en/publications/genderbasedviolenceanddisabilityvietnam

[47] ILO (2025). Hội thảo kỹ thuật của ILO về thúc đẩy bình đẳng giới trong thế giới việc làm tại Việt Nam. Ngày 29/10/2025, Hà Nội, Việt Nam.

[48] Ngân hàng Thế giới (2025). "Tổng quan Việt Nam." Washington, DC: Ngân hàng Thế giới. Truy cập tại: https://liveprod.worldbank.org/en/country/vietnamhttps://liveprod.worldbank.org/en/country/vietnam

[49] Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) (2021). "Giới và thị trường lao động tại Việt Nam: Phân tích dựa trên Khảo sát lực lượng lao động." Văn phòng ILO tại Việt Nam, Hà Nội. Truy cập tại: https://www.ilo.org/hanoi/Whatwedo/Publications/WCMS_774434/lang--en/index.htm

[50] Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (2025). "Thúc đẩy bình đẳng giới để tăng trưởng toàn diện tại Việt Nam." Ngày xuất bản: 29/5/2025. Truy cập tại: https://minio.uninfo.org/uninfoproductionmain/684443baa2b248d9bbdb9c6893d8736b_CCA_UpdateUnlocking_gender_equality_for_inclusive_growth_in_Viet_Namzerodraft.pdf

[51] Tài liệu đã dẫn

[52] Cục Thống Kê (2021), "Nghèo đa chiều Việt Nam 2016-2020,". Truy cập tại https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2021/03/Thong-cao-bao-chi-MDP_MPI_edited.pdf Cục Thống Kê Việt Nam (2021). "Nghèo đa chiều Việt Nam 2016–2020." Thông cáo báo chí, Cục Thống kê, Hà Nội. Truy cập tại: https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2021/03/Thong-cao-bao-chi-MDP_MPI_edited.pdf

[53] Tài liệu đã dẫn.

[54] Chính phủ Việt Nam (2023). "Nghị quyết số 42NQ/TW về việc tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội trong giai đoạn mới." Ban hành ngày 24/11/2023. Truy cập tại:https://www.social-protection.org/gimi/ShowRessource.action?id=57955 molisa.gov.vn+13social-protection.org+13social-protection.org+13
Quốc hội Việt Nam (2024). "Luật số 41/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội." Được thông qua tháng 6/2024; có hiệu lực từ tháng 7/2025. Tóm tắt tại: https://home.kpmg/vn/en/home/insights/2024/06/VietNamlabourupdatejune2024.html
Chính phủ Việt Nam (2024). "Nghị định số 76/2024/NĐCP về chính sách trợ giúp xã hội." Ban hành tháng 6/2024; có hiệu lực từ tháng 7/2024. Truy cập tại: https://luatvietnam.vn/an-sinh-xa-hoi/nghi-dinh-76-2024-nd-cp-282203-d1.html

[55] Bộ Y tế (2024). "Hướng dẫn quốc gia về cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản và tình dục cho người khuyết tật (Quyết định số 3082/QĐ-BYT)." Hà Nội, Việt Nam.

[56] Chính phủ Việt Nam (2025). "Tính đến tháng 3 năm 2025, khoảng 3,8 triệu người thuộc nhóm dễ bị tổn thương (tương đương 3,38% dân số) đang nhận trợ giúp xã hội." Trích từ: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, "Báo cáo tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ xã hội và chính sách đãi ngộ người có công quý I năm 2025," tháng 3/2025. Truy cập tại: https://moha.gov.vn/portal/pages/2025/baocaotinhhinhtrogiuxahoi2025.html

[57] Chính phủ Việt Nam (2023). "Báo cáo rà soát việc thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP về chính sách trợ cấp xã hội cho đối tượng hưởng trợ cấp xã hội." Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH). Truy cập tại: https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/duthaovbpl/bao-cao-tong-ket-nd-20-btxh-.doc

[58] UNICEF (2022). "Mở rộng trợ giúp xã hội cho trẻ em tại Việt Nam: Các phương án về không gian tài khóa." Truy cập tại: https://www.unicef.org/eap/media/13691/file/Chapter%203_Strengthening%20Viet%20Nam%27s%20Social%20Protection%20System.pdf

[59] UNICEF và FAO (2020). "Phân tích tính khả thi của việc triển khai hỗ trợ tiền mặt cho trẻ em trong các tình huống khẩn cấp tại Việt Nam." Thực hiện theo đặt hàng của UNICEF Việt Nam và FAO Việt Nam, tháng 4/2020. Truy cập tại: https://www.unicef.org/vietnam/reports/feasibility-analysis-delivery-cash-assistance-children-emergencies-viet-nam

[60] UNICEF (2024). "Đánh giá việc thực hiện Nghị định 20/2021/NĐ-CP về chính sách trợ giúp xã hội và đề xuất khuyến nghị kỹ thuật sửa đổi, tập trung vào phụ nữ mang thai và trẻ em." Truy cập tại: https://www.unicef.org/eap/media/13691/file/Chapter%203_Strengthening%20Viet%20Nam%27s%20Social%20Protection%20System.pdf

[61] UNICEF và FAO (2020). "Phân tích tính khả thi của việc triển khai hỗ trợ tiền mặt cho trẻ em trong các tình huống khẩn cấp tại Việt Nam." Truy cập tại: https://www.unicef.org/vietnam/media/9356/file/Analysis%20report%3A%20Feasibility%20analysis%20on%20the%20delivery%20of%20cash%20assistance%20for%20children%20in%20emergencies%20in%20Viet%20Nam.pdf

[62] Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT) (2023). "Báo cáo Rà soát quốc gia tự nguyện năm 2023 về thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững." Truy cập tại: https://fileportalcms.mpi.gov.vn/TinBai/VanBan/2023-08/VNR_Full_Final(EN).pdfhttps://fileportalcms.mpi.gov.vn/TinBai/VanBan/2023-08/VNR_Full_Final(EN).pdf

[63] Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT) (2023). "Báo cáo Rà soát quốc gia tự nguyện năm 2023 về thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững." Truy cập tại: https://fileportalcms.mpi.gov.vn/TinBai/VanBan/2023-08/VNR_Full_Final(EN).pdf

[64] Le Minh Thi, Bùi Thị Tú Quyên, Phan Đình Hiệp, Bùi Thị Ngọc (2021).). "Thực trạng thực hành quản lý vệ sinh kinh nguyệt của học sinh nữ tại một số trường học tại Hà Nội và Quảng Bình." Tạp chí Y học Dự phòng, 31(8): 150–158. Truy cập tại: https://doi.org/10.51403/0868-2836/2021/430

[65] Cục Thống kê và UNICEF (2022). "Kết quả điều tra Việt Nam 20202021: Các chỉ số chính, tổng quan và bộ dữ liệu." Điều tra đánh giá các mục tiêu về trẻ em và phụ nữ (SDGCW), Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam và UNICEF. Truy cập tại: https://mics-surveys-prod.s3.amazonaws.com/MICS6/East%20Asia%20and%20the%20Pacific/Viet%20Nam/2020-2021/Survey%20findings/Viet%20Nam%202020-21%20MICS-SDGCW_English.pdf

[66] Báo Hải Dương (2025). "Việt Nam đặt mục tiêu 1 triệu sinh viên ngành STEM năm 2030." Báo Hải Dương, 19/02/2025. Truy cập tại: https://baohaiduong.vn/en/viet-nam-dat-muc-tieu-1-trieu-sinh-vien-nganh-stem-nam-2030-407992.htmlhttps://baohaiduong.vn/en/viet-nam-dat-muc-tieu-1-trieu-sinh-vien-nganh-stem-nam-2030-407992.html
Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024). "Chiến lược giáo dục đại học và thống kê tuyển sinh ngành STEM." Báo Chính phủ Việt Nam. Đến năm 2024, tỷ lệ sinh viên mới theo học các ngành STEM đạt khoảng 35–36% (khoảng 218.000 sinh viên STEM). Truy cập tại: https://en.sggp.org.vn/vietnams-university-student-count-to-surpass-3-million-by-2030-post116038.htmlhttps://en.sggp.org.vn/vietnams-university-student-count-to-surpass-3-million-by-2030-post116038.html

[67] Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) (2025). "Báo cáo nghiên cứu: Kỹ năng thương mại và đa dạng hóa kinh tế – Phân tích ngành dệt may tại Việt Nam." Truy cập tại: https://www.ilo.org/publications/research-report-skills-trade-and-economic-diversification-analysis-textile

Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) (2025). "Hướng tới chiến lược kỹ năng ngành dệt may Việt Nam: Nhu cầu kỹ năng ưu tiên, hành động và khuyến nghị cho hệ thống giáo dục và đào tạo." Truy cập tại: https://www.ilo.org/publications/towards-sector-skills-strategy-viet-nam%E2%80%99s-textile-and-garment-industryhttps://www.ilo.org/publications/towards-sector-skills-strategy-viet-nam%E2%80%99s-textile-and-garment-industry

[68] Cục Thống kê (2023). "Kết quả điều tra về người khuyết tật năm 2023 (VDS 2023)." Truy cập tại: https://www.gso.gov.vn/en/data-and-statistics/2023/05/viet-nam-survey-on-people-with-disabilities-2023

[69] Đào, Q. V., Phạm, N. T., và Phạm, M. T. (2025). "Phân tích thị trường lao động tại Việt Nam và hàm ý chính sách." *[Báo cáo chưa công bố]*. Báo cáo hỗ trợ kỹ thuật của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) dành cho cho tầm nhìn Việt Nam đến năm 2045.

[70] Cục Thống kê Việt Nam (2025). "Thông cáo báo chí về tình hình lao động, việc làm quý 1 năm 2025." Truy cập tại: Truy cập tại:https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2025/04/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-i-nam-2025/

[71] Việt Nam News (2/12/2025). "Việt Nam kêu gọi đẩy nhanh cải cách đào tạo nghề trong kỷ nguyên số." Truy cập tại: https://vietnamnews.vn/society/1731087/viet-nam-urged-to-accelerate-vocational-training-reforms-for-digital-era.html

[72] Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) (2023). ." Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) (2023). "Xu hướng tử vong mẹ giai đoạn 2000-2020." Truy cập tại: https://iris.who.int/bitstream/handle/10665/366225/9789240068759-eng.pdf?sequence=1
UNICEF (2024). "Mức độ và xu hướng tử vong ở trẻ em: Báo cáo năm 2023, Các ước tính được xây dựng bởi Nhóm công tác liên cơ quan của Liên Hợp Quốc về ước tính tỷ lệ tử vong trẻ em (UN IGME)." Truy cập tại: https://childmortality.org/wp-content/uploads/2024/03/UNIGME-2023-Child-Mortality-Report.pdf

[73] Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) (2023). "Báo cáo Sốt rét Thế giới năm 2023 – Hồ sơ quốc gia: Việt Nam." Truy cập tại: https://www.who.int/publications/i/item/9789240076783

[74] Cục Thống kê (2024). "Tuổi thọ người Việt Nam tăng lên 74,5 tuổi vào năm 2023 nhưng người cao tuổi vẫn phải sống chung với nhiều bệnh lý." *Viet Nam Net*, 22/8/2024. Truy cập tại: https://vietnamnet.vn/en/vietnamese-life-expectancy-rises-but-elderly-live-with-a-number-of-ailments-2305306.html

[75] UNAIDS (2024). "Tổng quan về Việt Nam: Ước tính và dữ liệu về HIV và AIDS." Truy cập tại: https://www.unaids.org/en/regionscountries/countries/vietnam.

[76] Chương trình phối hợp của Liên Hợp Quốc về HIV/AIDS (UNAIDS) (2024). "Dữ liệu UNAIDS 2024 – Hồ sơ quốc gia của Việt Nam." Truy cập tại: https://www.unaids.org/en/regionscountries/countries/vietnam

[77] Exemplars in Global Health (2023).). *Công tác phòng, chống COVID-19* của Việt Nam. Truy cập tại: https://www.exemplars.health/emerging-topics/epidemic-preparedness-and-response/covid-19/viet-nam
Nhóm đánh giá độc lập (Ngân hàng Thế giới) (2022).). *Báo cáo hoàn thành và kết quả triển khai: Dự án ứng phó khẩn cấp COVID-19 tại Việt Nam (P174389)*. Truy cập tại: https://documents.worldbank.org/en/publication/documents-reports/documentdetail/099245006092227930/p174389098d46d01f0b470f5d97a7aab5a3https://documents.worldbank.org/en/publication/documents-reports/documentdetail/099245006092227930/p174389098d46d01f0b470f5d97a7aab5a3

[78] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Y tế; Bộ Tài nguyên và Môi trường, Việt Nam (2022). "Kế hoạch tổng thể cho Khung đối tác Một sức khỏe về phòng chống bệnh dịch từ động vật sang người tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025." Ban hành tháng 3/2022. Truy cập tại: https://rr-asia.woah.org/app/uploads/2025/03/OHP-MSK-EN.pdfhttps://rr-asia.woah.org/app/uploads/2025/03/OHP-MSK-EN.pdf

[79] Viet Nam Net (2024). "Việt Nam sẽ cấm thuốc lá điện tử từ năm 2025." Đăng ngày 30/11/2024. Truy cập tại: https://en.baochinhphu.vn/viet-nam-to-ban-e-cigarettes-from-2025-111241201154851979.htm).-." Đã công bố. Truy cập tạihttps://en.baochinhphu.vn/viet-nam-to-ban-e-cigarettes-from-2025-111241201154851979.htm
Tổ chức Y tế Thế giới tại Việt Nam (2025). "Các nhà lập pháp Việt Nam nắm bắt thời cơ lịch sử để bảo vệ sức khỏe cộng đồng, đặc biệt là thanh thiếu niên, trước tác hại của rượu bia, thuốc lá và đồ uống có đường." Đăng ngày 14/6/2025. Truy cập tại: https://www.who.int/vietnam/news/detail/14-06-2025-viet-nam-lawmakers-seize-historic-moment-to-protect-youth-and-community-health-from-harm-from-alcohol--tobacco-and-sugary-drinkshttps://www.who.int/vietnam/news/detail/14-06-2025-viet-nam-lawmakers-seize-historic-moment-to-protect-youth-and-community-health-from-harm-from-alcohol--tobacco-and-sugary-drinks

[80] Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) (2023). "Báo cáo tình hình an toàn giao thông đường bộ toàn cầu năm 2023 – Hồ sơ Quốc gia Việt Nam." Truy cập tại: https://www.who.int/publications/i/item/9789240077612

[81] Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA) Việt Nam (không rõ năm). "Sức khỏe và quyền sinh sản và tình dục." Truy cập tại: https://vietnam.unfpa.org/en/topics/sexual-reproductive-health-and-rightshttps://vietnam.unfpa.org/en/topics/sexual-reproductive-health-and-rights

[82] UNFPA Việt Nam (không rõ năm). "Sức khỏe và quyền sinh sản và tình dục." Truy cập tại: https://vietnamvietnam.unfpa.org/en/topics/sexual-reproductive-health-and-rights.

[83] Tài liệu đã dẫn.

[84] UNICEF Việt Nam (2024). "Báo cáo nhân đạo số 2: Ứng phó với siêu bão Yagi, ngày 12/9/2024." Truy cập tại: https://reliefweb.int/report/viet-nam/unicef-viet-nam-humanitarian-situation-report-no-02-typhoon-yagi-12-september-2024

[85] Văn phòng Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) khu vực Tây Thái Bình Dương (2023). "Chăm sóc người mắc bệnh không lây nhiễm tại Việt Nam: Khi dịch vụ y tế gần nhất là dịch vụ tốt nhất". Truy cập tại: https://www.who.int/westernpacific/news-room/feature-stories/item/caring-for-people-with-noncommunicable-diseases-in-viet-nam-the-nearest-health-care-is-often-the-best-health-care.

[86] Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) (2022). "Báo cáo theo dõi tiến độ về bệnh không lây nhiễm năm 2022." Truy cập tại: https://www.who.int/publications/i/item/9789240047769 devpolicy.org+4who.int+4developmentaid.org+4
Viện Nghiên cứu Tác động Sức khỏe (HEI) (2020). "Tình trạng không khí toàn cầu năm 2020 – Hồ sơ quốc gia Việt Nam." Truy cập tại: https://www.stateofglobalair.org/countrydata?country=235

[87] Văn phòng Tổ chức Y tế Thế giới khu vực Tây Thái Bình Dương (2024). "Chăm sóc người mắc bệnh không lây nhiễm tại Việt Nam: Khi dịch vụ y tế gần nhất là dịch vụ tốt nhất". Truy cập tại: https://www.who.int/westernpacific/news-room/feature-stories/item/caring-for-people-with-noncommunicable-diseases-in-viet-nam-the-nearest-health-care-is-often-the-best-health-care.

[88] Kosowicz, L. và Trần, K. (2023). "Bài học cho Việt Nam về việc sử dụng công nghệ số nhằm hỗ trợ phát triển hệ thống chăm sóc lấy người bệnh làm trung tâm tại các quốc gia thu nhập thấp và trung bình ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương: Đánh giá sơ bộ." Tạp chí quốc tế về nghiên cứu môi trường và sức khỏe cộng đồng, 20. Truy cập tại: https://pmc.ncbi.nlm.nih.gov/articles/PMC10132046

Xem thêm: Marko, J.G.O., Neagu, C.D. and Anand, P.B. (2025). "Xem xét tính bao trùm: Ứng dụng AI và các nhóm dân cư đa dạng trong chăm sóc sức khỏe và chăm sóc xã hội: Đánh giá có hệ thống." Tạp chí Tin học Y tế và Ra quyết định BMC, 25:57. Truy cập tại: https://bmcmedinformdecismak.biomedcentral.com/articles/10.1186/s12911-025-02884-1

[89] Bộ Y tế, Vụ Sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em (2023). "Tỷ lệ mang thai ở tuổi vị thành niên chiếm khoảng 2,5–3% tổng số ca mang thai tại Việt Nam, với khoảng 3.000 ca phá thai ở thanh thiếu niên được ghi nhận mỗi năm tại các cơ sở y tế công lập." Truy cập tại: https://vietnamnet.vn/en/vietnam-records-3-000-teenage-abortions-annually-figures-likely-higher-2326019.html

[90] Viện Xã hội học, Đại học Queensland và Trường Y tế Công cộng Johns Hopkins Bloomberg (2022). "Khảo sát sức khỏe tâm thần vị thành niên tại Việt Nam: Những phát hiện chính. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. Truy cập tại: https://qcmhr.org/outputs/reports/16-vnamhs-report-vie-15-feb-2023.pdfhttps://qcmhr.org/outputs/reports/16-vnamhs-report-vie-15-feb-2023.pdf.

[91] Chính phủ Việt Nam (2023). "Quyết định số 300/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững ở Việt Nam đến năm 2030," ban hành ngày 28/3/2023. Truy cập tại: https://www.unfoodsystemshub.org/docs/unfoodsystemslibraries/national-pathways/Viet%20Nam/decision-300-nap-fst-Viet%20Nam-eng_12-07-2023.pdf?sfvrsn=d2d713f_1.

[92] Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023). "Báo cáo Rà soát quốc gia tự nguyện năm 2023 về thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững." Hà Nội: Bộ KH&ĐT. Truy cập tại: https://vnr2030.mpi.gov.vn/en/voluntary-national-review-2023/.

[93] Viện Dinh dưỡng Quốc gia, Bộ Y tế (2024). "Báo cáo về tình trạng dinh dưỡng quốc gia năm 2023–2024." Hà Nội: Bộ Y tế. Truy cập tại: https://www.viendinhduong.vn/wp-content/uploads/2024/07/National-Nutrition-Status-Report-2023-2024.pdf.

[94] Chính phủ Việt Nam (2021). "Chiến lược quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2030." Truy cập tại: https://reliefweb.int/report/viet-nam/viet-nam-disaster-risk-reduction-and-management-strategy-2030.

[95] Chương trình giám sát chung WHO/UNICEF (2023). "Dữ liệu hộ gia đình tại Việt Nam", tháng 3/2023. Truy cập tại: https://washdata.org/data/household#!/vnm.

[96] Cục Thống kê và UNICEF (2022). "Kết quả điều tra Việt Nam 2020-2021: Các chỉ số chính, tổng quan và bộ dữ liệu." Truy cập tại: https://mics.unicef.org/news_entries/212/JUST-RELEASED:-VIET-NAM-2020-2021-SURVEY-FINDINGS,-KEY-INDICATORS,-SNAPSHOTS-AND-DATASETS.

[97] Cục Thống kê (2025). "Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý I năm 2025". Truy cập tại: https://www.gso.gov.vn/en/data-and-statistics/2025/03/socio-economic-situation-in-the-first-quarter-of-2025/.
Ngân hàng Thế giới (2024). "Triển vọng kinh tế vĩ mô và nghèo đói khu vực Đông Á và Thái Bình Dương – Việt Nam". Truy cập tại: https://documents.worldbank.org/en/publication/documents-reports/documentdetail/099153504092413649/p1746540c2422e026097d50e9c9938417c3.

[98] Ngân hàng Thế giới (2022). "Báo cáo về khí hậu và phát triển cho Việt Nam". Truy cập tại: https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/publication/vietnam-country-climate-and-development-report-ccdr.

[99] Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2024). "Báo cáo về đầu tư nước ngoài năm 2023". Truy cập tại: https://www.mpi.gov.vn/en/Pages/tinbai.aspx?idTin=54886;
Cục Thống kê (2024). "Thống kê thương mại và dịch vụ". Truy cập tại: https://www.gso.gov.vn/en/px-web/?pxid=E0101&theme=Trade%2C%20Price%20and%20Tourism;

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (2024). "Việt Nam: Báo cáo tham vấn Điều IV năm 2024 – Báo cáo của nhóm chuyên gia". Truy cập tại: https://www.imf.org/en/Publications/CR/Issues/2024/01/17/Viet-Nam-2024-Article-IV-Consultation-Press-Release-and-Staff-Report-538971.

[100] UNDP Việt Nam (2023). "Thực trạng nghèo đa chiều ở Việt Nam giai đoạn 2021–2022". Truy cập tại: https://www.undp.org/VietNam/publications/multidimensional-poverty-viet-nam-2021-2022https://www.undp.org/VietNam/publications/multidimensional-poverty-viet-nam-2021-2022.

[101] Reuters (2025). "Quốc hội Việt Nam thông qua kế hoạch tinh gọn bộ máy quản lý", ngày 18/2/2025. Truy cập tại: https://www.reuters.com/world/asia-pacific/vietnam-parliament-approve-plan-leaner-government-2025-02-18/;
Báo Vietnam Net (2025). "Các bộ ngành tinh giản hơn 22.300 biên chế sau sắp xếp, hợp nhất", ngày 8/4/2025. Truy cập tại: https://vietnamnet.vn/en/over-22-000-government-positions-cut-as-vietnam-reforms-public-sector-2388780.html;
AFP (2025). "Các cơ quan lập pháp Việt Nam thông qua việc sáp nhập các tỉnh, cắt giảm gần 80.000 lao động", ngày 12/6/2025, theo Báo Laotian Times. Truy cập tại: https://laotiantimes.com/2025/06/12/vietnam-lawmakers-approve-merging-provinces-slashing-nearly-80000-jobs/.

[102] Ngân hàng Thế giới (2024). "Việt Nam 2045: Nâng cao vị thế thương mại trong một thế giới đang thay đổi". Truy cập tại: https://www.worldbank.org/en/country/VietNam/publication/viet-nam-2045-trading-up-in-a-changing-world.

[103] ILO (2024). "Triển vọng việc làm và xã hội khu vực châu Á - Thái Bình Dương năm 2024: Thúc đẩy việc làm thỏa đáng và tăng trưởng toàn diện, bao trùm". Truy cập tại: https://www.ilo.org/publications/major-publications/asia-pacific-employment-and-social-outlook-2024-promoting-decent-work-and.

[104] Ngân hàng Thế giới (2024). "Việt Nam 2045: Nâng cao vị thế thương mại trong một thế giới đang thay đổi". Truy cập tại: https://www.worldbank.org/en/country/Vietnam/publication/viet-nam-2045-trading-up-in-a-changing-worldhttps://www.worldbank.org/en/country/Vietnam/publication/viet-nam-2045-trading-up-in-a-changing-world.

[105] UN ESCAP và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Việt Nam) (2020). "Đánh giá tác động của COVID-19 đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa, đặc biệt là các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam". Bangkok: UN ESCAP. Truy cập tại: https://www.unescap.org/sites/default/d8files/2020-09/ESCAP_VietNam_MSMEs_and_COVID-19.pdf.

[106] UN Comtrade (2024). "Hồ sơ xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2000-2023". Truy cập tại: https://comtradeplus.un.org.

[107] WTO và Bộ Công Thương (2023). "Rà soát chính sách thương mại của Việt Nam năm 2023". Truy cập tại: https://www.wto.org/english/tratop_e/tpr_e/tp529_e.htm.

[108] OECD (2023). "Cơ sở dữ liệu về Thương mại giá trị gia tăng (TiVA) – Việt Nam". Truy cập tại: https://www.oecd.org/sti/ind/measuring-trade-in-value-added.htm.

[109] Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2024). "Báo cáo phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn 2023-2024". Truy cập tại: https://www.mpi.gov.vn/en/.

[110] Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (2023). "Báo cáo của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam năm 2023" (Đánh giá thường niên về phát triển hợp tác xã tại Việt Nam). Truy cập tại: https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2024/10/Sach-trang-Hop-tac-xa-Viet-Nam-2024.pdf

[111] WIPO (2024). "Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2024: Hồ sơ quốc gia cho Việt Nam". Truy cập tại: https://www.wipo.int/global_innovation_index/en/.

[112] Bộ LĐTBXH (2024). "Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045". Truy cập tại: https://www.molisa.gov.vn.

[113] Cục Thống kê và ILO (2025). "Điều tra lao động và việc làm Q4/2024". Truy cập tại: https://www.gso.gov.vn/en/data-and-statistics/2025/01/labour-force-survey-quarter-4-2024/.

[114] ILO (2023). "Lý thuyết thay đổi về chuyển đổi từ kinh tế phi chính thức sang kinh tế chính thức ở Việt Nam". Truy cập tại: https://www.ilo.org/publications/theory-change-transitioning-informal-economy-formal-economy-viet-nam; Cục Thống kê (2023). "Tình hình chung của lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức tại Việt Nam". Truy cập tại: https://www.gso.gov.vn/en/data-and-statistics/2023/06/overall-situation-of-workers-in-informal-employment-in-viet-nam/; ILO (2024). "Cơ chế đơn giản hóa và chính thức hóa dành cho doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ: Hướng tới cải cách luật pháp về hộ kinh doanh tại Việt Nam". Truy cập tại: https://www.ilo.org/publications/formalization-and-simplified-micro-and-small-enterprise-regimes-towards; ILO (2024). "Xác định địa vị pháp lý cho hộ kinh doanh tại Việt Nam - Chìa khóa để chính thức hóa". Truy cập tại: https://www.ilo.org/publications/defining-legal-status-household-businesses-viet-nam-key-formalization; ILO (2021). "Lao động có việc làm phi chính thức ở Việt Nam: Xu hướng và các yếu tố tác động". Truy cập tại: https://www.ilo.org/publications/informal-employment-viet-nam-trends-and-determinants.

[115] Cục Thống kê và UNCEF (2023). "Khảo sát quốc gia về người khuyết tật". Truy cập tại: https://www.gso.gov.vn/en/px-web/?pxid=E1111&theme=Social%20issues; và UNICEF Việt Nam. "Hòa nhập người khuyết tật". Truy cập tại: https://www.unicef.org/vietnam/disability-inclusion.

[116] Ngân hàng Thế giới (2023). "Báo cáo tương lai việc làm tại Việt Nam: Tự động hóa, thị trường lao động và nền kinh tế số". Truy cập tại: https://documents.worldbank.org/en/publication/documents-reports/documentdetail/099253503082323378/idu03b0595be09324041f90bd6003bca9949ed9d.

[117] ILO (2025). "Nghiên cứu giới hỗ trợ hoàn thiện chính sách việc làm ở Việt Nam". Truy cập tại: https://www.ilo.org/publications/research-report-gender-diagnostics-support-transforming-employment.

[118] ILO (2024). "Tăng cường trách nhiệm giới trong dự thảo sửa đổi Luật Việc làm Việt Nam" (Khuyến nghị chính sách). Truy cập tại: https://www.ilo.org/publications/enhancing-gender-responsiveness-proposed-revisions-employment-law-viet-namhttps://www.ilo.org/publications/enhancing-gender-responsiveness-proposed-revisions-employment-law-viet-nam; và ILO (2021). "Giới và thị trường lao động ở Việt Nam". Truy cập tại: https://www.ilo.org/publications/gender-and-labour-market-viet-nam.

[119] Cục Thống kê (2025). "Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý I năm 2025". Thông cáo báo chí, tháng 4/2025; và Economic Times/HRSEA (2025). "Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên Việt Nam đạt 7,93% trong Q1/2025", tháng 4/2025. Truy cập tại: https://hrsea.economictimes.indiatimes.com/news/industry/vietnams-youth-unemployment-stands-at-7-93-in-q1-2025/120096381.

[120] Cục Thống kê và Bộ Tài chính (2025). "Báo cáo tình hình kinh tếxã hội quý I năm 2025". Tháng 4/2025. Truy cập tại: https://www.nso.gov.vn/en/data-and-statistics/2025/04/report-on-socio-economic-situation-in-quarter-i-in-2025/

[121] Chính phủ Việt Nam (2023). "Phản hồi đối với Danh sách các vấn đề từ Ủy ban về Quyền của người khuyết tật (CRPD)". Truy cập tại: https://docs.un.org/en/CRPD/C/VNM/RQ/1.

[122] ILO (2025). "Hướng tới xã hội hòa nhập: An sinh xã hội kiến tạo cơ hội và trao quyền cho người khuyết tật tại Việt Nam". Truy cập tại: www.ilo.org/sites/default/files/2025-12/EN_ILO_Policy_%20brief_Portrait_A4_20251208.pdf

[123] UNDP (2020). "Báo cáo đánh giá Luật Người khuyết tật so sánh với Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật và kinh nghiệm của một số quốc gia". Truy cập tại: https://www.undp.org/viet-nam/publications/report-reviewing-viet-nams-law-persons-disabilities-comparison-convention-rights-persons-disabilities-and-international-best.

[124] Tổ chức Lao động Quốc tế (2024). "Tổng quan về phí tuyển dụng và các chi phí liên quan". Tháng 10/2024. Truy cập tại: https://www.ilo.org/sites/default/files/2024-10/Brochure_Recuitment_fees_web.pdf.

[125] Tổ chức Di cư Quốc tế (IOM) (2021). "Tính dễ bị tổn thương và rủi ro bị bóc lột của lao động di cư Việt Nam", Nghiên cứu phân tích. Truy cập tại: https://migrantprotection.iom.int/en/resources/report/vulnerabilities-and-risks-exploitation-encountered-by-vietnamese-migrant-workers.

[126] Chính phủ Việt Nam và Liên minh châu Âu (2020). "Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU". Truy cập tại: https://trade.ec.europa.eu/access-to-markets/en/content/eu-viet-nam-free-trade-agreementhttps://trade.ec.europa.eu/access-to-markets/en/content/eu-viet-nam-free-trade-agreement.
Chính phủ Việt Nam và các thành viên CPTPP (2018). "Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương". Truy cập tại: https://www.international.gc.ca/trade-commerce/trade-agreements-accords-commerciaux/agr-acc/cptpp-ptpgp/index.aspx.

[127] Hieu, N. T., & Nam, T. T. (2021). *Các phương pháp đánh giá phát thải khí nhà kính, nguồn dữ liệu và quy trình báo cáo tại Việt Nam*. Bộ Tài nguyên và Môi trường. Truy cập tại https://dragon.ctu.edu.vn/en/images/hinh_l/14Feb2024_GHG_Emission_Assessment_Methods_Data_Sources_and_Reporting_Processes_in_Viet Nam_Revised.pdf; Ngân hàng Thế giới (2022). "Báo cáo về khí hậu và phát triển cho Việt Nam". Truy cập tại: https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/brief/key-highlights-country-climate-and-development-report-for-vietnam.
UNDP (2024). "Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu cập nhật", xác nhận ước tính 10 tỷ USD (~3,2% GDP). Truy cập tại: https://www.adaptation-undp.org/resources/naps/viet-nam-national-adaptation-plan-update-2024.

[128] Germanwatch (2025). "Việt Nam – Xếp hạng Chỉ số đánh giá hiệu quả ứng phó biến đổi khí hậu năm 2025". *Chỉ số đánh giá hiệu quả ứng phó biến đổi khí hậu*. Truy cập tại: https://ccpi.org/country/vnm/.

[129] Our World in Data (2023). "Việt Nam: Hồ sơ quốc gia về lượng phát thải CO_2". Truy cập tại: https://ourworldindata.org/co2/country/Viet%20Nam?country=~VNM.

[130] Viet Nam Net (2024). "Biến đổi khí hậu làm gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan tại Việt Nam trong năm 2024". Báo Viet Nam Net. Truy cập tại: https://vietnambiz.vn/en/climate-change-intensifies-extreme-weather-events-in-2024-2279904.htmlhttps://vietnambiz.vn/en/climate-change-intensifies-extreme-weather-events-in-2024-2279904.html.

[131] Ngân hàng Thế giới (2021). "Hồ sơ quốc gia cho Việt Nam: Dữ liệu khí hậu cho tương lai". Cổng thông tin kiến thức về biến đổi khí hậu. Truy cập tại: https://climateknowledgeportal.worldbank.org/sites/default/files/2021-04/15077-Viet%20Nam%20Country%20Profile-WEB.pdf.

[132] Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (2024). "Đánh giá đa ngành nhu cầu phục hồi sau bão Yagi (VMSA)". Truy cập tại: https://www.undp.org/Viet%20Nam/publications/viet-nam-multi-sector-assessment-vmsa-report-typhoon-yagi-recoveryhttps://www.undp.org/Viet%20Nam/publications/viet-nam-multi-sector-assessment-vmsa-report-typhoon-yagi-recovery.

[133] Ban Thư ký Công ước về Đa dạng sinh học (2020). "Triển vọng đa dạng sinh học toàn cầu lần thứ 5". Montreal, Canada: Công ước về Đa dạng sinh học. Truy cập tại: https://www.cbd.int/gbo5https://www.cbd.int/gbo5.

[134] Bộ Tài nguyên và Môi trường (2019). "Báo cáo quốc gia lần thứ 6 đối với Công ước về đa dạng sinh học". Truy cập tại: Https://www.cbd.int/doc/nr/nr-06/vn-nr-06-en.pdf;; và Ngân hàng Thế giới (2021). "Diện tích các khu bảo tồn trên đất liền (% tổng diện tích đất liền) – Việt Nam". Truy cập tại: https://data.worldbank.org/indicator/ER.LND.PTLD.ZS?locations=VN.

[135] Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VAST) (2024). "Danh lục đỏ Việt Nam năm 2024". Hà Nội, Việt Nam. Truy cập tại: http://vnredlist.vast.vn/

[136] IQAir (2024). "Chỉ số chất lượng không khí và thông tin về ô nhiễm không khí tại Việt Nam". Truy cập tại: https://www.iqair.com/vietnamvietnam.

[137] Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên tại Việt Nam (2022). "Thực trạng và giải pháp thúc đẩy tái chế chất thải nhựa ở Việt Nam". Truy cập tại: https://wwfasia.awsassets.panda.org/downloads/taiche_nhua_eng_final_trangdoi_1_1_1.pdfhttps://wwfasia.awsassets.panda.org/downloads/taiche_nhua_eng_final_trangdoi_1_1_1.pdf

[138] Vietnam Briefing (2022). "Nền kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam: Quyết định số 687 về phê duyệt đề án phát triển. Truy cập tại: https://www.vietnam-briefing.com/news/vietnams-circular-economy-decision-687-development-plan-ratified.html

[139] Phan, A. (2019). "Gần như toàn bộ nước thải sinh hoạt xả ra môi trường ở Việt Nam đều chưa qua xử lý". VnExpress International. Truy cập tại: https://e.vnexpress.net/news/news/viet-nam-dumps-almost-all-urban-wastewater-untreated-into-the-environment-3993043.htmlhttps://e.vnexpress.net/news/news/viet-nam-dumps-almost-all-urban-wastewater-untreated-into-the-environment-3993043.html.

[140] Cục Thống kê (2020). "Điều tra dân số và nhà ở". Truy cập tại: https://www.gso.gov.vn/en/dataandstatistics/2020/11/completedresultsofthe2019vietnampopulationandhousingcensus/ghdx.healthdata.org+15

[141] UN Women & UNDP (2022). "Bình đẳng giới và biến đổi khí hậu tại Việt Nam: Báo cáo phân tích chính sách". Truy cập tại: https://asiapacific.unwomen.org/sites/default/files/Field%20Office%20ESEAsia/Docs/Publications/2021/04/publication_vietnam%20report_digital2%20%281%29.pdfhttps://asiapacific.unwomen.org/sites/default/files/Field%20Office%20ESEAsia/Docs/Publications/2021/04/publication_vietnam%20report_digital2%20%281%29.pdf

[142] Our World in Data (2023). "Năng lượng ở Việt Nam", truy cập tại: https://ourworldindata.org/energy/country/vietnam; và REN21 (2024). "Báo cáo tình hình năng lượng tái tạo toàn cầu năm 2024 – Tổng quan về Việt Nam", truy cập tại: https://www.ren21.net/gsr-2024/snapshots/vietnam.

[143] UNIDO và Bộ Công Thương (2023), "Việt Nam: Nghiên cứu sơ bộ về kinh tế tuần hoàn". Truy cập tại: https://www.unido.org/resources/publications/viet-nam-circular-economy-scoping-study.

[144] Cơ quan quan sát lĩnh vực giao thông vận tải châu Á (Asian Transport Observatory) & ADB (2023), "Hồ sơ giao thông và khí hậu của Việt Nam". Truy cập tại: https://asiantransportobservatory.org/documents/223/Viet_Nam-transport-and-climate-policy.pdf.

[145] Cục Thống kê (2024), "Báo cáo thí điểm: Một số chỉ tiêu phát triển bền vững về môi trường đô thị và biến đổi khí hậu tại Việt Nam". Truy cập tại: https://www.nso.gov.vn/en/data-and-statistics/2024/01/pilot-report-urban-environment-sustainability-and-climate-change-related-indicators-for-Viethttps://www.nso.gov.vn/en/data-and-statistics/2024/01/pilot-report-urban-environment-sustainability-and-climate-change-related-indicators-for-VietNam.

[146] Chính phủ Việt Nam (2023). "Kế hoạch huy động nguồn lực thực hiện Tuyên bố chính trị thiết lập Quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP)", công bố tại COP28, tháng 12/2023. Truy cập tại: https://www.jetp.vn/resource-mobilisation-plan.

[147] Bộ Xây dựng (2022). "Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050". Truy cập tại: https://moc.gov.vn/en/news/67981/action-plan-construction-climate.aspx.

[148] Quyết định số 1662/QĐ TTg của Thủ tướng Chính phủ (2021). "Phê duyệt Đề án "Bảo vệ và phát triển rừng vùng ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030", ban hành ngày 4/10/2021. Truy cập tại: https://english.luatvietnamluatvietnam.vn/tai-nguyen/decision-1662-qd-ttg-2021-protection-development-of-coastal-forests-in-response-to-climate-change-210386-d1.html.

[149] Chính phủ Việt Nam, Nghị định số 05/2025/NĐCP (ngày 6/1/2025) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐCP nhằm tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường, đặc biệt là mở rộng quy định về Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR); Nghị định số 153/2024/NĐCP (tháng 11/2024) quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải; Nghị quyết số 139/2024/QH15 (ngày 28/6/2024) phê duyệt Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050. Truy cập tại: https://www.tilleke.com/insights/decree-05-updates-extended-producer-responsibility-regulations-in-vietviet-nam, https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Decree-05-2025-ND-CP-amendments-to-certain-articles-of-Decree-08-2022-ND-CP/642709, https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Resolution-139-2024-QH15-National-marine-spatial-planning-for-the-period-of-2021-2030-623947.aspx.

[150] Chính phủ Việt Nam (2022). "Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050". Truy cập tại: https://english.luatvietnam.vn/decision-no-149-qd-ttg-approving-the-strategy-for-biodiversity-until-2030-217593-Doc1.html.

[151] Chính phủ Việt Nam (2022). "Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050". Truy cập tại: https://english.luatvietnam.vn/decision-no-149-qd-ttg-approving-the-strategy-for-biodiversity-until-2030-217593-Doc1.html.

[152] Ban Thư ký Công ước về Đa dạng sinh học, "Khung đa dạng sinh học toàn cầu Côn Minh-Montreal", được thông qua tại Hội nghị lần thứ 15 các bên tham gia Công ước về Đa dạng sinh học (COP15), tháng 12/2022. Truy cập tại: https://www.cbd.int/gbf/

[153] IUCN Việt Nam & Bộ Tài nguyên và Môi trường (2024). "Lồng ghép Mục tiêu 3 của Khung đa dạng sinh học toàn cầu Côn Minh-Montreal (30×30) vào Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học của Việt Nam đến năm 2030". Truy cập tại: https://iucn.org/story/202304/30x30-target-and-opportunities-oecms-viet-nam.

[154] Chính phủ Việt Nam. (2025). "Quyết định số 222/QĐ-TTg năm 2025 phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035". Truy cập tại: https://thuvienphapluat.vn/van-ban/EN/Thuong-mai/Decision-222-QD-TTg-2025-The-National-Action-Plan-for-circular-economy-implementation-by-2035/646507.

[155] UNDP Việt Nam (2022). "Báo cáo rà soát đầu tư và chi tiêu công cho biến đổi khí hậu ở Việt Nam (CPEIR)". Truy cập tại: https://www.undp.org/vietnam/publications/viet-nam-climate-public-expenditure-and-institutional-review-cpeir-2022; và OECD (2022). "Chỉ số đánh giá tiến bộ trong chính sách hỗ trợ DNVVN: ASEAN 2022 – Hồ sơ quốc gia cho Việt Nam". Truy cập tại: https://www.oecd.org/publications/sme-policy-index-asean-2022-82b0f41e-en.htm.

[156] Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT) và UNDP (2022). "Báo cáo rà soát đầu tư và chi tiêu công cho biến đổi khí hậu ở Việt Nam". Truy cập tại: https://www.vn.undp.org.

[157] UNDP và Bộ KH&ĐT (2022). "Đánh giá tính bền vững của khu vực tư nhân ở Việt Nam". Truy cập tại: https://www.undp.org/vietnam/publications

[158] Bộ Tài chính (2023). "Khung trái phiếu xanh cho Việt Nam". Truy cập tại: https://bidv.com.vn/bidv_en/tin-tuc/tin-ve-bidv/bidv-thong-bao-ban-hanh-khung-trai-phieu-xanh

[159] https://en.baochinhphu.vn/full-resolution-of-14th-national-party-congress-111260214171856653.htm .

[160] Chính phủ Việt Nam (2025). "Kế hoạch tổng thể thực hiện các khuyến nghị của chu kỳ Rà soát định kỳ phổ quát toàn cầu lần thứ tư (UPR)", được phê duyệt vào ngày 19/6/2025. Truy cập tại: https://vietnamlawmagazine.vn/pm-approves-master-plan-for-implementation-of-upr-recommendations-74475.html.

[161] OECD (2020). "Quản trị bao trùm là gì? Làm rõ lý thuyết và thực tiễn", *Tài liệu Chính sách Phát triển của OECD*, Số 27, OECD Publishing, Paris. Truy cập tại: https://doi.org/10.1787/960f5a97-en

[162] CECODES, RTA và UNDP (2025). "Chỉ số đánh giá hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh của Việt Nam năm 2024 (PAPI 2024): "Đo lường trải nghiệm của người dân", Hà Nội, Việt Nam. Truy cập tại: https://papi.org.vn/wp-content/uploads/2025/04/PAPI_2024_REPORT_ENG_final.pdf

[163] Dựa trên dữ liệu thu thập được từ cuộc khảo sát PAPI năm 2024 vào tháng 8 và tháng 9/2024, trước khi triển khai các cải cách.

[164] Tài liệu đã dẫn.

[165] Tài liệu đã dẫn.

[166] UNICEF (2022). "Báo cáo thực trạng giáo dục Việt Nam | 2022." Truy cập tại: https://www.unicef.org/vietnam/media/### https://www.unicef.org/vietnam/media/###

[167] "Huế (2023). "Bộ máy hành chính mang tính đại diện và tính bao trùm: Sự tham gia của người dân tộc thiểu số tại Việt Nam," Truy cập tại: https://vietnam.gov.vn/political-system-68959

[168] Chính phủ Việt Nam (2024). "Kế hoạch hành động quốc gia về phụ nữ, hòa bình và an ninh giai đoạn 2024–2030." Truy cập tại: https://wps.asean.org/resources/approval-of-the-national-action-plan-on-women-peace-and-security-for-the-period-2024-2030-viet-nam/

[169] Cục Thống kê (2019). Điều tra quốc gia người khuyết tật Việt Nam năm 2016. Truy cập tại: https://www.gso.gov.vn/en/data-and-statistics/2019/03/vietnam-national-survey-on-people-with-disabilities-2016/

[170] Dao, M. T T., Nguyen, H. G G., Tran, A. K K., Nguyen, T. B. T B T., Tran, D. L. H L H., Nguyen, N. L L., Nguyen, M. H. O H O., Dao, N. T T., Hoang, Y., & Nguyen, V. N. D N D. (2024). "Kiến tạo Tương lai: Tích hợp góc nhìn của thanh niên vào quá trình Chuyển đổi Năng lượng Công bằng tại Việt Nam", Nhóm công tác chính sách thanh niên vì khí hậu, Nhóm chuyển đổi năng lượng, Việt Nam. Truy cập tại: https://example.org/fulltext-url

[171] Đảng Cộng sản Việt Nam (2025). «Nghị quyết số 66-NQ/TW về công tác xây dựng và thi hành pháp luật, ngày 30/4/2025» và Đảng (2022). «Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, ngày 9/11/2022.» Truy cập tại: https://vietnamlawmagazine.vn/resolution-no-27-nqtw-on-building-and-perfecting-the-socialist-rule-of-law-state-49760.html.

[172] WJP (2024), "Chỉ số pháp quyền: Việt Nam." Truy cập tại: https://worldjusticeproject.org/rule-of-law-index/country/2024/Vietnam/

[173] Ủy ban CRPD (2018). "Nhận xét kết luận về báo cáo quốc gia lần đầu của Việt Nam (CRPD/C/VNM/CO/1)", ngày 28/12/2018, đoạn 30(c), truy cập tại: https://digitallibrary.un.org/

record/4081260/files/CRPD_C_VNM_CO_1 EN.pdf tbinternet.ohchr.org+15digitallibrary.un.org+15icj.org+15 Ủy ban CERD, "Nhận xét kết luận về báo cáo định kỳ kết hợp từ lần thứ 15 đến lần thứ 17 của Việt Nam (CERD/C/VNM/CO/15- 17)", thông qua ngày 8/12/2023, đoạn 5, 39, truy cập tại: https://undocs.org/CERD/C/VNM/CO/15 17

[174] Quốc hội (2025). "Các đại biểu Quốc hội thảo luận về Mô hình Tòa án ba cấp", Vietnam News, ngày 19/5/2025. Truy cập tại: https://en.vietnamplus.vn/lawmakers-to-discuss-three-level-court-model-post319426.vnp

[175] Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp Quốc (2022). "Báo cáo Rà soát định kỳ phổ quát toàn cầu (UPR): không gian tham gia của các tổ chức xã hội ở Việt Nam." Truy cập tại: https://www.ohchr.org/en/hr-bodies/upr/vn-index .

[176] UNICEF (2022). "Bảo vệ trẻ em khỏi bạo lực, lạm dụng và bỏ bê tại Việt Nam: thực trạng giai đoạn 2021–2022." Hà Nội: Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc https://www.unicef.org/VietNam/reports/protecting-children-violence-abuse-neglect .

[177] Cục Thống kê và UNCEF (2021). "Báo cáo về kết quả điều tra mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2020–2021." https://www.unicef.org/vietnam/reports/mics-2021

[178] UNICEF, INTERPOL và ECPAT (2022). "Ngăn chặn hành vi gây tổn hại tại Việt Nam – Bằng chứng về bóc lột và xâm hại tình dục trẻ em qua mạng.." Truy cập tại: https://www.unicef.org/innocenti/media/4181/file/DH-Viet-Nam-Report-2022.pdf

[179] UN Women (2019). "Báo cáo rà soát độc lập: 25 năm thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh tại Việt Nam, tập trung vào vấn đề bạo lực trên cơ sở giới dưới góc nhìn của các tổ chức xã hội. https://vietnam.unwomen.org/en/resources/publications/2019/11/independent-review-report

[180] Luật Trẻ em (Điều 1, Luật số 102/2016/QH13) định nghĩa trẻ em là người dưới 16 tuổi, trong khi độ tuổi thành niên ở Việt Nam được quy định là 18 tuổi theo Bộ luật Dân sự (Luật số 91/2015 / QH13, ngày 24/11/2015). Bộ luật hình sự năm 2015 (Luật số 100/2015/QH13) bao gồm các điều khoản đặc biệt để bảo vệ cá nhân dưới 16 tuổi, nhưng chưa mở rộng phạm vi bảo vệ pháp lý tương đương cho tất cả trẻ em dưới 18 tuổi theo yêu cầu của Công ước về Quyền Trẻ em. Ví dụ, hiện nay hành vi dâm ô chỉ được coi là tội phạm nếu thực hiện đối với trẻ em dưới 16 tuổi, trong khi hành vi dâm ô đối với người từ đủ 16 tuổi trở lên chỉ được coi là vi phạm hành chính và bị xử phạt tiền.

[181] Luật Xử lý vi phạm hành chính (Luật số 15/2012/QH13, ngày 20/6/2012) và văn bản sửa đổi (Luật số 67/2020/QH14, ngày 13/11/2020), Chương II Phần V, đã đưa ra các phương án xử lý dựa vào cộng đồng dành cho trẻ em vi phạm pháp luật, đồng thời mở rộng phạm vi áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng và các biện pháp thay thế tạm giam đối với người chưa thành niên phạm tội. Văn bản này cũng đưa ra quy định về thủ tục tố tụng hình sự có trách nhiệm giới và thân thiện với trẻ em trong Bộ luật Tố tụng hình sự, mở rộng phạm vi trợ giúp pháp lý để bao phủ nhiều đối tượng trẻ em hơn, và thành lập tòa án chuyên trách về trẻ em đầu tiên của Việt Nam (Tòa gia đình và người chưa thành niên). Những thay đổi khác trong chính sách hình sự áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội bao gồm: thay đổi về xóa án tích nhằm tạo điều kiện tái hòa nhập cộng đồng tốt hơn, và thiết lập cơ chế tha tù trước thời hạn có điều kiện - một hình thức mới giúp người chưa thành niên đang bị giam giữ được tự do sớm hơn. Tham khảo Luật Trợ giúp pháp lý (Luật số 11/2017/QH14, ngày 20/6/2017), Điều 7; Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (Luật số 62/2014/QH13, ngày 24/11/2014), Điều 30, 38 và 45; Bộ luật Hình sự (Luật số 100/2015/QH13, ngày 27/11/2015), Chương XII; và Bộ luật Tố tụng hình sự (Luật số 101/2015/QH13, ngày 27/11/2015), Chương XXVIII; Luật Tư pháp người chưa thành niên (Luật số 59/2024/QH15), ngày 30/11/2024).

[182] Luật Tư pháp người chưa thành niên, số 59/2024/QH15 được thông qua vào tháng 12/2024, có hiệu lực từ tháng 1/2026. Luật Tư pháp người chưa thành niên, số 59/2024/QH15 (2024). "Luật

Tư pháp người chưa thành niên." Được thông qua ngày 30/11/2024; có hiệu lực từ ngày 1/1/2026. https://vanban123.vn/Luat/LawNo592024QH15datedNovember302024onjuvenilejustice679512/

[183] Liên Hợp Quốc Hội đồng Nhân quyền (2024). "Rà soát định kỳ phổ quát toàn cầu – Việt Nam, chu kỳ thứ tư (2022–2027)." Được xem xét vào tháng 5/2024 và chính thức thông qua ngày 27/9/2024. https://www.ohchr.org/en/hr-bodies/upr/vn-index

[184] Bộ Y tế Việt Nam (2022). "Công văn số 4132/BYT-PC, Chấn chỉnh công tác khám bệnh, chữa bệnh đối với người đồng tính, song tính và chuyển giới," ngày 3/8/2022. https://www.vietnamnews.vn/society/1276404/health-ministry-stresses-homosexuality-not-a-disorder-calling-out-self-proclaimed-treatments-cures.html

[185] Đáng chú ý là Nghị định số 126/2024/NĐ-CP về Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, có hiệu lực từ ngày 26/11/2024; Nghị định số 147/2024/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng, có hiệu lực từ ngày 25/12/2024.

[186] Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc (2024). "Báo cáo của Nhóm công tác về Rà soát định kỳ phổ quát toàn cầu – Việt Nam (A/HRC/56/13)", ngày 17/4/2024. https://undocs.org/en/A/HRC/56/13

[187] Luật Phòng, chống mua bán người, số 53/2024/QH15 (2024). "Luật Phòng, chống mua bán người." Được thông qua vào ngày 28/11/2024 và có hiệu lực vào ngày 1/7/2025. https://vanban.chinhphu.vn/?classid=1&docid=212481&orggroupid=1&pageid=27160

[188] Quốc hội Việt Nam (2024). "Luật Phòng, chống mua bán người, số 53/2024/QH15". Được thông qua ngày 28/11/2024; có hiệu lực từ ngày 1/7/2025. Truy cập tại: https://thuvienphapluat.vn/van-ban/EN/Trach-nhiem-hinh-su/Law-53-2024-QH15-prevention-combat-of-human-trafficking/640717/tieng-anh.aspx

[189] Viet Nam Plus (2023). "ENV: Tỷ lệ đối tượng buôn bán động vật hoang dã bị bắt giữ ở mức cao", *Viet Nam Plus*, ngày 7/9/2023. Truy cập tại: https://en.vietnamplus.vn/env-arrests-for-wildlife-violations-on-the-rise-post268273.vnp

[190] SGGP (2024.). "Tội phạm mạng tại Việt Nam gây thiệt hại khoảng 743 triệu USD", *Sài Gòn Giải Phóng*, ngày 16/12/2024. Truy cập tại: https://en.sggp.org.vn/cybercrime-in-vietnam-inflicts-losses-of-around-us743-million-post114525.html

[191] Báo Quân đội Nhân dân (2025). "Gần 30.000 vụ án về ma túy trong năm 2024", Báo Quân đội Nhân dân, ngày 6/1/2025. Truy cập tại: https://en.qdnd.vn

[192] Cao ủy Liên Hợp Quốc về người tị nạn (UNHCR) (2024). "Bản đệ trình của UNHCR cho Rà soát định kỳ phổ quát toàn cầu – Việt Nam – Phiên họp UPR lần thứ 46 (2024)." Truy cập tại: https://www.refworld.org/policy/upr/unhcr/2024/en/149090

[193] Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc (2024). "Chu kỳ IV của Rà soát định kỳ phổ quát toàn cầu của Việt Nam: Danh mục các khuyến nghị theo chuyên đề." Truy cập tại: https://www.ohchr.org/sites/default/files/documents/hrbodies/upr/sessions/session46/vn/upr46-viet-nam-thematic-list-of-recommendations.docx

[194] Chính phủ Việt Nam (2023). "Nghị quyết số 175/NQCP Phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia" được Chính phủ thông qua ngày 30/10/2023. Truy cập tại: https://vanban.chinhphu.vn/?docid=208852&pageid=27160

[195] Chính phủ Việt Nam (2024). "Luật Dữ liệu (Luật số 60/2024/QH15)", được Quốc hội thông qua ngày 30/11/2024. Truy cập tại: https://vietnamlawmagazinevietnamlawmagazine.vn/law-on-data-adopted-by-the-national-assembly-72356.html .

Chính phủ Việt Nam (2023). “Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân,” được ban hành ngày 17/4/2023 và có hiệu lực từ ngày 1/7/2023. Truy cập tại: https://vietnamlawmagazine.vn/government-issues-first-ever-decree-on-personal-data-protection-68846.html .

196 UNESCAP (2019). “Khát vọng xa hơn mục tiêu tăng trưởng: Hướng tới một khu vực Châu Á - Thái Bình Dương thịnh vượng, bao trùm và bền vững.”.” Bangkok: Ủy ban Kinh tế Xã hội châu Á Thái Bình Dương của Liên Hợp Quốc. Truy cập tại: https://www.unescap.org/sites/default/files/publications/ambitions-beyond-growth-2019.pdf

197 Ngân hàng Thế giới (2021). “Cập nhật tình hình tài khóa Việt Nam – Tổng quan về tác động tài khóa của COVID-19.” Truy cập tại: https://documents.worldbank.org/en/publication/documents-reports/documentdetail/205711626876722071/Viet-Nam-fiscal-update-aggregate-fiscal-impact-of-covid-19 . Ngân hàng Thế giới (2024), “Các chỉ số phát triển thế giới.” Truy cập tại: https://data.worldbank.org/indicator/NE.GDI.TOTL.ZS?locations=VN .

198 Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (2025). "Đánh giá tài chính phát triển Việt Nam.” Truy cập tại: https://vietnam.un.org/en/295148-viet-nam-development-finance-assessment.

199 Thời báo Tài chính (2025). “ODA funds slow in disbursement.” 6 Nov 2025. Available at: https://thoibaotaichinhvietnam.vn/oda-funds-slow-in-disbursement-186486.html

200 Thời báo Tài chính (2025). “ODA funds slow in disebursêmnt.” Ngày 6 Tháng Mười một 2025. Truy cập tại: ODA funds slow in disbursement | Thời báo Tài chính Việt Nam

201 Quỹ Tiền tệ Quốc tế (2024). “Cơ sở dữ liệu triển vọng kinh tế thế giới, tháng 10/2024.” Truy cập tại: https://www.imf.org/en/Publications/WEO/weo-database/2024/October .
Dữ liệu CEIC (2025). “Doanh thu thuế của Việt Nam: % GDP.” Truy cập tại: https://www.ceicdata.com/en/indicator/vietnam/tax-revenue--of-gdp .

202 Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (2025). «Đánh giá tài chính phát triển Việt Nam.” Truy cập tại: https://vietnam.un.org/en/295148-viet-nam-development-finance-assessment .

203 Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Kinh tế Xã hội châu Á Thái Bình Dương của Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (2024). “Thúc đẩy phát triển bền vững ở Việt Nam: Lựa chọn chính sách.” Truy cập tại: https://vietnam.un.org/en/288091-accelerating-sustainable-development-viet-nam-policy-options-macroeconomic-modelling .

204 IMF (2024). “Cơ sở dữ liệu triển vọng kinh tế thế giới, tháng 10/2024.” Truy cập tại: https://www.imf.org/en/Publications/WEO/weo-database/2024/October .

205 Tài liệu đã dẫn.

206 Dữ liệu CEIC (2025). “Đầu tư tại Việt Nam: % GDP danh nghĩa.” Truy cập tại: https://www.ceicdata.com/en/indicator/Viet%20Nam/investment--nominal-gdp .

207 Ngân hàng Thế giới (2025). “Các chỉ số phát triển thế giới,” truy cập tháng 3/2025. Truy cập tại: https://databank.worldbank.org/source/world-development-indicators https://databank.worldbank.org/source/world-development-indicators .

208 Tài liệu đã dẫn.

209 Ngân hàng Thế giới (2022). “Việt Nam: Đánh giá Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.” Truy cập tại: https://documents1.worldbank.org/curated/en/929681629871018154/pdf/Viet%20Nam-Science-Technology-and-Innovation-Report.pdf.

210 Reuters (ngày 14/12/2022). “Các quốc gia G7 cung cấp 15,5 tỷ USD giúp Việt Nam cắt giảm sử

dụng than đá", ngày 14/12/2022. Truy cập tại: https://www.reuters.com/business/energy/g7-viet-nam-reach-155-bln-climate-deal-cut-coal-use-sources-2022-12-14/; Reuters (ngày 5/3/2025). "Hoa Kỳ rút khỏi kế hoạch hỗ trợ các quốc gia phát thải lớn trong lộ trình chuyển dịch khỏi than đá", ngày 5/3/2025. Truy cập tại: https://www.reuters.com/sustainability/climate-energy/us-withdrawing-plan-help-major-polluters-move-coal-sources-2025-03-05/ https://www.reuters.com/sustainability/climate-energy/us-withdrawing-plan-help-major-polluters-move-coal-sources-2025-03-05/.

[211] Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (2025). «Đánh giá tài chính phát triển Việt Nam." Truy cập tại: https://vietnam.un.org/en/295148-viet-nam-development-finance-assessment .

[212] Viet Nam Net (2024). "Tín dụng xanh sẽ không rẻ hơn như kỳ vọng," ngày 25/9/2024. Truy cập tại: https://vietnamnet.vn/en/green-credit-won-t-be-less-expensive-as-expected-2344468.html; và Ngân hàng Phát triển Châu Á (2024). "Báo cáo giám sát trái phiếu châu Á – Tháng 11/2024." Truy cập tại: https://www.adb.org/publications/asia-bond-monitor-november-2024 https://www.adb.org/publications/asia-bond-monitor-november-2024.

[213] PwC (2025). "Tài chính xanh ở Việt Nam: Lộ trình hướng tới phát triển kinh tế bền vững", ngày 25/3/2025. Truy cập tại: https://www.pwc.com/vn/en/insights-hub/perspective-blog/green-finance-development.html.

[214] Chính phủ Việt Nam (2018, 2023). "Báo cáo quốc gia tự nguyện về việc thực hiện Chương trình nghị sự 2030." 2018 VNR: https://sustainabledevelopment.un.org/content/documents/19967VNR_of_Việt_Nam.pdf ; VNR 2023 (tóm tắt): https://hlpf.un.org/countries/viet-nam.

[215] Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020). "Báo cáo rà soát quốc gia về thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững 2016–2020." Truy cập tại: https://vietnam.un.org/en/112188-five-year-review-implementation-sdgs-viet-nam.

[216] Đảng Cộng sản Việt Nam (2025). "Nghị quyết số 68-NQ/TW về Phát triển Kinh tế tư nhân," tháng 5/2025. Truy cập tại: https://www.mpi.gov.vn/en/Pages/tinbai.aspx?idTin=55313&idcm=124.

[217] Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2023). "Khu vực tư nhân và tính bền vững: Khảo sát quốc gia." Truy cập tại: https://vcci.com.vn/enhancing-sustainability-and-competitiveness.

[218] Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) (2022). "Tài chính xanh tại các thị trường mới nổi: Hồ sơ quốc gia Việt Nam." Truy cập tại: https://www.ifc.org/en/where-we-work/east-asia-pacific/vietnam. Chính phủ Việt Nam (2023), Quyết định số 843/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 ban hành Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Truy cập tại: https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=208251.

[219] Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (2021). "Phân tích chung về Quốc gia năm 2021", trang 29–31. Truy cập tại: https://vietnam.un.org/en/140112-common-country-analysis-2021.

[220] Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp Quốc (OHCHR) (2022). "Bản đệ trình cho UPR: Không gian tham gia của các tổ chức xã hội, đoàn thể tại Việt Nam." Truy cập tại: https://www.ohchr.org/en/hr-bodies/upr/vn-index; và UPR Info, "Báo cáo tóm tắt về không gian tham gia của các tổ chức xã hội, đoàn thể – Việt Nam." Truy cập tại: https://upr-info.org/en/review/Viet-Nam.

[221] Ngân hàng Thế giới (2023). "Khung đối tác quốc gia Việt Nam 2023–2027." Truy cập tại: https://documents.worldbank.org/en/publication/documents-reports/documentdetail/099914304242334060/p17596305bd1ab0f20914e021d62d478f99.

[222] Ban Thư ký Đối tác Chuyển đổi Năng lượng Công bằng (2023). "Tuyên bố chính trị chung." Tóm tắt tại: https://www.jep-monitor.org/countries/vietnam. Truy cập tại: https://www.gov.uk/government/publications/just-energy-transition-partnership-joint-political-declaration.

UNITED
NATIONS
VIET NAM